



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Chủ biên)
NGUYỄN LINH CHI – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY
LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯỞNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

NGŨ VĂN

6

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Chủ biên)
NGUYỄN LINH CHI – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY
LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯƠNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

NGỮ VĂN



TẬP MỘT



KẾT NỐI THỰC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



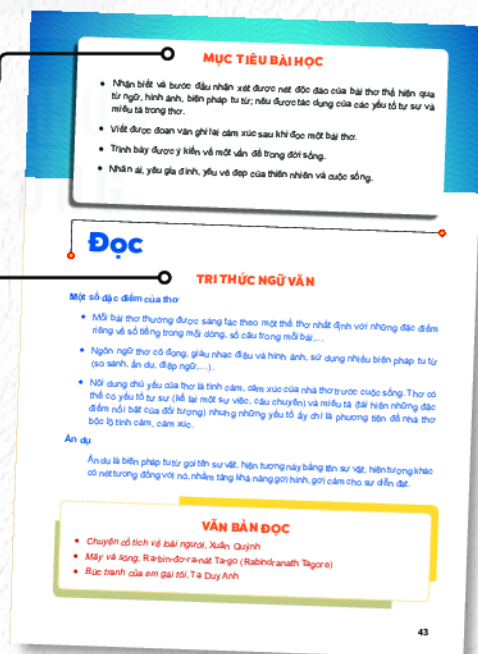
Tên bài cũng là chủ điểm của bài học, gợi mở đề tài chung của các văn bản.

Đề từ là phần gợi liên tưởng, suy nghĩ từ chủ điểm của bài học.

Giới thiệu bài học định hướng về nội dung và thể loại hoặc kiểu văn bản của các văn bản trong bài học.

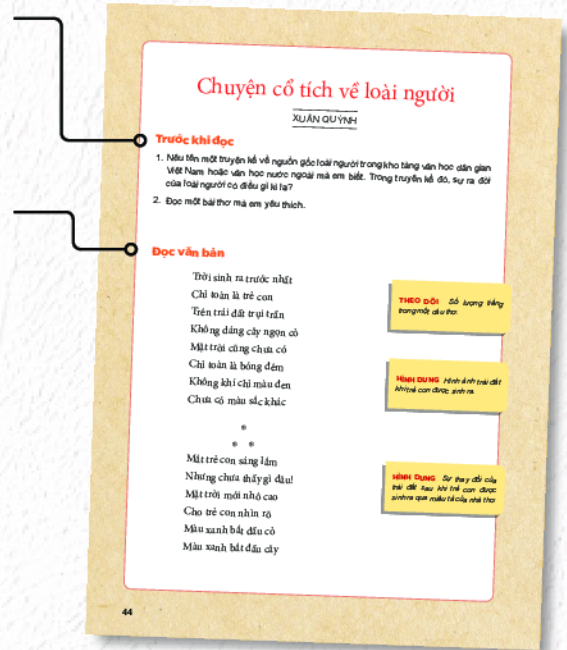
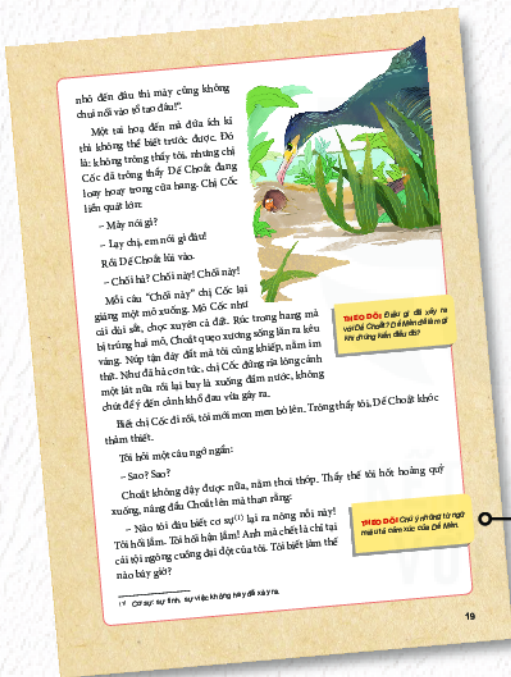
Mục tiêu bài học xác định các yêu cầu cần đạt sau khi hoàn thành bài học. Phần mục tiêu ở mỗi bài học chỉ trình bày mục tiêu về năng lực đặc thù của môn Ngữ văn (đọc, viết, nói, nghe) và mục tiêu về phẩm chất. Còn mục tiêu về năng lực chung không trình bày ở mỗi bài vì nó được thực hiện thông qua nội dung và cách thức tổ chức dạy học ở tất cả các bài.

Tri thức ngữ văn cung cấp các kiến thức về thể loại hoặc kiểu văn bản và kiến thức tiếng Việt giúp học sinh đọc hiểu văn bản.



Trước khi đọc tạo cơ hội cho học sinh huy động kiến thức và trải nghiệm của bản thân, chuẩn bị cho việc đọc hiểu văn bản.

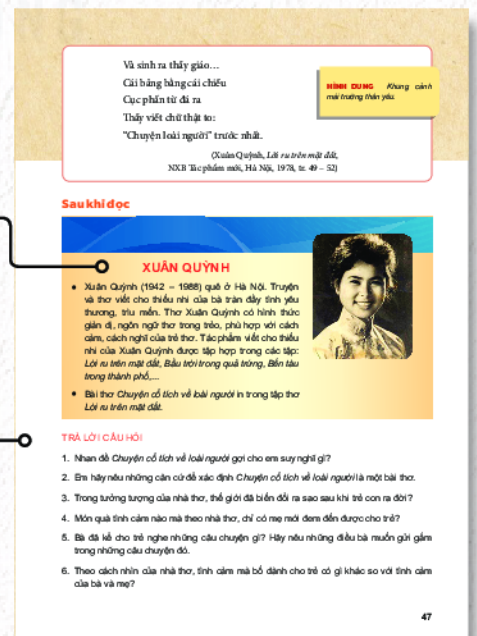
Ở phần **Đọc văn bản**, học sinh đọc thầm hoặc đọc to văn bản theo hướng dẫn của thầy cô. Mỗi bài học có hai văn bản đọc chính thuộc thể loại hoặc kiểu văn bản được học trong bài và một văn bản đọc bổ trợ, thường có sự kết nối về đề tài nhưng khác về kiểu, thể loại với hai văn bản chính.



Câu hỏi trong khi đọc định hướng cho học sinh **theo dõi, tưởng tượng, dự đoán**,... về nội dung hoặc đặc điểm nghệ thuật của văn bản. Các câu hỏi trong khi đọc là những gợi ý, hướng dẫn để người học đọc hiểu văn bản hiệu quả hơn.

Phần tìm hiểu **tác giả** cung cấp một số thông tin ngắn gọn, góp phần giúp học sinh đọc hiểu văn bản tốt hơn. Thông tin về tác giả chỉ được đưa vào sách khi nó thực sự cần thiết đối với việc đọc hiểu văn bản.

Trả lời câu hỏi là hoạt động sau khi đọc, qua đó thể hiện khả năng đọc hiểu văn bản của học sinh. Lưu ý: học sinh chuẩn bị nội dung này trước khi học trên lớp. Một số câu hỏi có đánh dấu * là những câu hỏi khó, có thể cần sự hỗ trợ của thầy cô.



Thực hành tiếng Việt dành cho học sinh cơ hội vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để nhận biết và phân tích các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt trong văn bản đọc, qua đó góp phần phát triển năng lực đọc hiểu.

Trong phần *Thực hành tiếng Việt*, ở những bài có kiến thức tiếng Việt mới được nêu trong **Tri thức ngữ văn**, có một số giải thích, hướng dẫn được đặt trong khung bên phải. Nội dung được đặt trong khung giúp học sinh có khả năng nhận biết các hiện tượng, đơn vị ngôn ngữ qua ngữ liệu thực tế trước khi thực hành.

Phần **Viết** bao gồm: yêu cầu về kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và hướng dẫn thực hành viết theo các bước. Cần tìm hiểu và vận dụng các kĩ năng theo hướng dẫn của sách và của thầy cô để viết được bài văn theo yêu cầu.

- Nhân vật trong bài thơ thể hiện chủ đề như thế nào về các bạn biết hay?
- Cum từ "đứng bất ngờ" xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Theo em, việc lặp lại cum từ này có tác dụng gì?
- Bài thơ nói chuyện biết hay mà vẫn ẩn chứa ý gì? Hài hước. Hãy chỉ ra một số biểu hiện của ý hài hước đó.
- Nếu chúng ta có thể sống tự do, chúng ta nên định cư nơi nào hoặc sống theo chủ nghĩa nào? Hãy chứng minh để làm gì và vì sao mà trong các tình huống trên, nếu gặp lại tình huống đó, em có thay đổi cách nghĩ và hành động?

Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

Trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên, nhân vật Dế Mèn đã kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của mình. Trước cái chết của Dế Choắt do trò đùa ngỗ nghịch của mình gây ra, Dế Mèn đã hối hận, trề nù ra bài học đường đời đầu tiên. Còn em, em có sẵn sàng kể về một trải nghiệm của bản thân không?

- Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:
 - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
 - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
 - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
 - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được chia sẻ.

Nói và nghe là hoạt động tiếp nối đọc và viết. Học sinh cần tìm hiểu rõ quy trình và thực hiện theo hướng dẫn. Hãy tự tin tham gia cùng các bạn và tích cực thể hiện ý kiến trước các vấn đề được trao đổi, thảo luận.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Xem lại những lưu ý ở bài TÔI và các bạn. Trong bài này, em có thể:
- Sử dụng hiệu quả các ghi chú (viết trên một vài mảnh giấy nhỏ) để lồng ghép những nội dung quan trọng.
- Sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, ví-di-ô có-clip,...) để bài nói thú vị và hấp dẫn hơn.

3. SAU KHI NÓI

- Xem lại danh từ trao đổi về bài nói ở bài TÔI và các bạn. Ngoài ra, em có thể trao đổi thêm các nội dung sau:
- Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt,...) với nội dung câu chuyện.
- Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, ví-di-ô có-clip,...) trong bài trình bày.

Củng cố, mở rộng

- Kể bằng vào vở theo mẫu sau và diễn thông tin ngắn gọn về hai văn bản Cỗ bẻ bẻ bẻ bẻ và Gió lạnh đầu mùa.

	Văn bản	Cỗ bẻ bẻ bẻ bẻ	Gió lạnh đầu mùa
Đặc điểm			
Thể loại			
Nhân vật			
Người kể chuyện			

- Chọn một truyện kể em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:
 - Xác định người kể chuyện.
 - Tóm tắt cốt truyện.
 - Phân tích đặc điểm nổi bật ở một nhân vật mà em yêu thích.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em đọc chú ý những vấn đề sau:

- Tình cảm mà tác giả gửi gắm qua câu chuyện.
- Những sự kiện chính được kể lại trong câu chuyện.
- Đặc điểm của hai nhân vật chính (tên, tính cách, ngoại hình, hành động, lời nói).
- Ý nghĩa những lời giảng giải của người kể chuyện.

90

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số truyện về đề tài tình bạn hay lòng nhân ái, khoan dung. Khi đọc, em cần chú ý chủ đề của truyện, người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Tìm đọc một số bài thơ viết về tình cảm gia đình; chủ ý tình cảm, cảm xúc của nhà thơ cũng như cách sử dụng thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Trao đổi về những điều em thấy thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã đọc.
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ em yêu thích.



95

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy xem lại bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm nhận chung của người viết.	Nếu còn thiếu so với yêu cầu, hãy bổ sung.
Nếu được cảm xúc và ý kiến đánh giá về một đặc sắc của bài thơ có sử dụng yếu tố tu từ và miêu tả.	Sử dụng lại các câu hỏi ở mục tìm ý để biết được nội dung đoạn văn của em còn thiếu ý gì. Hãy bổ sung nếu có. Nếu hỏi bị bỏ quên, chưa được trả lời.
Bổ sung yếu cầu và chỉnh sửa và diễn đạt.	Rà soát lại chính tả và diễn đạt (sử dụng, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình

Qua các văn bản đọc ở bài TÔI và các bạn, em đã cảm nhận được ý nghĩa của gia đình đối với tất cả chúng ta. Em cũng đã viết đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ thể hiện tình cảm đẹp đẽ với gia đình. Nhưng trong thực tế, đời sống gia đình còn có nhiều vấn đề khác, có tình huống cần xử lý. Khiến chúng ta phải suy nghĩ. Sau đây, em sẽ nói về một vấn đề như vậy.

90

Củng cố, mở rộng ở cuối mỗi bài học là phần luyện tập tổng hợp một số kỹ năng và ôn lại những nội dung cơ bản đã học. Phần này học sinh có thể thực hiện ở nhà và trao đổi với thầy cô cùng các bạn sau khi đã tự hoàn thành nội dung học tập mà sách thiết kế.

Thực hành đọc là phần học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng được học trong bài để tự đọc một văn bản mới. Trước mỗi văn bản thực hành đọc có một số định hướng để hỗ trợ. Mỗi lần đọc văn bản ở mục này là một lần học sinh tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập với những trải nghiệm và tưởng tượng riêng của mình.

Đọc mở rộng là phần học sinh tự tìm văn bản để đọc. Sách *Ngữ văn 6* thiết kế những trang riêng có hình bìa một số cuốn sách mà học sinh có thể tìm đọc. Những cuốn sách này gồm những văn bản thuộc cùng thể loại, kiểu văn bản và có nội dung gần gũi với những văn bản đã được học. Học sinh cũng cần tìm đọc những cuốn sách khác có thể loại, kiểu văn bản và nội dung tương tự.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang		
Hướng dẫn sử dụng sách	2	Thực hành tiếng Việt	48
Lời nói đầu	8	<i>Mây và sóng</i> (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go)	49
Bài 1. Tôi và các bạn	10	Thực hành tiếng Việt	52
Đọc	11	<i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh)	53
<i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (trích <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> , Tô Hoài)	12	Viết	57
Thực hành tiếng Việt	21	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả	57
<i>Nếu cậu muốn có một người bạn...</i> (trích <i>Hoàng tử bé</i> , Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri)	22	Nói và nghe	60
Thực hành tiếng Việt	29	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình	60
<i>Bất nạt</i> (Nguyễn Thế Hoàng Linh)	30	Củng cố, mở rộng	62
Viết	32	Thực hành đọc	63
Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em	32	Bài 3. Yêu thương và chia sẻ	65
Nói và nghe	35	Đọc	66
Kể lại một trải nghiệm của em	35	<i>Cô bé bán diêm</i> (Han Cri-xti-an An-đéc-xen)	67
Củng cố, mở rộng	37	Thực hành tiếng Việt	73
Thực hành đọc	38	<i>Gió lạnh đầu mùa</i> (Thạch Lam)	74
Bài 2. Gõ cửa trái tim	42	Thực hành tiếng Việt	81
Đọc	43	<i>Con chào mào</i> (Mai Văn Phấn)	82
<i>Chuyện cổ tích về loài người</i> (Xuân Quỳnh)	44	Viết	84
		Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em	84

Nói và nghe	89
Kể về một trải nghiệm của em	89
Củng cố, mở rộng	90
Thực hành đọc	90
Đọc mở rộng	95
Bài 4. Quê hương yêu dấu	96
Đọc	97
<i>Chùm ca dao về quê hương đất nước</i>	98
Thực hành tiếng Việt	101
<i>Chuyện cổ nước mình</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ)	102
<i>Cây tre Việt Nam</i> (Thép Mới)	104
Thực hành tiếng Việt	108
Viết	109
Tập làm một bài thơ lục bát	109
Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát	111
Nói và nghe	114
Trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương	114
Củng cố, mở rộng	115
Thực hành đọc	116

Bài 5. Những nẻo đường xứ sở	118
Đọc	119
<i>Cô Tô</i> (trích <i>Cô Tô</i> , Nguyễn Tuân)	120
Thực hành tiếng Việt	124
<i>Hang Én</i> (Hà My)	125
Thực hành tiếng Việt	129
<i>Cửu Long Giang ta ơi</i> (trích <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> , Nguyễn Hồng)	130
Viết	133
Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	133
Nói và nghe	137
Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến	137
Củng cố, mở rộng	139
Thực hành đọc	139
Đọc mở rộng	142
ÔN TẬP HỌC KÌ I	143
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ	147
Phụ lục 2: Giải thích một số thuật ngữ	148

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Sách giáo khoa *Ngữ văn 6* sẽ đồng hành cùng các em trong năm học đầu tiên ở cấp Trung học cơ sở. *Ngữ văn 6* giúp các em phát triển hiệu quả năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học nhờ hệ thống ngữ liệu có tính thẩm mỹ cao, giàu tính nhân văn, gần gũi với thực tiễn cuộc sống, được khai thác thông qua các hoạt động dạy học thiết kế theo phương pháp dạy học ngữ văn hiện đại. Sách được biên soạn theo mô hình sách giáo khoa phát triển năng lực, đồng thời có kế thừa kinh nghiệm và thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu, biên soạn sách giáo khoa và dạy học Ngữ văn lâu nay tại Việt Nam. Các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được thiết kế thành “xương sống” của mỗi bài học, kết nối chặt chẽ với nhau và với trung tâm của bài học là văn bản. Kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt được cung cấp như tri thức nền giúp học sinh có công cụ đọc hiểu nội dung và hình thức biểu đạt của các văn bản trong bài học. Thông qua việc đọc hiểu văn bản, rèn luyện kĩ năng viết, nói và nghe về những vấn đề được gợi ra từ văn bản đọc, các em cũng được phát triển những năng lực chung và những phẩm chất chủ yếu theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Ngữ văn 6 thiết kế các bài học theo cách lồng ghép hệ thống chủ điểm với hệ thống các thể loại, kiểu văn bản. Cách triển khai này vừa bảo đảm mục tiêu phát triển hiệu quả năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS, vừa khơi gợi được trải nghiệm, hứng thú của người học, qua đó bồi dưỡng cho các em những đức tính, phẩm chất tốt đẹp. Với *Ngữ văn 6*, tập một, qua các văn bản truyện ngắn, thơ, kí trong các bài học *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, *Quê hương yêu dấu*, *Những nẻo đường xứ sở*, các em sẽ thấu hiểu được chính mình, biết yêu hơn gia đình, bạn bè, quê hương và nuôi dưỡng lòng nhân ái, khoan dung đối với con người. *Ngữ văn 6*, tập hai đưa các em đến với các truyền thuyết về những người anh hùng có khát vọng cao cả, lập được chiến công phi thường vì cộng đồng qua *Chuyện kể về những người anh hùng*; hiểu sâu sắc

hơn về giá trị đạo đức và nhân sinh qua các câu chuyện quen thuộc của *Thế giới cổ tích*. Các em cũng có cơ hội bày tỏ ý kiến về những vấn đề trong cuộc sống, có ý thức tôn trọng sự khác biệt và đa dạng của cuộc sống qua bài *Khác biệt và gần gũi*; học cách tiếp cận và phân tích thông tin để có cách ứng xử đúng đắn với con người và thiên nhiên qua bài *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Cuối cùng, *Cuốn sách tôi yêu*, một bài học được thiết kế dưới dạng “dự án đọc sách”, sẽ mang lại cho các em những khoảnh khắc đầy hứng thú với những trang sách được các em yêu thích và lựa chọn. Các em không chỉ đọc mà còn được “gặp gỡ” nhà văn, sáng tạo cùng tác giả, bộc lộ tình yêu và niềm đam mê với sách – người bạn, người thầy thân thiết của mỗi học sinh.

Sách giáo khoa *Ngữ văn 6* được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, từ cách gắn kết kiến thức với thực tiễn đến cách tổ chức hoạt động học của các em học sinh,... Với các bài học trong *Ngữ văn 6*, các em sẽ có những trải nghiệm khó quên trên hành trình khám phá vẻ đẹp của ngôn ngữ và văn học, qua đó hiểu hơn về con người và cuộc sống.

Sách tuân thủ quy định viết hoa theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 3 năm 2020. Hệ thống đề mục được trình bày tường minh, thiết kế đẹp mắt. Tranh ảnh minh hoạ được chọn lọc kĩ, bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, hỗ trợ tốt cho việc tiếp nhận bài học bằng cả kênh chữ và kênh hình.

Chúc các em có nhiều niềm vui và thành công trong học tập!

Các tác giả

TÔI VÀ CÁC BẠN

- *Hạnh phúc đi đâu đấy?*
- *Đến chỗ có tình bạn!*

(Ngạn ngữ phương Tây)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Tình bạn là một món quà kì diệu của cuộc sống. Tình bạn sưởi ấm tâm hồn con người và khiến cho thế giới quanh ta trở nên phong phú, đẹp đẽ. Ai mà không mong ước được đón nhận và gìn giữ mãi món quà kì diệu ấy?
- Qua các câu chuyện thú vị trong bài học này, em có thể hiểu thêm: Điều gì khiến chúng ta trở thành bạn của nhau? Tình bạn sẽ thay đổi cuộc sống của chúng ta ra sao? Cần đối xử như thế nào với bạn để bản thân mình hạnh phúc và cũng mang đến niềm vui cho người khác?

VỚI CUỘC SỐNG



MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết văn bản bảo đảm các bước.
- Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện và truyện đồng thoại

- Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.
- Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.

Cốt truyện

- Cốt truyện là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định; có mở đầu và kết thúc.

Nhân vật

- Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...

Người kể chuyện

- Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể xưng “tôi” (người kể chuyện ngôi thứ nhất) và kể về những gì mình trực tiếp chứng kiến, tham gia. Người kể chuyện cũng có thể “giấu mình” (người kể chuyện ngôi thứ ba), không tham gia vào câu chuyện nhưng lại có khả năng “biết hết” mọi chuyện.

Lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật.
- Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

Từ đơn và từ phức

- Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.
- Từ phức là từ gồm hai hoặc nhiều hơn hai tiếng. Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép. Những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là từ láy.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Bài học đường đời đầu tiên* (trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*), Tô Hoài
- *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (trích *Hoàng tử bé*), Ăng-tơn đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (Antoine de Saint-Exupéry)
- *Bắt nạt*, Nguyễn Thế Hoàng Linh

Bài học đường đời đầu tiên⁽¹⁾

Trích *Đế Mèn phiêu lưu kí*, TÔ HOÀI

Trước khi đọc

1. Có thể em đã từng đọc một truyện kể hay xem một bộ phim nói về những sai lầm và sự ân hận. Khi đọc, xem, em đã có những suy nghĩ gì?
2. Chia sẻ với các bạn vài điều em thấy chưa hài lòng khi nghĩ về bản thân.

⁽¹⁾ Nhan đề được đặt dựa theo lời kể trong đoạn trích.

Độc văn bản

Đế Mèn phiêu lưu kí là truyện đồng thoại xuất sắc nhất của Tô Hoài. Năm 1941, Tô Hoài xuất bản truyện *Con Đế Mèn*; sau đó tác giả viết thêm *Đế Mèn phiêu lưu kí*. Năm 1954, nhà văn gộp hai tác phẩm trên thành *Đế Mèn phiêu lưu kí*, gồm mười chương. Bốn chương đầu kể về lai lịch và những bài học, những biến cố bất ngờ trên đường đời của Đế Mèn. Sáu chương sau kể về các cuộc phiêu lưu kì thú của Đế Mèn với người bạn thân Đế Trũi.

Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ chương 1 với tiêu đề:

● *Tôi sống độc lập từ thuở bé – Một sự ngộ nghich đáng ân hận suốt đời.*

(1)

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng đế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm⁽¹⁾ bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.

THEO DÕI Chú ý các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, hành động của nhân vật Đế Mèn.

Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn⁽²⁾ bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ⁽³⁾ lên, đã nghe tiếng phanh phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng⁽⁴⁾. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

(1) *Mẫm*: béo tròn, đầy đặn.

(2) *Hủn hoãn*: ngắn đến mức khó coi.

(3) *Vũ*: múa, ở đây có nghĩa là vỗ cánh.

(4) *Hùng dũng*: mạnh mẽ, hiên ngang, can đảm, mạnh bạo (*hùng*: có sức mạnh; *dũng*: can đảm, mạnh bạo).

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy⁽¹⁾ các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn⁽²⁾ lắm. Dám cà khịa⁽³⁾ với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he⁽⁴⁾. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xốc nổi⁽⁵⁾ thường lắm cử chỉ ngông cuồng là tài ba.

Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ⁽⁶⁾ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngửa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó⁽⁷⁾ lấm lạp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.



(2)

Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối⁽⁸⁾ cũng không thể làm lại được.

(1) *Dún dẩy* (như *nhún nhảy*): chuyển động nhẹ, theo chiều lên xuống, nhấp nhàng.

(2) *Tợn*: bạo dạn đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi là gì.

(3) *Cà khịa*: cố ý gây sự để cãi nhau, đánh nhau.

(4) *Ho he*: tỏ ý muốn chống lại (bằng lời nói hoặc cử chỉ).

(5) *Xốc nổi*: hăng hái nhưng thiếu chín chắn.

(6) *Ngụ*: ở, sinh sống.

(7) *Gọng Vó*: loài côn trùng chân dài, có thể di chuyển trên mặt nước như đi trên cạn.

(8) *Hối*: cảm thấy tiếc và băn khoăn, ăn năn, day dứt vì đã trót làm điều có lỗi.

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời.

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng⁽¹⁾ thế. Choắt nọ có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm.

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nhêu như một gã nghiện thuốc phiện⁽²⁾. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê⁽³⁾. Đôi càng bè bè⁽⁴⁾, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu, và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy, tính nết lại ăn xối ở thì⁽⁵⁾ (thật chỉ vì ốm đau luôn, không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.

Một hôm, tôi sang chơi, thấy trong nhà lượm lặt, bẽ bộn, tôi bảo:

– Sao chú mày sinh sống cầu thả⁽⁶⁾ quá như thế! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng⁽⁷⁾. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi⁽⁸⁾! Này thử xem:

DỰ ĐOÁN Em dự đoán thế nào về sự việc sắp được kể?



THEO DÕI Chú ý những lời đối thoại giữa Dế Mèn và Dế Choắt.

(1) *Trịch thượng*: ra vẻ bề trên, khinh thường người khác.

(2) *Thuốc phiện*: cây thường trồng ở vùng cao, lá mọc so le, hoa nhiều màu sắc, thân và quả cho một thứ nhựa dùng để chế thuốc hoặc để hút; là chất kích thích thần kinh, gây nghiện; bị cấm trồng, cấm buôn bán và sử dụng.

(3) *Gi-lê* (phiên âm từ tiếng Pháp): áo chên, không tay, không cổ, cài khuy ở phía trước, ngắn đến thắt lưng, thường mặc ngoài áo sơ mi.

(4) *Bè bè*: có bề ngang rộng quá mức bình thường (thường nói về thân thể hoặc bộ phận của thân thể).

(5) *Ăn xối ở thì*: cách sống tạm bợ cho qua ngày, không tính đến ổn định lâu dài (*xối*: tạm thời, chóng vánh; *ăn xối*: ăn ngay, có ngày nào ăn ngày ấy; *ở thì*: sống tạm bợ).

(6) *Cầu thả*: không cẩn thận, chỉ qua quýt cốt cho xong.

(7) *Tuềnh toàng*: đơn sơ, trống trải, tạm bợ.

(8) *Chết ngay đuôi*: chết ngay lập tức, không kịp phản ứng gì (*ngay*: ở tư thế thẳng đờ, không cử động; *ngay đuôi*: đuôi ở tư thế thẳng đờ ra).

khi chú chui vào tổ, lưng chú phải lom còm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chú đang đi đứng chỗ nào trong tổ. Phòng thử⁽¹⁾ có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mỗi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

Ngắm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc⁽²⁾, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.

Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu:

– Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng khôn không được. Đụng đến việc là em thờ rỗi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà của như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ rờn rã hàng mấy tháng cũng không biết làm thế nào. Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

Rồi Dế Choắt loanh quanh, bần khoản. Tôi phải bảo:

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng:

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn⁽³⁾ có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang...

Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng:

– Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!

Tôi về, không một chút bận tâm.

(1) *Phòng thử*: từ nêu giả thiết với ý khẳng định, tương tự như các từ *giả thử*, *giả dụ*,...

(2) *Tự đắc*: tự cho mình là hay, là giỏi.

(3) *Tắt lửa tối đèn*: chỉ tình huống bất trắc, khó khăn, cần sự giúp đỡ của những người xung quanh.

(3)

Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le⁽¹⁾, sâm cầm⁽²⁾, vịt trời, bồ nông, mòng, két⁽³⁾ ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép. Có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bị bơm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều toả xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.



Bỗng thấy chị Cốc từ dưới mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chùng rớ⁽⁴⁾ được món nào, vừa chén xong, chị ta tìm đến đứng chỗ mát rỉa lông, rỉa cánh và chùi mép.

Tính tôi hay nghịch ranh⁽⁵⁾. Chẳng bận đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trên chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Đế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi:

THEO DÕI Lúc rừ Đế Choắt trên chị Cốc, Đế Mèn có nghĩ đến hậu quả không?

(1) *Le*: (thường gọi là *le le*) chim sống ở nước, hình dạng giống vịt nhưng nhỏ hơn, có mỏ nhọn.

(2) *Sâm cầm*: chim sống ở nước, mỏ trắng, lông đen, sống ở phương bắc, trú đông ở phương nam.

(3) *Mòng, két*: chim có hình dạng như vịt nhưng nhỏ hơn, sống ở phương bắc, trú đông ở phương nam.

(4) *Rớ*: gặp được, bắt được, có được một cách dễ dàng, ngẫu nhiên.

(5) *Nghịch ranh*: trò nghịch ngợm tình quái đáng lẽ không nên hoặc không được phép vì có thể gây hại.

- Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?
- Đùa trò gì? Em đương lên cơn hen đây, hừ hừ...
- Đùa chơi một tí.
- Hừ... hừ... Cái gì thế?
- Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi:

- Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?
- Ừ.

- Thôi thôi... hừ hừ... Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt:

- Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!
- Thưa anh, thế thì,... hừ hừ... em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Dế Choắt và bảo:

- Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rửa cánh quay đầu lại phía cửa tổ tôi, tôi cất giọng véo von:

*Cái Cò, cái Vạc, cái Nông,
Ba cái cùng béo, vật lông cái nào?
Vật lông cái Cốc cho tao,
Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.*

Chị Cốc thoát nghe tiếng hát từ trong đất vắng vắng lên, không hiểu như thế nào, giật nảy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần⁽¹⁾ lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên như sắp đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi, hỏi:

- Đứa nào cạnh khoé⁽²⁾ gì tao thế? Đứa nào cạnh khoé gì tao thế?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ⁽³⁾. Bụng nghĩ thú vị: “Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi,

(1) *Định thần*: làm cho tinh thần trở lại trạng thái thăng bằng bình thường.

(2) *Cạnh khoé*: (lối nói, cách nói) không nói thẳng ra mà nói vòng vo, nói xa nói gần một cách không thân thiện, có ác ý.

(3) *Bắt chân chữ ngũ*: vắt chân này lên chân kia, giống hình chữ ngũ (五) trong chữ Hán (*ngũ*: năm).

nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!”

Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang. Chị Cốc liến quất lớn:

- Mày nói gì?
- Lạ chị, em nói gì đâu!
- Rồi Dế Choắt lúi vào.
- Chối hả? Chối này! Chối này!

Mỗi câu “Chối này” chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỏ, Choắt queo xương sống lăn ra kêu văng. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thít. Như đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rửa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý đến cảnh khổ đau vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Sao? Sao?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

– Nào tôi đâu biết cơ sự⁽¹⁾ lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?



THEO DÕI Điều gì đã xảy ra với Dế Choắt? Dế Mèn đã làm gì khi chứng kiến điều đó?

THEO DÕI Chú ý những từ ngữ miêu tả cảm xúc của Dế Mèn.

(1) Cơ sự: sự tình, sự việc không hay đã xảy ra.

Tôi không ngờ Đế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Đế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Đế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum⁽¹⁾. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

(Tô Hoài – Tác phẩm văn học được Giải thưởng Hồ Chí Minh, quyển hai, NXB Văn học, Hà Nội, 2005, tr. 874 – 880)

Sau khi đọc

TÔ HOÀI

- Tô Hoài (1920 – 2014) tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê ở Hà Nội. Ông là nhà văn có vốn sống rất phong phú; năng lực quan sát và miêu tả tinh tế; lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu; ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống. Tô Hoài đóng góp cho nền văn học Việt Nam hiện đại hơn 100 tác phẩm, trong đó có nhiều truyện viết cho thiếu nhi như: *Võ sĩ Bọ Ngựa*, *Dế và Lợn*, *Đôi ri đá*, *Dế Mèn phiêu lưu kí*, *Đảo hoang*, *Chuyện nỏ thần*, *Nhà Chử*,...

- *Dế Mèn phiêu lưu kí* là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của Tô Hoài, được trẻ em rất yêu thích.



Em có biết?

- *Dế Mèn phiêu lưu kí* là tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ra gần 40 thứ tiếng trên thế giới.
- *Dế Mèn phiêu lưu kí* đã được chuyển thể thành truyện tranh, phim hoạt hình và được nhiều họa sĩ vẽ minh họa.

⁽¹⁾ Bùm tum (như um tùm): (cây cối) rậm rạp, sum sê.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Đó là người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Đọc phần một đoạn trích, nêu một số chi tiết miêu tả Đế Mèn nhưng đồng thời khiến em liên tưởng tới đặc điểm của con người. Lời miêu tả này thường được sử dụng ở loại truyện nào?
3. Em thích hoặc không thích điều gì trong cách Đế Mèn miêu tả và đánh giá về bản thân ở phần một? Vì sao?
4. Đế Mèn đã nói gì khi sang thăm nhà Đế Choắt và khi Đế Choắt nhờ giúp đỡ? Những lời nói đó thể hiện thái độ gì của Đế Mèn?
5. Chứng kiến cái chết của Đế Choắt, Đế Mèn đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì? Những cảm xúc, suy nghĩ đó cho thấy sự thay đổi nào ở Đế Mèn?
6. Theo em, từ những trải nghiệm đáng nhớ, Đế Mèn đã rút ra được bài học gì?
7. Nêu hình dung của em về nhân vật Đế Choắt. Nếu gặp một người bạn có đặc điểm giống như Đế Choắt, em sẽ đối xử với bạn như thế nào?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.

Thực hành tiếng Việt

TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC

1. Kẻ bảng sau vào vở và điền các từ in đậm trong đoạn văn vào ô phù hợp:

Đôi cánh **tôi**, trước kia ngắn **hùn hoản** bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã **nghe tiếng phành phạch giòn giòn**. Lúc tôi đi bách bộ thì cả **người tôi rung rinh** một màu nâu **bóng mỡ** soi gương được và rất **ưa nhìn**.

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy

Nhận biết từ đơn và từ phức

- Đọc các từ sau: *tôi, đế, dĩ, ăn uống, nhọn hoắt, xơ xác, lêu nghêu, bè bè,...* *Tôi, đế, dĩ* là những từ đơn vì mỗi từ chỉ có một tiếng. *Ăn uống, nhọn hoắt, xơ xác, lêu nghêu, bè bè* là những từ phức vì mỗi từ gồm hai tiếng.
- Các từ *ăn uống, nhọn hoắt* là từ ghép vì các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Các từ *xơ xác, lêu nghêu, bè bè* là từ láy vì giữa các tiếng có quan hệ láy âm. Quan hệ láy âm giữa các tiếng có thể là: giống nhau về âm đầu (*xơ xác*), vần (*lêu nghêu*) hoặc cả âm đầu và vần (*bè bè*).

2. Trong *Bài học đường đời đầu tiên* có những từ láy mô phỏng âm thanh như: *véo von, hừ hừ*. Hãy tìm thêm những từ láy khác thuộc loại này ở trong văn bản.
3. Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong các câu sau:
- *Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ.*
 - *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*
 - *Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu.*

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

4. Từ ngữ trong *Bài học đường đời đầu tiên* được dùng rất sáng tạo. Một số từ ngữ được dùng theo nghĩa khác với nghĩa thông thường, chẳng hạn *nghèo* trong *nghèo sức, mưa dầm sùi sụt* trong *điệu hát mưa dầm sùi sụt*. Hãy giải thích nghĩa thông thường của *nghèo, mưa dầm sùi sụt* và nghĩa trong văn bản của những từ ngữ này.
5. Đặt câu với mỗi thành ngữ sau: *ăn xổi ở thì, tắt lửa tối đèn, hôi như cú mèo*.

BIỆN PHÁP TU TỪ

6. Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* có những hình ảnh so sánh thú vị, sinh động. Hãy tìm một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản này và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Nếu cậu muốn có một người bạn⁽¹⁾...

Trích *Hoàng tử bé*, ĂNG-TOAN ĐƠ XANH-TƠ Ê-XU-PE-RI

Trước khi đọc

1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?
2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

⁽¹⁾ Nhan đề do người biên soạn đặt.

Độc văn bản

Hoàng tử bé gồm 27 chương, kể về câu chuyện diễn ra ở sa mạc Sa-ha-ra (Sahara) “hoang vu không một bóng người”. Người kể chuyện là nhân vật “tôi” – một phi công bị rơi máy bay trên sa mạc nên đã có cơ hội được gặp và kết bạn với nhân vật chính của truyện kể này – một hoàng tử từ hành tinh khác tới. Hoàng tử bé đã phiêu lưu tới nhiều hành tinh khác nhau, phát hiện nhiều điều thú vị và ném trái cả những thất vọng, đau khổ. Cuối cùng, cậu quyết định quay trở về hành tinh của mình với bông hồng “duy nhất”... Câu chuyện của hoàng tử bé đã được nhân vật “tôi” kể lại để “không cho phép mình quên đi” vì “Thật buồn nếu quên đi một người bạn!”.

Đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (chương XXI) kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ này đã mang đến cho cả hai những món quà quý giá.

Thế rồi một con cáo xuất hiện⁽¹⁾:

- Xin chào, – con cáo nói.
 - Xin chào, – hoàng tử bé lịch sự trả lời rồi quay người lại nhưng không nhìn thấy gì.
 - Mình ở đây, – giọng nói vang lên, – dưới cây táo...
 - Bạn là ai? – Hoàng tử bé hỏi. – Bạn dễ thương quá...
 - Mình là cáo, – con cáo trả lời.
 - Lại đây chơi với mình đi, – hoàng tử bé đề nghị nó. – Mình buồn quá...
 - Mình không thể chơi với bạn được, – con cáo nói. – Mình chưa được cảm hoá⁽²⁾.
 - À! Xin lỗi! – Hoàng tử bé thốt lên.
- Nhưng sức nhớ ra, cậu hỏi lại:
- “Cảm hoá” nghĩa là gì?

THEO DÕI Những lời đối thoại giữa hoàng tử bé và cáo.

THEO DÕI Chú ý từ “cảm hoá” mỗi khi nó xuất hiện.

(1) Khi vừa đến Trái Đất, hoàng tử bé nhìn thấy một vườn hoa hồng và nhận ra rằng ở hành tinh của mình, cậu chỉ có “một bông hoa tầm thường”. Phát hiện này khiến cậu buồn bã, thất vọng, nằm dài trên cỏ và khóc. Đúng lúc đó thì con cáo xuất hiện.

(2) *Cảm hoá*: dùng tình cảm tốt đẹp làm cho một đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực. (Nguyên văn tiếng Pháp: *apprivoisé*, để dịch động từ này, các dịch giả đã chọn dùng nhiều từ khác nhau như: *thuần hoá, thuần dưỡng, tamed, cảm hoá,...*).

– Bạn không phải người ở đây, – con cáo nói, – bạn đi tìm gì vậy?

– Mình đi tìm con người. – Hoàng tử bé nói. – “Cảm hoá” nghĩa là gì?

– Con người, – con cáo nói, – họ có súng và họ đi săn. Thật là phiền toái! Họ còn nuôi gà nữa. Đó là chuyện được nhất ở họ. Bạn có tìm gà không?

– Không, mình đi tìm bạn bè. “Cảm hoá” nghĩa là gì?

– Đó là thứ bị lãng quên lâu lắm rồi. Nó có nghĩa là “làm cho gần gũi hơn...”.

– Làm cho gần gũi hơn?

– Chứ sao, – con cáo lên giọng. – Bạn đối với mình mới chỉ là một cậu bé giống như cả trăm nghìn cậu bé. Và mình không cần đến bạn. Còn bạn cũng chẳng cần gì đến mình. Mình đối với bạn chỉ là một con cáo giống như cả trăm nghìn con cáo. Nhưng, nếu bạn cảm hoá mình, tội mình sẽ cần đến nhau. Lúc đó bạn đối với mình sẽ là duy nhất trên đời. Mình đối với bạn sẽ là duy nhất trên đời...

– Mình bắt đầu hiểu rồi. Có một bông hoa⁽¹⁾... Mình nghĩ là nó đã cảm hoá mình...

– Có thể lắm. Trên Trái Đất người ta thấy đủ thứ chuyện...

– Ồ! Không phải trên Trái Đất, – hoàng tử bé nói.

Con cáo tỏ ra rất tò mò:

– Trên một hành tinh khác?

– Đúng vậy.

– Có thợ săn trên hành tinh đó không?

– Không.

– Chuyện này, đúng là thú vị! Còn gà?

– Không.

– Chẳng có gì là hoàn hảo, – con cáo thở dài.

Nhưng rồi nó quay lại với ý nghĩ lúc nãy:

– Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau, mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán.

THEO DÕI Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng những bước chân và về cánh đồng lúa mì.

⁽¹⁾ Bông hoa: bông hoa hồng duy nhất trên hành tinh của hoàng tử bé, được cậu chăm sóc, yêu thương.



Bởi vậy, nếu bạn cảm hoá mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình trốn vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như là tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cánh đồng lúa mì đang kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gọi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hoá mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thấy thích tiếng gió trên đồng lúa mì...

Con cáo ngừng lời và nhìn hoàng tử bé chăm chú. Nó nói:

- Bạn làm ơn... cảm hoá mình đi!
- Mình muốn lắm, – hoàng tử bé trả lời, – nhưng mình không có thời gian. Mình còn phải đi kiếm bạn bè và tìm hiểu nhiều thứ.
- Người ta chỉ hiểu những gì họ đã cảm hoá. [...] Nếu muốn có một người bạn, hãy cảm hoá mình đi!
- Cần phải làm sao? – Hoàng tử bé hỏi.
- Cần phải rất kiên nhẫn, – con cáo trả lời. – Trước tiên bạn ngồi xa mình một chút, như thế, trên cỏ. Mình sẽ liếc nhìn bạn còn bạn thì không nói gì cả. Lời nói là nguồn gốc của mọi sự hiểu lầm. Nhưng mỗi ngày, bạn có thể ngồi xích lại gần hơn...

THEO DÕI Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách “cảm hoá” mình như thế nào?

Hôm sau hoàng tử bé quay lại.

– Tốt nhất là bạn nên quay lại vào cùng giờ giấc, – con cáo nói. – Chẳng hạn, nếu bạn đến lúc bốn giờ chiều, thì từ ba giờ mình đã bắt đầu thấy hạnh phúc. Thời giờ càng trôi qua mình lại càng hạnh phúc hơn. Cho tới bốn giờ, mình sẽ trở nên bồn chồn và lo lắng: mình sẽ khám phá ra cái giá của hạnh phúc! Nhưng nếu bạn đến bất kì lúc nào, mình sẽ không biết giờ giấc để sửa soạn trái tim...

THEO DÕI Câu văn nào cho thấy cáo vô cùng hạnh phúc khi được gặp một người bạn?

[...] Cứ thế, hoàng tử bé cảm hoá con cáo. Khi gần đến lúc phải ra đi, con cáo nói:

- A!... Mình sẽ khóc mất.
- Lỗi do bạn đó, – hoàng tử bé nói, – mình không muốn làm bạn đau lòng chút nào, nhưng bạn lại muốn mình cảm hoá bạn...
- Tất nhiên rồi, – con cáo nói.
- Nhưng bạn sẽ khóc, – hoàng tử bé nói.
- Tất nhiên rồi, – con cáo nói.
- Vậy thì bạn chẳng được gì cả.
- Mình được chứ, – con cáo nói, – bởi vì còn có màu lúa mì.

Sau đó nó nói thêm:

– Hãy thăm lại vườn hoa hồng đi! Bạn sẽ hiểu rằng bông hoa của bạn là duy nhất trên đời. Rồi khi bạn quay lại vĩnh biệt mình, mình sẽ tặng bạn một bí mật làm quà.



Hoàng tử bé đi thăm lại vườn hoa hồng:

– Các bạn chẳng giống bông hồng của tôi chút nào, các bạn chưa là gì cả, – cậu nói với chúng. – Chẳng ai cảm hoá các bạn và các bạn chẳng cảm hoá ai. Các bạn giống như bạn cáo của tôi ngày trước. Hồi đó bạn ấy chỉ là một con cáo như cả trăm ngàn con khác. Nhưng tôi đã biến bạn ấy thành bạn của tôi, và bây giờ bạn ấy trở thành duy nhất trên đời.

THEO DÕI Điều gì khiến những bông hồng trên Trái Đất và bông hồng của hoàng tử bé khác hẳn nhau?

Các bông hoa nghe vậy rất lấy làm bức dọc.

– Các bạn đẹp, nhưng các bạn trống rỗng, – cậu nói tiếp với chúng. – Chẳng ai muốn chết vì các bạn. Còn bông hoa của tôi, dĩ nhiên người bình thường đi qua có thể tưởng rằng bạn ấy giống như các bạn. Nhưng chỉ một mình bạn ấy mà còn quan trọng hơn tất cả các bạn ở đây, bởi vì chính bạn ấy đã được tôi vun tưới. Bởi vì chính bạn ấy đã được tôi đặt vào lồng kính. Bởi vì chính bạn ấy đã được tôi che chở bằng tấm chắn gió. Bởi vì chính bạn ấy đã được tôi bắt sâu (trừ hai ba con để trở thành bướm bướm). Bởi vì chính bạn ấy đã khiến tôi nghe phàn nàn, hoặc khoe khoang, hoặc cũng có khi im lặng. Bởi vì đó là bông hồng của tôi.

Rồi cậu quay lại chỗ con cáo:

– Vĩnh biệt, – cậu nói...

– Vĩnh biệt, – con cáo nói. – Đây là bí mật của mình. Rất đơn giản: người ta chỉ thấy rõ với trái tim. Điều cốt lõi⁽¹⁾ vô hình trong mắt trần⁽²⁾.

THEO DÕI Hoàng tử bé đã nhắc lại lời nói nào của cáo?

– Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần, – hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

– Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn đã khiến bông hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế.

– Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình... – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

(1) *Cốt lõi*: cái chính và quan trọng nhất.

(2) *Mắt trần*: con mắt thường, ở đây chỉ cái nhìn chưa có sự gắn kết, thấu hiểu.

– Con người đã quên mất sự thật này, – con cáo nói. – Nhưng bạn thì không được quên. Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn đã cảm hoá. Bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn...

– Mình có trách nhiệm với bông hồng của mình... – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.

(Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, *Hoàng tử bé*, Nguyễn Tấn Đại dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr. 68 – 75 và hiệu đính bản dịch, 2020)

Sau khi đọc

ĂNG-TOAN ĐƠ XANH-TƠ Ê-XU-PE-RI

• Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900 – 1944) là nhà văn lớn người Pháp. Ông là phi công và từng tham gia chiến đấu trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Hầu hết các tác phẩm của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công. Ngòi bút của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn. Cùng với kiệt tác *Hoàng tử bé*, ông còn để lại một số tác phẩm xuất sắc như: *Bay đêm*, *Cõi người ta*, *Phi công thời chiến*,...

• *Hoàng tử bé* là tác phẩm nổi tiếng nhất của Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.



Em có biết?

- Tên của tác giả *Hoàng tử bé* đã được dùng để đặt cho một thiên thể: hành tinh 2578 Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.
- *Hoàng tử bé* được bình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỉ XX của Pháp, được dịch ra hơn 250 thứ tiếng; đã phát hành hơn 200 triệu bản trên toàn thế giới và vẫn tiếp tục được in khoảng 2 triệu bản mỗi năm; được chuyển thể thành truyện tranh, phim,...
- Đến nay, đã có 8 bản dịch tác phẩm *Hoàng tử bé* ra tiếng Việt.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào?
2. Từ “cảm hoá” xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích? Qua những lời giải thích của cáo, em hiểu “cảm hoá” nghĩa là gì?
3. Điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo thiết tha mong được kết bạn với cậu?
4. Nếu được hoàng tử bé “cảm hoá”, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi như thế nào? Qua đó, em cảm nhận được ý nghĩa gì của tình bạn?
5. Khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có những cảm xúc gì? Những cảm xúc ấy có khiến cáo hối tiếc về việc kết bạn với hoàng tử bé không?
6. Hoàng tử bé đã nhắc lại những lời nói nào của cáo “để cho nhớ”? Nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của những lời nói đó.
7. Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa nhất với chính mình?
8. Theo em, nhân vật cáo có phải là một nhân vật của truyện đồng thoại không? Vì sao?

Viết kết nối với đọc

Tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. *Hoá* trong *cảm hoá* là yếu tố thường đi sau một yếu tố khác, có nghĩa là “trở thành, làm cho trở thành hay làm cho có tính chất mà trước đó chưa có”. Hãy tìm một số từ có yếu tố *hoá* được dùng theo cách như vậy và giải thích nghĩa của những từ đó.
2. Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong những câu sau:
 - *Nhưng nếu bạn đến bất kì lúc nào, mình sẽ không biết giờ giấc để **sửa soạn** trái tim...*
 - *Các bạn đẹp nhưng các bạn **trống rỗng**.*
3. Với mỗi từ sau, hãy đặt một câu: *đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi*.

BIỆN PHÁP TU TỪ

- 4*. Trong văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn...*, nhiều lời thoại của nhân vật được lặp lại, chẳng hạn: “*Cảm hoá*” nghĩa là gì?, *Cảm hoá* mình đi!,... Hãy tìm thêm những lời thoại được lặp lại trong văn bản này và cho biết tác dụng của chúng.

TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY

5. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé hoặc nhân vật cáo, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 2 từ ghép và 2 từ láy.

Bắt nạt

NGUYỄN THẾ HOÀNG LINH

Đọc văn bản

Bắt nạt là xấu lắm
Đừng bắt nạt, bạn ơi
Bất cứ ai trên đời
Đều không cần bắt nạt

Tại sao không học hát
Nhảy híp-hóp⁽¹⁾ cho hay?
Thời gian trong một ngày
Đâu để dành bắt nạt

Sao không ăn mù tạt⁽²⁾
Đối diện thử thách đi?
Thử kẻ yếu làm gì
Sao không trêu mù tạt?

Những bạn nào nhút nhát
Thì là giống thỏ non
Trông đáng yêu đấy chứ
Sao không yêu, lại còn...?



(1) *Híp-hóp*: một điệu nhảy hiện đại, linh hoạt, tự do, được giới trẻ yêu thích.

(2) *Mù tạt*: gia vị được chế biến từ hạt của cây họ cải, có vị cay nồng.

Đừng bắt nạt người lớn
Đừng bắt nạt trẻ con
Đừng bắt nạt nước khác
Trên khắp trái đất tròn

Đừng bắt nạt mèo, chó
Đừng bắt nạt cái cây
Đừng bắt nạt ai cả
Vì bắt nạt dễ lây

Bạn nào bắt nạt bạn
Cứ đưa bài thơ này
Bảo nếu cần bắt nạt
Thì đến gặp tớ ngay

Cứ đến bắt nạt tớ
Bị bắt nạt quen rồi
Vẫn không thích bắt nạt
Vì bắt nạt rất hôi!

(Nguyễn Thế Hoàng Linh,
Ra vườn nhật nắng, NXB Thế giới,
Hà Nội, 2017, tr. 24 – 25)

Sau khi đọc

NGUYỄN THẾ HOÀNG LINH

- Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năm 1982 tại Hà Nội. Anh sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, hiện đã có “gia tài” là hàng ngàn bài thơ. Thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui. Tác giả đã lựa chọn, tập hợp sáng tác của mình thành một số tập thơ: *Uống một ngụm nước biển*, *Em giấu gì ở trong lòng thế*, *Bé tập tô*, *Ra vườn nhật nắng*,...
- Bài thơ *Bắt nạt* được in trong tập thơ *Ra vườn nhật nắng*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Bài thơ cho biết chuyện bắt nạt xảy ra ở đâu, với những ai?
2. Nhân vật “tớ” trong bài thơ thể hiện thái độ như thế nào với các bạn bắt nạt và các bạn bị bắt nạt?
3. Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Theo em, việc lặp lại cụm từ này có tác dụng gì?
- 4*. Bài thơ nói chuyện bắt nạt mà vẫn ẩn chứa ý vị hài hước. Hãy chỉ ra một số biểu hiện của ý vị hài hước đó.
5. Mỗi chúng ta có thể từng bị bắt nạt, chứng kiến cảnh bắt nạt hoặc từng bắt nạt người khác. Hãy cho biết em đã làm gì khi ở vào một trong các tình huống trên. Nếu gặp lại tình huống đó, em có thay đổi cách ứng xử không?

Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

Trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, nhân vật Dế Mèn đã kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của mình. Trước cái chết của Dế Choắt do trò đùa ngỗ nghịch của mình gây ra, Dế Mèn đã hối hận, biết rút ra bài học đường đời đầu tiên. Còn em, em có sẵn sàng kể về một trải nghiệm của bản thân không?

Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

Người bạn nhỏ

Câu chuyện xảy ra đã hơn một năm rồi, nhưng mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn thấy mọi điều hiện lên thật rõ rệt. Bởi vì, trải nghiệm cùng người bạn nhỏ ấy là câu chuyện đáng nhớ với cả ba mẹ con tôi.

Hồi ấy, khi tôi vào lớp năm và Bông lên lớp ba, gia đình tôi chuyển nhà. Bông và tôi thích cái nhà mới vì nó có những phòng xép như phòng búp bê. Nhưng một đêm, Bông bỗng khóc ré lên: “Mẹ ơi! Con gì cắn chân con!”. Mẹ phải bế Bông ra phòng ngoài, rộng hơn. Nửa đêm, mẹ bật dậy và than: “Trời đất, hoá ra chuột dẫm gặm cả chân mẹ! Thế này mà nó cắn chân các con thì nguy hiểm quá!”.

Hôm sau, bà ngoại cấp tốc gửi lên cho chúng tôi một con mèo mun, lông đen mượt. Mẹ bảo: “Có anh bạn này trông nhà cho mẹ con mình, lũ chuột sẽ sợ lắm đấy!”. Mun là tên chúng tôi đặt cho nó. Mun mới chỉ là một chú mèo con, nhưng nó có tính cách và tư thế của một con sư tử dũng mãnh. Từ lúc có Mun, chắc sợ ánh mắt xanh lét trong đêm và bộ lông đen ánh như mun trông rất dữ tợn của nó mà chẳng con chuột nào dám bén mảng vào cái xép búp bê của Bông và tôi nữa.

Bỗng một buổi chiều, cả mẹ, cả Bông và tôi trở về mà không thấy Mun lao ra cửa meo meo ríu rít như mọi ngày. Hai chị em tôi gọi mãi mà không thấy Mun thưa. Nhiều ngày sau, vẫn chẳng thấy Mun trở về. Bông khóc, tôi cũng khóc vì nhớ Mun. Mẹ an ủi chúng tôi: “Chắc Mun mãi chơi hay rình bắt chuột, quên đường nên đã về nhà một bạn nào đó cũng rất yêu mèo”.

Đó là lần đầu tiên chúng tôi trải nghiệm nỗi buồn mất một người bạn. Bà ngoại lại gửi lên một bạn mèo vằn làm vệ sĩ. Vằn cũng được cả nhà yêu quý, nhưng chẳng ai quên được Mun, người bạn nhỏ – vệ sĩ đầu tiên của chúng tôi.

(Nhóm biên soạn)

Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”).

Giới thiệu câu chuyện.

Tập trung vào sự việc đã xảy ra.

Nêu cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

- Nghĩ về những sự việc quan trọng đã xảy ra với em. Liệt kê ra giấy các sự việc đáng nhớ.
- Có thể tham khảo một vài ý tưởng sau đây:
 - Một trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc (một lần kết bạn, chuyến đi có ý nghĩa, bữa tiệc sinh nhật, một thành tích hay chiến thắng, một lần em giúp đỡ người khác hay được người khác giúp đỡ,...).
 - Một trải nghiệm buồn, tiếc nuối (chia tay một người bạn, hiểu lầm một người, một lần mắc lỗi,...).
 - Một trải nghiệm khiến em thay đổi, tự hoàn thiện mình (một hành trình khám phá, một lần thất bại,...).

b. Tìm ý

Sau khi đã lựa chọn được trải nghiệm có thể chia sẻ, hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

- Câu chuyện xảy ra khi nào? Ở đâu?
- Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?
- Điều gì đã xảy ra?
- Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?
- Em có cảm xúc gì khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?

c. Lập dàn ý

Hãy sắp xếp các thông tin và ý tưởng thành một dàn ý:

Mục đích viết

Kể lại một trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người đọc.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm mà em chia sẻ.

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
2. Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện.
 - Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan.
 - Kể lại các sự việc trong câu chuyện.
3. Kết bài: Kết thúc của câu chuyện và cảm xúc của người viết.

2. VIẾT BÀI

Bám sát dàn ý. Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Nhất quán về ngôi kể: Trong bài văn này, em sẽ dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi” hoặc “em”) để chia sẻ trải nghiệm.
- Sử dụng các yếu tố của truyện như cốt truyện, nhân vật,...

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được trải nghiệm.	Nếu chưa giới thiệu được trải nghiệm, hãy bổ sung.
Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô.	Khoanh tròn những từ ngữ chỉ người kể chuyện trong bài viết. Nếu chưa nhất quán, cần sửa lại.
Tập trung vào sự việc đã xảy ra.	Bổ sung các thông tin cần thiết để người đọc hiểu được câu chuyện (nếu cần); lược bớt các chi tiết thừa, dài dòng, không tập trung vào câu chuyện.
Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	Gạch dưới những từ ngữ thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể và bổ sung (nếu cần).
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Sửa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... (nếu có).

Nói và nghe

Kể lại một trải nghiệm của em

Nhiều người muốn kể lại những trải nghiệm quan trọng đã khiến họ thay đổi và mong được người khác lắng nghe, chia sẻ. Vậy làm thế nào để trở thành người nói hấp dẫn, người nghe tích cực? Bài học này sẽ hướng dẫn em cách kể về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

Em hãy đọc lại nhiều lần bài viết của mình để nắm chắc những nội dung quan trọng không thể bỏ qua khi kể lại câu chuyện.

b. Tập luyện

Để có bài nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp. Tập luyện nhiều giúp em tự tin hơn. Em có thể lựa chọn hoặc kết hợp một trong hai hình thức tập luyện sau:

- Tập trình bày một mình trước gương.
- Tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói.

Mục đích nói

Nói về một trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người nghe.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm của em.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Khi trình bày bài nói, em cần lưu ý:

- Tự tin và thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.
- Bám sát mục đích chia sẻ trải nghiệm để thống nhất trong cách dùng từ ngữ xưng hô và tập trung vào diễn biến câu chuyện.
- Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói và sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp:

Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói	Sử dụng cử chỉ, điệu bộ
Âm lượng: to hay nhỏ.	Ánh mắt: luôn có sự kết nối với người nghe.
Tốc độ: nhanh hay chậm.	Gương mặt: vui, buồn, tươi cười, ngạc nhiên, hài hước,... phù hợp với nội dung câu chuyện.
Cao độ: cách lên giọng, xuống giọng.	Cử chỉ: giơ tay lên, đưa tay xuống, chỉ tay về phía trước, đặt tay lên ngực,... phù hợp với nội dung câu chuyện; không nên cử động nhiều nhưng cũng không nên đứng bất động.
Sắc thái biểu cảm: vui hay buồn, sôi nổi hay suy tư,...	Dáng người: đứng thẳng, không nghiêng hay lom khom.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như: • Điều hấp dẫn, thú vị của câu chuyện. • Những sự việc, chi tiết còn chưa rõ trong bài nói.	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. • Giải thích thêm về những sự việc, chi tiết mà người nghe còn chưa rõ.

Củng cố, mở rộng

1. Giới thiệu một truyện đồng thoại mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định người kể chuyện.
- Chỉ ra một số đặc điểm giúp em nhận biết được tác phẩm đó là truyện đồng thoại.
- Chọn một nhân vật yêu thích. Liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả miêu tả để khắc họa nhân vật đó. (Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin như gợi ý.)

Ngoại hình	Hành động và suy nghĩ
Nhân vật	
Lời nói	Mối quan hệ với các nhân vật khác

d. Từ bảng đã hoàn thành, hãy nêu cảm nhận của em về nhân vật.

2. Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên*, nhờ Dế Choắt, Dế Mèn đã rút ra được bài học cho mình. Trong đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn...*, cáo bày tỏ nếu được kết bạn với hoàng tử bé, cuộc đời cáo sẽ như thế được mặt trời chiếu sáng. Hãy kể về một thay đổi tích cực của bản thân mà em có được nhờ bạn bè.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Ngôi kể và cách người kể chuyện tự giới thiệu về mình.
- Mối liên hệ giữa lời nói, hành động, ý nghĩ và đặc điểm của nhân vật “tôi”.
- Những chi tiết hài hước, gây cười trong truyện.

Cốc kem dành cho người thông minh

PAU GIEN-NING⁽¹⁾ (PAUL JENNINGS)

Thế là một lần nữa tôi đứng thứ nhất tuyệt đối ở trong lớp. Tôi lại giành được điểm 10 môn Toán. Rồi lại cả điểm 10 môn Anh văn. Rõ ràng tôi là người có năng khiếu bẩm sinh. Không một đứa nào ở lớp có thể theo kịp tôi. So với tôi thì chúng chỉ là một lũ ngốc.

[...] Năm nào cũng như năm nào tôi được một lô giải thưởng: nào là nhất lớp rồi lại nhất trường,... Về môn viết chính tả tôi đã được giải ngay khi mới lên ba tuổi. Có thể nói tôi thuộc loại siêu về môn chính tả, về môn này thì đừng ai hòng hơn tôi. Tôi có thể đánh vần từng chữ một.

⁽¹⁾ Pau Gien-ning (1943 – 2020) sinh ra ở Anh nhưng mang quốc tịch Ô-xtrây-li-a (Australia), chuyên sáng tác cho thiếu nhi. Ông nhiều lần được trẻ em Ô-xtrây-li-a bình chọn là nhà văn được yêu thích nhất.

Một số đứa không ưa tôi. Trò đời là thế. Chúng nó bảo tôi tự kiêu, tự đại. Nhưng tôi chẳng cần để ý đến điều chúng nó nói. Chẳng qua chúng nó ghen vì thua kém tôi. Hơn nữa tôi thuộc diện bánh trai, đấy cũng là một nguyên nhân để chúng nó hậm hực với tôi.

Tuần vừa rồi đã xảy ra một điều bất ngờ. Có một đứa được điểm 10 Toán. Đó là điều chưa hề có – cho đến nay có đứa nào bằng tôi đâu kia chứ. Tôi bao giờ cũng là đứa giỏi nhất. Thành Gie-rôm Đe-đi-an (Jerome Dadian) đã đuổi kịp tôi. Dứt khoát thằng ấy giỏi trò bịp, tôi tin như thế. Mà nhất định chuyện này liên quan tới cốc kem, không thể khác được. Dứt khoát tôi phải làm cho ra nhẽ xem điều gì đã xảy ra; đừng có đứa nào hòng đụng đến niềm vinh quang của tôi.

Mọi chuyện đều dính dáng đến cái nhà ông bán kem tên là Pép-pi (Peppi). Cái lão ấy ngày nào cũng đỗ xe kem ngay trước cổng trường. Lão ta bán các loại kem với nhiều hương vị khác nhau, cũng có thứ tôi chưa hề nghe tên bao giờ.

[...] Về chuyện kem của lão có vô số tin đồn. Có người bảo kem có tác dụng tốt. Bọn trẻ con cho rằng khi trong người khó chịu ăn cốc kem tỉnh ngay. Có thầy giáo lại gọi đấy là những “cốc kem vui vẻ”. Nhưng mà tôi chẳng tin; các loại kem này chưa bao giờ làm cho tôi vui vẻ.

Song muốn nói gì thì nói, quả là có điều gì đó đặc biệt với các loại kem này. Thí dụ như chuyện dính líu đến thằng Pi-tơ-xăn (Peterson) trúng cá chẳng hạn. Nó không phải tên là Pi-tơ-xăn trúng cá nhưng tôi đặt tên cho nó thế vì mặt nó đầy trứng cá. Lão Pép-pi thấy tôi gọi thế, lão bảo tôi:

– Cậu đúng là một thằng tồi, bao giờ cậu cũng tìm cách chọc ghẹo, khích bác người khác vì họ khác cậu.

Tôi cáu quá bảo lão:

– Này, ông biến đi nơi khác mà bán kem!

Lão không trả lời mà quay sang nói chuyện với thằng Pi-tơ-xăn trúng cá:

– Đây, cháu ăn đi! – Lão đưa nó một suất kem to đùng mà tôi chưa hề thấy bao giờ. Đó là kem tím. Thằng Pi-tơ-xăn có vẻ lúng túng lắm. Nó lo không đủ tiền để ăn một suất kem ư ư như vậy.

Lão Pép-pi nói với nó:

– Cháu đừng ngại, cứ ăn đi, ta cho cháu đấy. Cháu ăn loại kem này sẽ hết trứng cá!

Tôi phì cười, đòi thử nào ăn kem lại khỏi trứng cá kia chứ, lắm khi ăn kem vào lại bị thêm nữa là chẳng khác. Nhưng tôi biết nói với các bạn như thế nào nhỉ? Tôi không tài nào hiểu nổi, nhưng quả thật ngay ngày hôm sau nó đến trường trên mặt không còn một vết trứng cá nào. Đúng là kem đã tẩy sạch những mụn trứng cá trên mặt nó.

Còn có một số chuyện lạ lùng như vậy xảy ra ở trường tôi. Thí dụ ở trường có đứa có cái mũi dài quá khổ, trông nó như hể. Mỗi lần nó hỉ mũi đứng xa cả đám cũng còn nghe thấy. Tôi gọi nó là thằng “Mũi Sần”, nó không chịu được cái tên đó. Mỗi lần tôi gọi nó là thằng Mũi Sần mặt nó lại đỏ lên như gấc, nó tức lắm nhưng không dám làm gì tôi vì nó sợ.

Lão Pép-pi cũng tỏ ra thương hại thằng Mũi Sần. Sáng nào lão cũng cho nó một cốc kem nhỏ màu xanh lá cây. Đúng là một lão ngốc, còn tôi thì chẳng bao giờ lão cho dù chỉ là một muỗng kem.

Các bạn sẽ chẳng tin tôi, nhưng tôi thề là tôi nói thật, cái mũi của nó mỗi ngày một ngắn lại và cuối cùng mũi của nó hoàn toàn bình thường như mũi của những người khác. Cũng từ hôm đó lão Pép-pi không cho nó ăn kem xanh nữa.

Tôi nghĩ phải tìm cách chặn đứng quầy kem của lão Pép-pi. Hôm thằng Gie-rôm Đe-đi-an được điểm 10 Toán cũng là hôm mà buổi sáng hôm đó nó đã ăn kem. Nhất định nó thông minh ra nhờ ăn kem. Nhưng tôi không muốn có đứa nào giỏi như tôi. Tôi đã là người giỏi nhất trường và tôi sẽ tiếp tục là người giỏi nhất. Tôi cần phải tìm hiểu điều bí ẩn trong cái xe kem này.

Tôi biết chỗ lão Pép-pi buổi tối để chiếc xe kem. Lão để nó trong một ngõ nhỏ ngay sau nhà lão. Tôi chờ đến 11 giờ đêm, sau đó rời khỏi nhà và đi đến chỗ chiếc xe của lão. [...]



Chưa bao giờ tôi thấy nhiều hộp đựng kem đủ các loại hương vị như vậy. Nào kem táo và chuối, anh đào và xoài, dâu và dưa hấu và ngoài ra còn khoảng 50 loại khác nhau nữa. Tận cuối xe có bốn thùng có khoá cẩn thận. Tôi xem các thùng đó. Đúng như tôi dự đoán, trong thùng toàn các loại kem đặc biệt. Mỗi thùng đều có nhãn viết bằng tay:

- Kem chống mũi dài
- Kem chống trứng cá
- Kem dành cho người hay buồn
- Kem dành cho người có đầu óc sáng láng.

Giờ thì ta hiểu những điều bí mật rồi, cái thằng ngốc Đe-đi-an đã ăn “kem thông minh” cho nên nó được điểm 10 môn Toán. Tôi biết ngay từ đầu, không ai có thể tự mình mà lại thông minh được như tôi. Giờ thì tôi phải cho lão Pép-pi biết tay. [...] Tôi đổ cát vào ba thùng, chỉ trừ thùng kem thông minh. Tôi cười khoái trá. Giờ thì lão Pép-pi chẳng còn mấy kem để bán, mà có bán thì chỉ có kem cát. Sau đó tôi quyết định phải thưởng thức kem thông minh, dù sao thì cũng chẳng hại gì, hơn nữa tôi cũng không cần ăn loại kem đó vì đã mấy ai thông minh được như tôi. Tôi chén sạch sành sanh cả hộp vì càng ăn càng thấy ngon không thể ngừng được.

Xong xuôi đâu đấy tôi đi về nhà và lên giường nhưng không tài nào ngủ được. Thực lòng mà nói tôi cảm thấy hơi khó chịu. Tôi ngồi vào bàn và ghi lại toàn bộ câu chuyện này, phòng khi có gì không ổn thì các bạn biết ngay là tại sao. Tôi sợ rằng tôi đã nhầm và thằng Đe-đi-an hoàn toàn không ăn “kem thông minh”.

*

* *

Tôi... Tôi viết: “Giờ đã là ngày hôm sau. Không hiểu có chuyện gì xảy ra với mệnh. Mệnh thấy không còn tinh khôn như độ nọ. Mệnh thử làm bài toán thật khó, một cộng một là mấy? Là bốn hay là năm?”

(Pau Gien-ning, *Những câu chuyện hài hước nhất*,
theo Nguyễn Xuân Hoài dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2009, tr. 52 – 57)



GỖ CỬA TRÁI TIM

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

(Ca dao Việt Nam)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Con người ai cũng cần một mái ấm gia đình. Nhưng gia đình chỉ trở thành mái ấm khi mọi thành viên đều cố gắng vun đắp hạnh phúc từng ngày. Vậy mỗi chúng ta cần làm gì để gia đình thực sự là mái ấm tràn ngập hạnh phúc, yêu thương?
- Những bài thơ trong bài học này sẽ “gỗ cửa trái tim” mỗi người, giúp ta cảm nhận sâu sắc hơn tình yêu của những người thân trong gia đình, đánh thức những yêu thương trong trái tim mình, để ta biết trân trọng và vun đắp hạnh phúc gia đình.



Ba mẹ con trên cỏ, tranh lụa của Lê Thị Lựu

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

Đọc

TRI THỨC NGŨ VĂN

Một số đặc điểm của thơ

- Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định với những đặc điểm riêng về số tiếng trong mỗi dòng, số câu trong mỗi bài,...
- Ngôn ngữ thơ cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ,...).
- Nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự việc, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

Ẩn dụ

Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Chuyện cổ tích về loài người*, Xuân Quỳnh
- *Mây và sóng*, Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go (Rabindranath Tagore)
- *Bức tranh của em gái tôi*, Tạ Duy Anh

Chuyện cổ tích về loài người

XUÂN QUỲNH

Trước khi đọc

1. Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kì lạ?
2. Đọc một bài thơ mà em yêu thích.

Đọc văn bản

Trời sinh ra trước nhất
Chỉ toàn là trẻ con
Trên trái đất trụi trần
Không dáng cây ngọn cỏ
Mặt trời cũng chưa có
Chỉ toàn là bóng đêm
Không khí chỉ màu đen
Chưa có màu sắc khác

*

* *

Mắt trẻ con sáng lấp
Nhưng chưa thấy gì đâu!
Mặt trời mới nhô cao
Cho trẻ con nhìn rõ
Màu xanh bắt đầu cỏ
Màu xanh bắt đầu cây

THEO DÕI Số lượng tiếng trong một câu thơ.

HÌNH DUNG Hình ảnh trái đất khi trẻ con được sinh ra.

HÌNH DUNG Sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra qua miêu tả của nhà thơ.

Cây cao bằng gang tay
 Lá cỏ bằng sợi tóc
 Cái hoa bằng cái cúc
 Màu đỏ làm ra hoa
 Chim bấy giờ sinh ra
 Cho trẻ nghe tiếng hát
 Tiếng hát trong bằng nước
 Tiếng hát cao bằng mây
 Những làn gió thơ ngây
 Truyền âm thanh đi khắp
 Muốn trẻ con được tắm
 Sông bắt đầu làm sông
 Sông cần đến mênh mông
 Biển có từ thuở đó
 Biển thì sinh ý nghĩ
 Biển sinh cá sinh tôm
 Biển sinh những cánh bướm
 Cho trẻ con đi khắp
 Đám mây cho bóng rợp
 Trời nắng mây theo che
 Khi trẻ con tập đi
 Đường có từ ngày đó

Nhưng còn cần cho trẻ
 Tình yêu và lời ru
 Cho nên mẹ sinh ra
 Để bế bồng chăm sóc
 Mẹ mang về tiếng hát
 Từ cái bống cái bang
 Từ cái hoa rất thơm
 Từ cánh cò rất trắng

THEO DÕI Các nhân vật,
sự việc được kể trong bài thơ.



HÌNH DUNG Sự chăm sóc,
yêu thương của mẹ dành cho con.

Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng...

Biết trẻ con khao khát
Chuyện ngày xưa, ngày sau
Không hiểu là từ đâu
Mà bà về ở đó
Kể cho bao chuyện cổ:
Chuyện con cóc, nàng tiên
Chuyện cô Tấm ở hiền
Thằng Lý Thông ở ác...
Mái tóc bà thì bạc
Con mắt bà thì vui
Bà kể đến suốt đời
Cũng không sao hết chuyện.

Muốn cho trẻ hiểu biết
Thế là bố sinh ra
Bố bảo cho biết ngoan
Bố dạy cho biết nghĩ
Rộng lắm là mặt bể
Dài là con đường đi
Núi thì xanh và xa
Hình tròn là trái đất...

Chữ bắt đầu có trước
Rồi có ghế có bàn
Rồi có lớp có trường

HÌNH DUNG Hình ảnh bà kể chuyện và thế giới trong những câu chuyện cổ bà kể.

HÌNH DUNG Sự yêu thương, chăm sóc mà bố dành cho con.



Và sinh ra thầy giáo...
Cái bảng bằng cái chiếu
Cục phấn từ đá ra
Thầy viết chữ thật to:
“Chuyện loài người” trước nhất.

(Xuân Quỳnh, *Lời ru trên mặt đất*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52)

HÌNH DUNG Khung cảnh
mái trường thân yêu.

Sau khi đọc

XUÂN QUỲNH

- Xuân Quỳnh (1942 – 1988) quê ở Hà Nội. Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trìu mến. Thơ Xuân Quỳnh có hình thức giản dị, ngôn ngữ thơ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ thơ. Tác phẩm viết cho thiếu nhi của Xuân Quỳnh được tập hợp trong các tập: *Lời ru trên mặt đất*, *Bầu trời trong quả trứng*, *Bến tàu trong thành phố*,...
- Bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* in trong tập thơ *Lời ru trên mặt đất*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người* gợi cho em suy nghĩ gì?
2. Em hãy nêu những căn cứ để xác định *Chuyện cổ tích về loài người* là một bài thơ.
3. Trong tưởng tượng của nhà thơ, thế giới đã biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời?
4. Món quà tình cảm nào mà theo nhà thơ, chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ?
5. Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Hãy nêu những điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó.
6. Theo cách nhìn của nhà thơ, tình cảm mà bố dành cho trẻ có gì khác so với tình cảm của bà và mẹ?

- Trong khổ thơ cuối, em thấy hình ảnh trường lớp và thầy giáo hiện lên như thế nào?
- Câu chuyện về nguồn gốc loài người qua lời của nhà thơ Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện về nguồn gốc loài người mà em đã biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

- Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Mắt trẻ con sáng lắm
Nhưng chưa thấy gì đâu!
Mặt trời mới nhô cao
Cho trẻ con nhìn rõ.

- Giải thích nghĩa của từ *nhô*.
 - Trong đoạn thơ trên, có thể thay thế từ *nhô* bằng từ khác được không?
 - Qua việc thử thay thế, hãy chỉ ra sự tinh tế của nhà thơ trong việc sử dụng từ *nhô*.
- Trong bài thơ có các từ như *trụi trần, bế bồng*,... Trong tiếng Việt cũng có những từ như *trần trụi, bồng bế*,... Tìm thêm ở trong và ngoài bài thơ những trường hợp khác tương tự: hai từ đồng nghĩa, có các tiếng giống nhau nhưng trật tự các tiếng khác nhau.

BIỆN PHÁP TU TỪ

- Hãy chỉ ra những câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong khổ hai của bài thơ. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó.
- Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong câu thơ *Những làn gió thơ ngây*? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy.
- Hãy ghi lại những câu thơ sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ trong khổ thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ đến Từ bãi sông cát vắng*... và nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.



Mây và sóng

RA-BIN-ĐƠ-RA-NÁT TA-GO

Trước khi đọc

Một lần, em được mẹ cho phép đến nhà bạn chơi. Trò chơi đang vui và em rất muốn chơi tiếp thì đến giờ mẹ dặn phải trở về nhà. Khi ấy, em sẽ làm gì?

Đọc văn bản

Mẹ ơi, những người sống trên mây đang gọi con:

“Chúng ta chơi đùa từ khi thức dậy
cho đến lúc chiều tà,

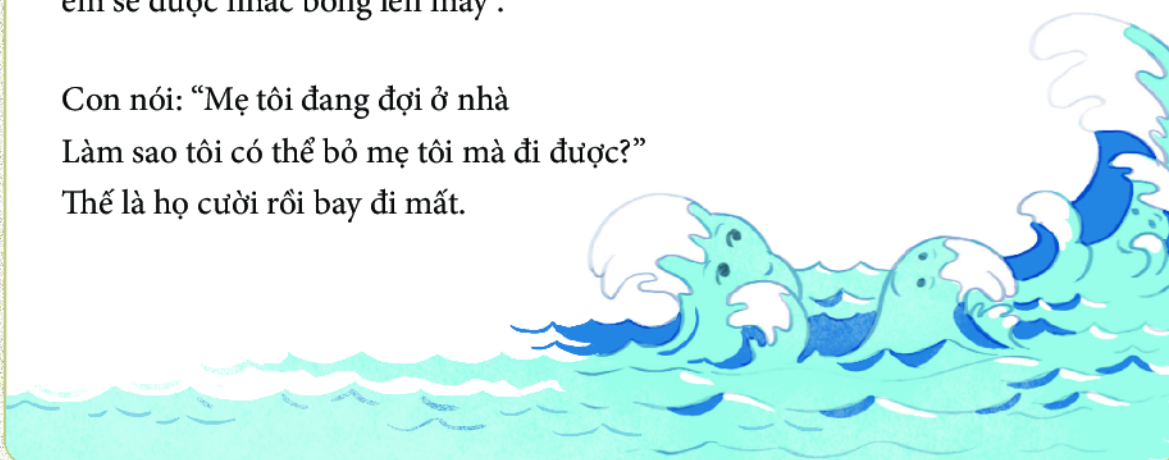
Chúng ta chơi với buổi sớm mai vàng,
Chúng ta chơi với vầng trăng bạc”.

Con hỏi: “Nhưng tôi làm sao mà lên được với các bạn?”

Họ trả lời: “Hãy đến bên bờ trái đất,
và đưa tay lên trời,
em sẽ được nhắc bổng lên mây”.

Con nói: “Mẹ tôi đang đợi ở nhà
Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?”
Thế là họ cười rồi bay đi mất.

HÌNH DUNG Cảnh em bé trò chuyện với những người “trên mây” và “trong sóng nước”.



Nhưng con biết một trò chơi

thích hơn trò ấy, mẹ ơi.

Con sẽ là mây và mẹ sẽ là trăng.

Con sẽ lấy hai tay trùm lên người mẹ,

Và mái nhà sẽ là bầu trời xanh thẳm.

Những người sống trong sóng nước gọi con:

“Chúng ta hát từ sớm mai đến tối,

Chúng ta ngao du khắp nơi này nơi nọ

mà không biết mình đã từng qua những nơi nào”.

Con hỏi: “Nhưng tôi làm sao gặp được các bạn?”

Họ bảo con: “Hãy đến chỗ gần sát biển

và đứng đó, nhắm nghiền mắt lại,

là em sẽ được đưa lên trên làn sóng”.

Con bảo: “Buổi chiều, mẹ tôi luôn luôn muốn

tôi ở nhà với mẹ.

Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?”

Thế là họ cười, múa nhảy rồi đi qua.

Nhưng con biết một trò chơi hay hơn trò ấy,

Con sẽ là sóng, mẹ sẽ là một bờ biển lạ lùng.

Con sẽ lăn, lăn, lăn mãi

và vỗ vào gối mẹ, cười vang.

Và không một ai trên cõi đời này biết

nơi đâu mẹ con ta đang ở.

HÌNH DUNG Niềm vui của em
bé trong trò chơi với mẹ.



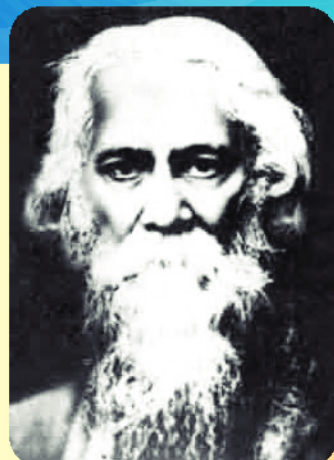
(R. Ta-go, *Tuyển tập thơ, theo Đào Xuân Quý dịch*,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000, tr. 137 – 138)

Sau khi đọc

RA-BIN-ĐƠ-RA-NÁT TA-GO

• Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go (1861 – 1941) là danh nhân văn hoá, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Ông để lại một gia tài nghệ thuật đồ sộ, trong đó nổi tiếng nhất là các tác phẩm thơ ca. Thơ R. Ta-go chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,... Những tình cảm ấy được thể hiện một cách độc đáo qua những hình ảnh tưởng tượng huyền ảo lay động lòng người. Các tập thơ tiêu biểu của R. Ta-go: *Thơ Dâng*, *Người làm vườn*, *Những con chim bay lạc*, *Mùa hái quả*,...

• Bài thơ *Mây và sóng* được in trong tập *Trăng non* – tập thơ R. Ta-go viết cho trẻ thơ. Ban đầu, tập thơ được viết bằng tiếng Ben-gan (Bengal) có tên là *Trẻ thơ*, về sau, ông dịch ra tiếng Anh và đổi thành *Trăng non*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đọc bài thơ *Mây và sóng*, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em, ai đang kể chuyện với ai và kể về điều gì?
2. Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào?
3. Câu hỏi: “Nhưng tôi làm sao mà lên được với các bạn?”, “Nhưng tôi làm sao gặp được các bạn?” thể hiện tâm trạng gì của em bé?
4. Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?
5. Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Em cảm nhận như thế nào về mẹ và em bé trong những trò chơi ấy?
6. Văn bản *Mây và sóng* có hình thức khác với văn bản *Chuyện cổ tích về loài người* (số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần,...). Vì sao nó vẫn được coi là văn bản thơ?

Viết kết nối với đọc

Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1. Trong bài thơ *Mây và sóng*, “mây” và “sóng” là những hình ảnh ẩn dụ. Hai hình ảnh ấy có thể gợi cho em liên tưởng tới những đối tượng nào khác?
2. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “buổi sớm mai vàng”, “vàng trắng bạc” và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Nhận biết ẩn dụ

Đọc câu thơ sau:

Cha lại dắt con đi trên cát mịn

Ánh nắng chảy đầy vai.

(Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm*)

Từ *chảy* vốn chỉ sự vận động của chất lỏng, nay được dùng cho ánh nắng, giúp người đọc cảm nhận được ánh nắng vàng rực tràn trề trên vai hai cha con và lan toả khắp không gian.

3. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ trong đoạn thơ sau:

Nhưng con biết một trò chơi hay hơn trò ấy,

Con sẽ là sóng, mẹ sẽ là một bờ biển lạ lùng.

Con sẽ lăn, lăn, lăn mãi

và vỗ vào gối mẹ, cười vang.

Và không một ai trên cõi đời này biết nơi đâu mẹ con ta đang ở.

DẤU CÂU

4. Trong bài thơ *Mây và sóng* có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Hãy cho biết dấu câu nào được dùng để đánh dấu những lời nói trực tiếp đó.

ĐẠI TỪ

5. “Chúng ta” trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những ai?
6. Trong tiếng Việt, ngoài “chúng ta” còn có một số đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều khác. Có thể dùng một từ nào trong số đó để thay cho “chúng ta” trong bản dịch không? Vì sao?

Bức tranh của em gái tôi

TẠ DUY ANH

Đọc văn bản

Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Mèo rất hay lục lọi⁽¹⁾ các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

– Này, em không để chúng nó yên được à?

Nó vênh mặt:

– Mèo mà lại! Em không phá là được...

Một hôm tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi. Sau khi có vẽ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,... đều do nó tự chế. Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhọ nôi⁽²⁾ vào một cái lọ còn bỏ không.

Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.



⁽¹⁾ *Lục lọi*: tìm kiếm, tìm mìn mọi chỗ, mọi nơi.

⁽²⁾ *Nhọ nôi*: bụi đen bám ở đáy và xung quanh nồi, chảo,... khi người ta đun nấu bằng củi, than, rơm rạ,...

Nhưng mọi bí mật của Mèo cuối cùng cũng bị bại lộ⁽¹⁾. Hôm đó, chú Tiến Lê – họa sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi. Vớ được bạn gái nó mừng quỳnh⁽²⁾ lên. Hai đứa lôi nhau ra vườn. Tại đây Mèo đưa toàn bộ những bức tranh nó vẽ giấu ra cho bé Quỳnh xem. Chỉ thấy bé Quỳnh thảnh thỏang lại reo lên khe khẽ. Lát sau bé Quỳnh chạy vào thì thẩm gì đó với chú Tiến Lê khiến chú phải xin phép bố tôi theo bé Quỳnh ra vườn. Lúc đó, tôi đang mãi mê với chiếc điều nên không biết có chuyện gì xảy ra. Chỉ thấy từ ngoài vườn trở vào, mặt chú Tiến Lê rạng rỡ lắm:

– Anh chị có phúc lớn rồi. Anh có biết con gái anh là một thiên tài⁽³⁾ hội họa không?

Chú trái sáu bức tranh do Mèo vẽ ra trước mặt bố tôi. Đến lượt bố tôi ngây người ra như không tin vào mắt mình.

– Con gái tôi vẽ đây ư? Chả lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy?

Và ông không kìm được, ôm thốc Mèo lên:

– Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.

Mẹ tôi vừa về, kịp nghe và kịp chứng kiến tất cả, cũng không kìm được xúc động. Theo chú Tiến Lê thì những bức tranh của Mèo rất độc đáo, có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào. Bố mẹ tôi rất tin vào thẩm định⁽⁴⁾ của chú Tiến Lê. Chú còn hứa sẽ giúp em gái tôi để nó phát huy tài năng.

Kể từ hôm đó, mặc dù mọi chuyện vẫn như cũ trong căn nhà của chúng tôi, nhưng tôi luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài. Những lúc ngồi bên bàn học, tôi chỉ muốn gục đầu xuống khóc.

Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.

Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh: xem trộm những bức tranh của Mèo. Đường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được

(1) *Bại lộ*: vỡ lở, không giấu giếm được nữa. Ở đây ý nói việc vẽ tranh của bé Mèo được mọi người phát hiện ra.

(2) *Mừng quỳnh*: mừng quá dẫn đến cuồng quýt.

(3) *Thiên tài*: tài năng nổi bật, hơn hẳn mọi người, dường như là được trời phú cho.

(4) *Thẩm định*: xem xét nhằm đánh giá để xác định, quyết định.

nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát mức cám lợn sút một miếng, cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vằn vào tranh nó, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến. Có cảm tưởng nó biết mọi việc chúng tôi làm và lơ đi vì không chấp trẻ con.

Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lén trút ra một tiếng thở dài...

Bố mẹ tôi hào hứng mua sắm cho em gái tôi tất cả những gì cần cho công việc vẽ. Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn. Chỉ có mặt Mèo là không thay đổi. Lúc nào cũng lem nhem, bị tôi quát thì xịu xuống, miệng dẩu ra. Tôi từng thấy nó rất ngộ với vẻ mặt ấy. Nhưng đấy là trước kia. Bây giờ tôi cảm thấy nó như chọc tức tôi...

Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương, qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ Quốc tế. Luật của cuộc thi là thí sinh phải vẽ một bức tranh theo đề tài tự chọn ngay trước mắt ban giám khảo. Trước khi đi thi, nó có vẻ cứ hay xét nét⁽¹⁾ tôi, khiến tôi rất khó chịu. Nó nhập tâm⁽²⁾ lời dạy của chú Tiến Lê: “Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu”. Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay dang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế nó vẫn kẹp thì thầm vào tai tôi: “Em muốn cả anh cũng đi nhận giải”.



Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh,

(1) *Xét nét*: để ý từng cái quá nhỏ nhặt để đánh giá, nhận xét con người. Ở đây có nghĩa là chú ý, quan sát rất kĩ.

(2) *Nhập tâm*: nhớ rất rõ, rất kĩ, như khắc sâu trong lòng.

một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:

– Con có nhận ra con không?

Tôi giật sững⁽¹⁾ người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên⁽²⁾ vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...

– Con đã nhận ra con chưa? – Mẹ vẫn rất hồi hộp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em gái con đấy”.

(Tạ Duy Anh, *Bản nhạc con đà điểu*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016, tr. 45 – 50)

Sau khi đọc

TẠ DUY ANH

- Tạ Duy Anh tên khai sinh là Tạ Viết Đăng, sinh năm 1959 tại Hà Nội. Truyền viết cho thiếu nhi của Tạ Duy Anh trong sáng, đậm chất thơ và giàu ý nghĩa nhân văn. Viết cho thiếu nhi chính là cách ông bày tỏ tình yêu với thế giới tuổi thơ thuần khiết. *Bản nhạc con đà điểu*, *Quả trứng vàng*, *Vó ngựa trở về* là những tập truyện viết cho thiếu nhi của nhà văn.
- Truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* được in trong tập *Bản nhạc con đà điểu*.



(1) *Sững*: ở vào trạng thái bất động, đờ người ra trong giây lát, do chịu một tác động tinh thần mạnh đột ngột. Ở đây là trạng thái của người anh khi thấy hình ảnh của mình trong tranh em gái vẽ.

(2) *Thôi miên*: tác động vào tâm lí của một người nào đó, gây ra trạng thái tựa như ngủ, làm cho dễ dàng chịu sự điều khiển của mình. Ở đây chỉ trạng thái bất ngờ đến lặng người của người anh trai khi nhìn thấy mình trong bức tranh của em gái.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Trong truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi*, người kể chuyện là ai, xuất hiện ở ngôi thứ mấy?
2. Em thích nhất đặc điểm gì của nhân vật Mèo – Kiều Phương? Vì sao?
3. Em có nhận xét gì về cảm xúc, thái độ, hành động của nhân vật “tôi” trước khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ?
4. Nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?
5. Từ các văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng*, *Bức tranh của em gái tôi*, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì?

Viết

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

Tình cảm, cảm xúc là một trong những phẩm chất quan trọng hàng đầu của thơ. Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, các nhà thơ đã chọn nhiều cách khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhiều khi các yếu tố tự sự và miêu tả đã được đưa vào thơ một cách đầy nghệ thuật, cho phép tác giả ẩn mình, nhường chỗ cho câu chuyện, sự việc, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết. Em hãy viết đoạn văn ghi lại cảm xúc, ấn tượng của mình về một bài thơ thuộc loại này để hiểu thêm về một hình thức nghệ thuật độc đáo của thơ ca nói chung.

Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả:

- Giới thiệu tên bài thơ và tác giả bài thơ.
- Nêu được cảm xúc chung về bài thơ.
- Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ.
- Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

Cảm xúc khi đọc bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go

Nhan đề bài thơ là *Mây và sóng* nhưng nhà thơ Ta-go không đưa người đọc lãng du tới những xứ sở thần tiên xa xôi, mà dẫn chúng ta về giữa cuộc đời bình dị để cảm nhận và xúc động trước tình mẹ con thiêng liêng bất diệt. Đi theo câu chuyện được nhà thơ kể bằng giọng chậm rãi, êm ái với những chi tiết thật đắt, người đọc đồng cảm với tình yêu mẹ tha thiết, mong muốn luôn được ở bên mẹ của em bé bởi đó cũng là tình cảm của mỗi người chúng ta dành cho mẹ của mình. Em bé được mời gọi đến những xứ sở tuyệt vời “trên mây” và “trong sóng nước” – những thế giới xa rộng bao la, đầy hấp dẫn.

Khát khao được khám phá những thế giới kì diệu, em bé thốt lên thành câu hỏi háo hức: “Nhưng tôi làm sao mà lên được với các bạn”, “Nhưng tôi làm sao mà gặp được các bạn?”. Khi em nhớ rằng: “Mẹ tôi đang đợi ở nhà”, “mẹ tôi luôn luôn muốn tôi ở nhà với mẹ”, em bé đã từ chối bằng một câu hỏi có tính khẳng định: “Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?”. Yêu thế giới thiên nhiên kì diệu, yêu mẹ, để làm mẹ vui, em bé đã sáng tạo ra những trò chơi còn vui hơn, thú vị hơn trò chơi của những người “trên mây” và “trong sóng”: con là mây, là sóng tinh nghịch, phiêu du khắp chốn; mẹ là trăng dịu hiền toả sáng, là bờ biển bao dung ôm ấp che chở suốt đời con; và mái nhà – tổ ấm đầu đời – là bầu trời xanh dịu mát, bình yên vĩnh cửu. Qua những lời thoại và chi tiết được nhà thơ thuật kể tuần tự, vừa lặp lại, vừa biến hoá, độc giả từng bước một có cảm nhận thấm thía hơn về chiều sâu của tình cảm mà một người con đã dành cho mẹ của mình. Nói chung, bài thơ đã kể một câu chuyện thật cảm động về tình mẹ con, về niềm hạnh phúc ngọt ngào khi được sống trong vòng tay êm ấm yêu thương của mẹ.

(Nhóm biên soạn)

Giới thiệu tên bài thơ và tác giả.

Nêu cảm xúc chung về bài thơ.

Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng.

Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

Khái quát lại cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo của nó.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn bài thơ

Bài thơ được em chọn phải là bài thơ có yếu tố kể chuyện (xuất hiện câu chuyện, nhân vật, dù nhân vật có thể chỉ mang một cái tên chung chung), có các chi tiết miêu tả bối cảnh không gian, thời gian, con người,... Các bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*, *Mây và sóng* đều thuộc loại này.

b. Tìm ý

Để tìm ý, em hãy ngầm nêu các câu hỏi để tự trả lời như: *Bài thơ gợi lên câu chuyện gì? Đây là các chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật? Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào? Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn bày tỏ ra sao?...*

c. Lập dàn ý

Từ các ý đã được hình thành qua cách nêu và trả lời những câu hỏi nói trên, em hãy sắp xếp thành một dàn ý:

Dàn ý

1. *Mở đoạn*: Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.
2. *Thân đoạn*:
 - Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ.
 - Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả.
 - Đánh giá hiệu quả của cách triển khai bài thơ bằng câu chuyện và các chi tiết miêu tả.
3. *Kết đoạn*: Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở trên).

Mục đích viết

Chia sẻ cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những ai quan tâm, mong muốn tìm hiểu, cảm nhận cái hay, cái đẹp của bài thơ.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Bám sát dàn ý để viết đoạn.
 - Lựa chọn từ ngữ để diễn đạt cảm xúc của em về nội dung của bài thơ cũng như những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo nhất.
 - Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu của từ đó phải viết hoa; kết thúc đoạn văn bằng một dấu chấm câu. Các câu trong đoạn cần tập trung vào chủ đề chung, giữa các câu có dùng từ ngữ liên kết.
- Đoạn văn khoảng 7 – 10 câu.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy kiểm tra bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm nhận chung của người viết.	Nếu còn thiếu so với yêu cầu, hãy bổ sung.
Nêu được cảm xúc và ý kiến đánh giá về nét đặc sắc của bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.	Sử dụng lại các câu hỏi ở mục tìm ý để biết được nội dung đoạn văn của em còn thiếu ý gì. Hãy bổ sung nếu có câu hỏi bị bỏ quên, chưa được trả lời.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình

Qua các văn bản đọc ở bài *Gỗ cửa trái tim*, em đã cảm nhận được ý nghĩa của gia đình đối với tất cả chúng ta. Em cũng đã viết đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ thể hiện tình cảm đẹp đẽ với gia đình. Nhưng trong thực tế, đời sống gia đình còn có nhiều vấn đề khác, cả tích cực lẫn tiêu cực, khiến chúng ta phải suy nghĩ. Sau đây, em sẽ nói về một vấn đề như vậy.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Dựa vào chính trải nghiệm của em để chọn một đề tài phù hợp (Gợi ý: quan hệ giữa các thành viên trong gia đình; việc chăm sóc, lắng nghe, thấu hiểu của cha mẹ đối với con cái; thái độ cư xử của con cái đối với cha mẹ; những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương; sự tôn trọng sở thích và mong muốn của từng người,...).
- Có thể đọc lại các văn bản đã học trong bài để được gợi ý thêm về ý tưởng, chẳng hạn, hình ảnh em bé và sự chăm sóc của người thân trong *Chuyện cổ tích về loài người*, tình cảm gắn bó của con đối với mẹ trong *Mây và sóng*, tình yêu thương của anh chị em trong *Bức tranh của em gái tôi*,...
- Tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói.
- Chuẩn bị tranh ảnh, bài hát,... về gia đình để minh họa cho bài nói (nếu có).
- Ghi ra giấy những ý chính cần nói và sắp xếp theo trật tự phù hợp (Gợi ý: nêu vấn đề và các biểu hiện cụ thể của vấn đề; nêu tác động của vấn đề đối với các thành viên trong gia đình; trình bày mong muốn của em và cách em đã làm để giải quyết vấn đề;...).

Mục đích nói

Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những ai quan tâm đến vấn đề em nói.

b. Tập luyện

- Để trình bày tốt, em hãy tập luyện trước. Có thể tập luyện một mình hoặc trình bày trước bạn bè, người thân và nhờ họ nhận xét, góp ý.
- Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, gần với kiểu tâm tình, chia sẻ, giải bày.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Trình bày bài nói theo các ý chính đã chuẩn bị. Mở đầu, nên cho người nghe cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ. Ở phần nội dung chính, cần chú ý để không sa vào việc liệt kê bằng chứng hay kể chuyện; cần tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn. Kết thúc bài nói cần nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em đã lựa chọn.
- Trong khi nói, cần tập trung vào vấn đề mà em đã chọn. Những liên hệ với trải nghiệm của bản thân em sẽ làm cho nội dung bài nói thêm sinh động.
- Chú ý kết hợp trình bày ý kiến với việc sử dụng tranh ảnh, bài hát để làm tăng sức hấp dẫn cho bài nói.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Thể hiện sự chia sẻ và nêu nhận xét về phần trình bày của bạn với thái độ chân thành, tôn trọng. Có thể trao đổi về: - Nội dung bài nói: Bài nói đã trình bày được ý kiến về vấn đề trong đời sống gia đình hay chưa? - Cách trình bày: Ngữ điệu, cách diễn đạt, cách tương tác với người nghe như thế nào?	Phản hồi những nhận xét, góp ý của người nghe với tinh thần cầu thị: - Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. - Trao đổi về những điều người nghe cần nắm rõ thêm.

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của các bài thơ đã học trong bài *Gõ cửa trái tim*.

Nhan đề bài thơ	Nội dung chính	Đặc điểm nghệ thuật		
		Hình ảnh	Biện pháp tu từ	Yếu tố tự sự, miêu tả

2. Hãy diễn tả nội dung một bài thơ đã được học trong bài *Gõ cửa trái tim* bằng một hình thức nghệ thuật mà em thích (tranh, truyện tranh, nhạc, kịch bản hoạt cảnh,...).

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Hình ảnh hai cha con và cuộc trò chuyện của họ.
- Ý nghĩa của hình ảnh những cánh buồm trên biển buổi sớm mai sau trận mưa đêm.
- Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; cách dùng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc,...

Những cánh buồm

HOÀNG TRUNG THÔNG⁽¹⁾

Hai cha con bước đi trên cát
Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh.
Bóng cha dài lênh khênh
Bóng con tròn chắc nịch.

Sau trận mưa đêm rả rích
Cát càng mịn, biển càng trong.
Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng,
Nghe con bước lòng vui phơi phới.
Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:
Cha ơi!
Sao xa kia chỉ thấy nước thấy trời
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?
Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:
Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa

⁽¹⁾ Hoàng Trung Thông (1925 – 1993) là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ cách mạng Việt Nam.

Sẽ có cây có cửa có nhà,
Vẫn là đất nước của ta,
Nhưng nơi đó cha chưa hề đi đến.

Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai,
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời.
Con lại trở cánh buồm xa nói khẽ:
Cha mượn cho con buồm trắng nhé,
Để con đi...
Lời của con hay tiếng sóng thầm thì
Hay tiếng của lòng cha từ một thời xa thẳm?
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.

(Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm*, NXB Văn học, Hà Nội, 1964, tr. 76 – 77)



YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ

Thương người như thể thương thân.

(Tục ngữ Việt Nam)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Như cỏ cây cần ánh nắng, con người cần tình yêu thương để nuôi dưỡng, sưởi ấm tâm hồn. Điều kì diệu nhất của yêu thương là càng chia sẻ lại càng giàu có; là cùng lúc mang đến niềm vui, hạnh phúc cho cả người được đón nhận và người trao tặng.
- Những truyện kể dưới đây ẩn chứa cả niềm vui và nỗi buồn, ấm áp và giá buốt nhưng đều giúp chúng ta hiểu thêm về giá trị của tình yêu thương và sự đồng cảm trong cuộc sống hằng ngày.



*Cô bé viết bên chú chim sẻ cánh vàng,
tranh sơn dầu trên vải của Hen-ri-ét Brao-nơ (Henriette Browne)*

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.
- Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Miêu tả nhân vật trong truyện kể

- Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,...).
- Hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh.
- Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại và độc thoại.
- Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật.

Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

- Thành phần chính của câu có thể là một từ, cũng có thể là một cụm từ. Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. Có nhiều loại cụm từ, nhưng tiêu biểu nhất là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.
- Cụm danh từ gồm danh từ và một hoặc một số từ khác bổ nghĩa cho danh từ. Cụm động từ gồm động từ và một hoặc một số từ khác bổ nghĩa cho động từ. Cụm tính từ gồm tính từ và một hoặc một số từ khác bổ nghĩa cho tính từ.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Cô bé bán diêm*, Han Cri-xti-an An-đéc-xen (Hans Christian Andersen)
- *Gió lạnh đầu mùa*, Thạch Lam
- *Con chào mào*, Mai Văn Phấn

Cô bé bán diêm

HAN CRI-XTI-AN AN-ĐÉC-XEN

Trước khi đọc

1. Giới thiệu ngắn gọn một truyện kể hoặc một bộ phim có nhân vật trẻ em gây ấn tượng với em.
2. Chia sẻ một vài cảm nhận của em về nhân vật đó.

Đọc văn bản

Rét dữ dội, tuyết rơi. Trời đã tối hẳn. Đêm nay là đêm giao thừa.

Giữa trời đông giá rét, một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.

Lúc ra khỏi nhà em có đi giày vải, nhưng giày vải phồng⁽¹⁾ có tác dụng gì kia chứ!

Giày ấy của mẹ em để lại, rộng quá, em đã liên tiếp làm văng mất cả hai chiếc khi em chạy qua đường, vào lúc hai chiếc xe ngựa đang phóng nước đại.

Chiếc thứ nhất bị xe song mã⁽²⁾ nghiêng, rồi dính theo tuyết vào bánh xe; thế là mất hút. Còn chiếc thứ hai, một thằng bé lượm được, cười sằng sặc,

THEO DÕI Chú ý các chi tiết miêu tả trang phục của cô bé bán diêm giữa trời đông giá rét.

DỰ ĐOÁN Điều gì sẽ đến với cô bé bán diêm trong đêm giao thừa?

(1) *Phồng*: từ thể hiện ý nghi ngờ, phủ định (như *thử hỏi, liệu có*).

(2) *Xe song mã*: xe do hai con ngựa kéo.



đem tung lên trời. Nó còn nói to với em bé rằng nó sẽ giữ chiếc giày để làm nôi cho con chó sau này.

Thế rồi em phải đi đất, chân em đỏ ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét.

Chiếc tạp dề⁽¹⁾ cũ kĩ của em đựng đầy diêm và tay em còn cầm thêm một bao.

Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại. Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

Suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí⁽²⁾ cho em chút đỉnh. Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường. Bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xoã thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý.

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán⁽³⁾ và gia đình em đã phải rời ngôi nhà xinh xắn có dây

THEO DÕI Sau khi bà mất, gia đình cô bé bán diêm rơi vào tình cảnh như thế nào?

(1) *Tạp dề*: tấm vải có dây buộc, dùng đeo phía trước người để giữ cho quần áo khỏi bẩn khi làm việc nội trợ.

(2) *Bố thí*: cho theo lối làm ơn, làm phúc để cứu giúp.

(3) *Tiêu tán*: tan biến, mất hết, không còn tí gì.

trường xuân⁽¹⁾ leo quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa.

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lù l lại một chút.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.

Vả lại ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác, sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà. Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra.

Chà! Giá quẹt một que diêm lên mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì diệu làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và toả ra hơi nóng dịu dàng.

Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa, bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên. Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bắc⁽²⁾ thổi vun vút mà được

THEO DÕI Mỗi lần quẹt diêm, cô bé nhìn thấy những hình ảnh gì? Đó là thực hay mơ?



(1) Trường xuân: một loại cây leo, lá xanh tốt quanh năm, thường được trồng trang trí tường, hàng rào.

(2) Gió bắc: gió mùa đông, thổi từ phương bắc.

ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi thì khoái biết bao!

Em vừa đuổi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tàn hẵn. Em bồn thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha của em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay, về nhà thế nào cũng bị cha mắng.

Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên. Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màn. Em nhìn thấu vào tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải trắng tinh, trên bàn bày toàn bát đĩa bằng sứ quý giá và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phóng sét⁽¹⁾, cắm trên lưng, tiến về phía em bé.

Rồi... que diêm vụt tắt; trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo.

Thực tế đã thay thế cho mộng mị: chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả, mà chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bắc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm⁽²⁾ với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

Em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en (Noel)⁽³⁾. Cây này lớn và trang trí lộng lẫy hơn cây mà em đã được thấy năm ngoái qua cửa kính một nhà buôn giàu có. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng, hiện ra trước mắt em bé.

Em với đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.

– Chắc hẳn có ai vừa chết. – Em bé tự nhủ, vì bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu, trước đây thường nói rằng: “Khi có một ngôi sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế”.

THEO DÕI Chú ý trình tự xuất hiện của các hình ảnh khi cô bé quẹt diêm:

- Lần thứ nhất
- Lần thứ hai
- Lần thứ ba
- Lần thứ tư.

(1) *Phóng sét*: đồ dùng có răng nhọn, cán dẹt, thường làm bằng kim loại, dùng để lấy thức ăn.

(2) *Lãnh đạm*: lạnh nhạt, không biểu hiện cảm xúc, không quan tâm.

(3) *Cây thông Nô-en*: cây hoặc cành thông non được trang trí để đón lễ Nô-en.

Em quệt một que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh toả ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em.

– Bà ơi! – Em bé reo lên. – Cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây Nô-en ban nãy, nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này; trước kia, khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân⁽¹⁾, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao! Dạo ấy bà đã nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà, bà ơi! Cháu van bà, bà xin với Thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Que diêm tắt phụt, và ảo ảnh⁽²⁾ rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.

Thế là em quệt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà lại! Diêm nổi nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về châu Thượng đế.

Sáng hôm sau tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên trong sáng, chói chang trên bầu trời nhạt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì rét trong đêm giao thừa.



ĐỐI CHIẾU Điều xảy ra với cô bé bán diêm có giống như dự đoán của em không?

(1) *Chí nhân*: vô cùng nhân từ, hết mực yêu thương (*chí*: rất, hết mực; *nhân*: nhân từ, yêu thương).

(2) *Ảo ảnh*: hình ảnh giống như thật nhưng không có thật.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên tử thi⁽¹⁾ em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã hết nhãn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!”. Nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.

(Han Cri-xti-an An-đéc-xen, *Truyện cổ An-đéc-xen*, Nguyễn Văn Hải – Vũ Minh Toàn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 546 – 549)

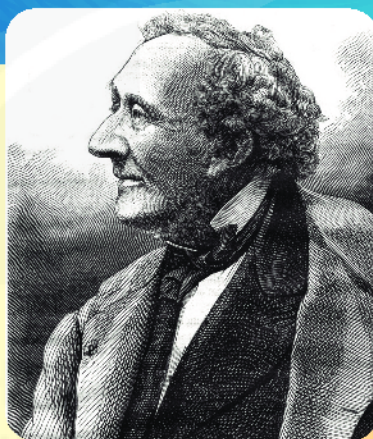
THEO DÕI Có những hình ảnh trái ngược nào trong quang cảnh ngày đầu năm mới?

Sau khi đọc

HAN CRI-XTI-AN AN-ĐÉC-XEN

- Han Cri-xti-an An-đéc-xen (1805 – 1875) là nhà văn Đan Mạch chuyên viết truyện cổ tích cho thiếu nhi. Bằng trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn, An-đéc-xen đã sáng tạo nên một thế giới thần tiên mà vẫn rất gần gũi với con người, với cuộc sống đời thường. Ông luôn khẳng định: *Không có truyện kể nào hay hơn được những điều do chính cuộc sống tạo nên*. Nhiều tác phẩm của An-đéc-xen được trẻ em trên toàn thế giới yêu thích: *Cô bé bán diêm*, *Nàng tiên cá*, *Nữ thần băng giá*, *Chú lính chì dũng cảm*, *Bầy chim thiên nga*,...

- Cô bé bán diêm* là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của An-đéc-xen.



Em có biết?

Truyện *Cô bé bán diêm* đã được chuyển thể thành nhiều tác phẩm thuộc các thể loại: nhạc, nhạc kịch, phim. Trong đó, bộ phim hoạt hình *Cô bé bán diêm* của đạo diễn Ác-tuya Đa-vít (Arthur Davis, Mỹ) phát hành năm 1937 và của đạo diễn Rô-giơ An-lôt (Roger Allers, Mỹ) phát hành năm 2006 đã được đề cử giải Ô-xca (Oscar).

(1) *Tử thi*: thân thể người đã chết.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Truyện *Cô bé bán diêm* được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Cô bé bán diêm phải ở ngoài đường phố trong một đêm như thế nào? Vì sao cô bé không muốn trở về nhà?
3. Nêu các chi tiết miêu tả ngoại hình của cô bé bán diêm. Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về cuộc sống của nhân vật?
4. Những hình ảnh xuất hiện sau mỗi lần quẹt diêm phản chiếu những ước mong nào của cô bé bán diêm? Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh đó không?
5. Nêu cảm nhận của em về thái độ của người kể chuyện đối với cô bé bán diêm. Phân tích một vài chi tiết làm cơ sở cho cảm nhận đó.
6. Đọc lại một số câu văn miêu tả cách ứng xử của người đi đường trước tình cảnh của cô bé bán diêm. Em nghĩ gì về cách ứng xử của họ?
- 7*. Trong truyện, tác giả đã sử dụng nhiều chi tiết, hình ảnh tương phản như: cảnh đoàn tụ của các gia đình đêm giao thừa với tình cảnh đói rét, đơn độc ngoài đường phố của cô bé bán diêm; không khí tươi vui của ngày đầu năm mới với cảnh tượng em bé chết rét nơi xó tường;... Em hãy chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của một vài chi tiết, hình ảnh đó.
8. Những câu chuyện cổ tích thường kết thúc có hậu: nhân vật chính được hưởng cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Theo em, truyện *Cô bé bán diêm* có kết thúc giống như vậy không?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: *Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”*.

Thực hành tiếng Việt

CỤM DANH TỪ

1. Tìm cụm danh từ trong những câu sau:
 - a. *Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rào bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.*
 - b. *Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.*
2. Tìm một cụm danh từ trong truyện *Cô bé bán diêm*. Từ danh từ trong cụm từ đó, hãy tạo ra ba cụm danh từ khác.

Nhận biết cụm từ và cụm danh từ

- Đọc các câu sau: (1) *Thời tiết/ lạnh.*; (2) *Tuyết/ rơi.*; (3) *Thời tiết mùa đông ở Sa Pa/ rất lạnh.*; (4) *Tuyết trắng/ rơi đầy trên đường.* Trong câu (1) và (2), mỗi thành phần chính của câu chỉ là một từ. Trong câu (3) và (4), thành phần chính của câu là một cụm từ.
- Đọc câu sau: *Tất cả học sinh lớp 6A đều thích môn học ấy.* Trong câu này,

3. So sánh những câu văn sau đây và rút ra nhận xét về tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chính của câu:

- a. – *Em bé vẫn lang thang trên đường.*
– *Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường.*
- b. – *Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.*
– *Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.*

tất cả học sinh lớp 6A là một cụm danh từ có *học sinh* là danh từ trung tâm. Các từ ở trước danh từ trung tâm thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện, ví dụ: *tất cả*. Các từ đứng sau danh từ trung tâm thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật đó trong không gian, thời gian,..., ví dụ: *lớp 6A*.

4. Các câu sau có chủ ngữ là một từ. Hãy mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ.

- a. *Gió vẫn thổi rít vào trong nhà.*
- b. *Lửa toả ra hơi nóng dịu dàng.*

5. Hãy tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về cảnh cô bé bán diêm gặp lại người bà trên thiên đường, trong đó có ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.

Gió lạnh đầu mùa

THẠCH LAM

Trước khi đọc

- 1. Kể về một sự giúp đỡ, chia sẻ mà em đã từng dành cho ai đó hoặc từng được đón nhận.
- 2. Đọc nhan đề *Gió lạnh đầu mùa*, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

Đọc văn bản

(1)

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua giờ này còn nắng ấm và hanh⁽¹⁾, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng, và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

⁽¹⁾ *Hanh*: thời tiết khô và hơi lạnh.

Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kĩ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hoả lò⁽¹⁾ để pha nước chè uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắt lại vì rét.

THEO DÕI Chú ý những cảm nhận của Sơn về thời tiết và cảnh vật.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vợ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi chị. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan:

– Con vào buồng lấy thùng áo ra mẹ mặc cho em đi.

[...] Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thùng quần áo đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lật cái ví buồm⁽²⁾, lục đồng quần áo rét. [...] Mẹ Sơn giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói:

– Đây là áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá. Vú già⁽³⁾ là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ:



DỰ ĐOÁN Chiếc áo bông cũ có xuất hiện ở phần tiếp theo của truyện không?

(1) Hoả lò: lò than nhỏ để đun nấu hoặc để sưởi ấm.

(2) Ví buồm: tấm vải đan dùng để đựng hoặc lót rổ, thùng.

(3) Vú già: cách gọi người phụ nữ có tuổi, đã từng đi ở để cho trẻ bú trong xã hội cũ.

– Giá mà bây giờ em nó có còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì. Nhưng đến lúc với Sơn lại gần để mặc áo, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

(2)

Sơn đã mặc xong áo ấm: cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm⁽¹⁾ dài. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại ba, bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo. Sau cùng mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo:

– Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăn⁽²⁾, đánh đáo⁽³⁾.

Không phải ngày phiên chợ nên chợ vắng không. Mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bần rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh, và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc⁽⁴⁾ của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vô vạp. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kì và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn.

THEO DÕI Chú ý các chi tiết miêu tả ngoại hình của các bạn nhỏ ở ngoài chợ.

(1) *Áo vải thâm*: áo vải màu đen.

(2) *Đánh khăn*: một trò chơi dân gian của trẻ em – dùng một đoạn cây nhỏ, chắc, tròn, dài khoảng từ 30 – 40 cm (gọi là cái) đánh cho đoạn cây tròn, ngắn khoảng từ 15 – 20 cm (gọi là con) vắng xa để tính điểm.

(3) *Đánh đáo*: một trò chơi dân gian của trẻ em – kẻ vạch trên nền đất phẳng, rải những đồng xu, người chơi đứng từ một khoảng cách quy định, dùng một vật hình tròn nhỏ như đồng xu, nặng để chọi vào những đồng xu rải trên vạch. Luật chơi phong phú, tùy theo vùng, miền.

(4) *Guốc*: đồ dùng làm bằng gỗ và có quai, công dụng như giày, dép.

Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

[...] Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

– Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

– Sao áo mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu⁽¹⁾ nói:

– Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

– Sao không bảo u may may cho?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiên, đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

– Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

– Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

THEO DÕI Dáng vẻ bề ngoài của bé Hiên được miêu tả như thế nào?

THEO DÕI Chú ý những chi tiết miêu tả suy nghĩ, cảm xúc của Sơn.

(1) Bịu xịu: vẻ mặt xỉ xuống, thường đi kèm những lời nói có ý buồn tủi.



(3)

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già:

- Mẹ tôi đâu hả vú?
- Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mẹ còn đi ăn cỗ đến trưa mới về.

THEO DÕI Chú ý lời đối thoại giữa vú già với Sơn, giữa hai chị em Sơn.

Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn hỏi:

- Có phải cậu đem cho con Hiền cái áo bông cũ phải không?
- Sơn ngạc nhiên đáp:
- Phải, nhưng sao vú biết?
 - Con Sinh nó nói với tôi đấy. (Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỗn với vú già nên vú ấy ghét). Nó lại còn bảo hễ mẹ về nó sẽ sang mách mẹ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van:

- Thế bây giờ làm thế nào, hở vú? Mẹ tôi biết thì chết.
- Ai bảo cậu dại dột đem áo cho nó? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiền trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiền nhưng không thấy con bé ở đó, đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không có nhà. Hai chị em lo sợ, đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo. Lan trách em:

- Sao em lại nghĩ đem cho nó cái áo ấy, có phải bây giờ mẹ mắng chết không?

– Ai bảo chị về lấy? Nếu chị không về lấy thì em biết đâu?

Chị Lan đầu dụi:

– Thôi, bây giờ phải về nhà vậy chứ biết làm thế nào.

– Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi:

– Đằng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mợ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng dắt nhau lên về nhà. Đến cửa, Sơn nghe thấy có tiếng mẹ nói ở trong với tiếng người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép bước vào; hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiền đang ngồi ở cái ghế con trên đất trước mặt mẹ, tay cầm cái áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngừng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo:

– Kia, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đây?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiền vừa cười vừa nói:

– Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ. Thôi, bây giờ, xin phép mợ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi:

– Con Hiền nó không có áo à?

– Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành ra được đồng nào may áo cho con cả. Thành thử vẫn cái áo từ năm ngoái nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng lấy tiền đưa cho bác Hiền:

– Đây, tôi cho mượn năm hào về mà may áo cho con.

Khi bác Hiền bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo:

– Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?

DỰ ĐOÁN Theo em, mẹ Sơn có phạt hai chị em Sơn không? Điều gì khiến em suy đoán như vậy?

ĐỐI CHIẾU Em có đoán đúng những gì xảy ra trong phần kết của câu chuyện này không?

(Thạch Lam, *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2015, tr. 119 – 126)

Sau khi đọc

THẠCH LAM

• Thạch Lam (1910 – 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống. Các tập truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*,...

• *Gió lạnh đầu mùa* được đánh giá là truyện ngắn viết về đề tài trẻ em xuất sắc nhất của Thạch Lam.



Nhà văn nói về tác phẩm

“... Gió heo may sẽ làm cho họ buồn rầu lo sợ, vì mùa đông sắp tới, mùa đông giá lạnh và lầy lội phủ trên lưng họ cái màn lạnh lẽ của sương mù. Và lòng tôi se lại khi nghĩ rằng chỉ một chút âu yếm, một chút tình thương, cũng đủ nâng đỡ an ủi những người cùng khổ ấy...” (Thạch Lam)

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Liệt kê một số chi tiết, hình ảnh miêu tả thái độ của chị em Sơn với các bạn nhỏ.
3. Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông cũ của em Duyên; khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận được gì về nhân vật này?
4. Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?
5. Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao?
6. Hãy nhận xét về cách ứng xử của mẹ Hiên và mẹ Sơn trong đoạn kết của truyện.
7. Đọc lại một số đoạn văn tác giả miêu tả những đổi thay của đất trời khi mùa đông đến. Em có thích những đoạn văn này không? Vì sao?

8. Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm*) và bé Hiền (*Gió lạnh đầu mùa*).

Viết kết nối với đọc

Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận về một chi tiết miêu tả trẻ em mà em thấy thú vị.

Thực hành tiếng Việt

CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

1. Tìm một cụm động từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*. Từ động từ của cụm từ đó, hãy tạo ra ba cụm động từ khác.
2. Trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*, Thạch Lam thường sử dụng kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ, chẳng hạn: **Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan**. Hãy tìm thêm trong văn bản này hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó.
3. Tìm cụm động từ trong những câu sau. Xác định động từ trung tâm và những ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung.
 - a. *Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng.*
 - b. *Mẹ Sơn lật cái vỉ buồm, lục đồng quần áo rét.*
 - c. *Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.*
 - d. *Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo.*
4. Tìm một cụm tính từ trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*. Với tính từ của cụm từ đó, hãy tạo ra ba cụm tính từ khác.

Nhận biết cụm động từ

- Đọc câu sau: *Nó không mặc áo rét*. Trong câu này, *không mặc áo rét* là một cụm động từ có *mặc* là động từ trung tâm.
- Các từ trước động từ trung tâm thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn, mệnh lệnh,... Ví dụ: từ *không* trước động từ *mặc* có ý nghĩa phủ định. Các từ đứng sau động từ trung tâm thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: đối tượng, địa điểm, thời gian, cách thức,... Ví dụ: từ *áo rét* ở sau động từ *mặc* chỉ đối tượng của hành động.

Nhận biết cụm tính từ

- Đọc câu sau: *Trời vẫn rét quá*. Trong câu này, *vẫn rét quá* là một cụm tính từ có *rét* là tính từ trung tâm.
- Các từ trước tính từ trung tâm thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...

5. Tìm cụm tính từ trong những câu sau.
Xác định tính từ trung tâm và những ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung.

- a. *Năm nay rét sớm hơn mọi năm vù nhỉ?*
- b. *Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như gần.*
- c. *Cái áo này mặc thì nóng lắm.*

Ví dụ: từ *vẫn* trước tính từ *rét* chỉ rét đang tiếp diễn. Các từ đứng sau tính từ trung tâm thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: phạm vi, mức độ,... Ví dụ: từ *quá* ở sau tính từ *rét* chỉ mức độ của rét.

6. Các câu sau có vị ngữ là một từ. Hãy mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ.

- a. *Gió rét.*
- b. *Toà nhà cao.*
- c. *Cô ấy đẹp.*

7. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nói về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có ít nhất một cụm động từ hoặc một cụm tính từ làm thành phần chính của câu.

Con chào mào

MAI VĂN PHẦN

Đọc văn bản

Con chào mào⁽¹⁾ đốm trắng mũ đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu... ụt... huyết... tu hù...

Tôi vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ
Sợ chim bay đi

Vừa vẽ xong nó cất cánh
Tôi ôm khung nắng, khung gió
Nhành cây xanh hối hả đuổi theo

⁽¹⁾ *Chào mào*: loài chim đầu có chòm lông nhọn, tiếng hót trong, cao.

Trong vô tăm tích⁽¹⁾ tôi nghĩ
Lát nữa chào mào sẽ mổ những con sâu
Trái cây chín đỏ
Từng giọt nước
Thanh sạch của tôi

triu... uyết... huyết... tu hùu...

Chẳng cần chim lại bay về
Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ.

(Mai Văn Phấn, *Bầu trời không mái che*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010, tr. 26)

Sau khi đọc

MAI VĂN PHẤN

- Mai Văn Phấn sinh năm 1955 tại Ninh Bình. Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài được dịch ra nhiều thứ tiếng. Các tập thơ tiêu biểu của Mai Văn Phấn: *Giọt nắng*, *Gọi xanh*, *Bầu trời không mái che*, *Lặng yên cho nước chảy*,...
- Bài thơ *Con chào mào* được in trong tập thơ *Bầu trời không mái che*. Tập thơ đã được dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp.



(1) *Vô tăm tích*: không có dấu vết nào.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Em có thể hình dung, tưởng tượng những hình ảnh gì khi đọc ba dòng thơ đầu?
2. Hãy nêu những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.
3. Vì sao lúc đầu, nhân vật “tôi” “sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: *Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ*?
4. Dòng thơ nào được lặp lại trong bài thơ? Theo em, việc lặp lại như vậy có tác dụng gì?
5. Con chim chào mào đã bay đi rồi nhưng nhân vật “tôi” vẫn có thể “nghe rất rõ” tiếng chim hót. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong kí ức.

Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em

Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, sự tự hào, hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi buồn, sự sợ hãi hoặc nuối tiếc,... Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em có thể rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Ở bài *Tôi và các bạn*, em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kĩ năng viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân với yêu cầu cao hơn.

Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.
- Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.

Trải nghiệm buồn của tôi

Tôi có nhiều trải nghiệm vui với gia đình và bạn bè. Nhưng tôi vẫn muốn kể lại một trải nghiệm buồn vì nó có ý nghĩa rất đặc biệt đối với tôi. Đó là một câu chuyện mà tôi sẽ không bao giờ quên.

Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”).

Giới thiệu câu chuyện.

Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp sáu. Sau buổi sơ kết tháng học tập đầu tiên, cô giáo chủ nhiệm giao cho tôi nhiệm vụ viết bản tổng hợp về nền nếp và tình hình học tập đầu năm của lớp. Tôi rất vui vì được cô tin tưởng. Tôi cũng muốn cô tự hào về tôi nên đã dành cả buổi sáng Chủ nhật để viết nháp rồi chép lại cho thật sạch đẹp.

Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.

Sáng thứ Hai, tôi đến lớp thật sớm, mang bản tổng hợp ra ngắm nghía lần nữa. Tôi đọc lại, thấy mình đã ghi đầy đủ nội dung các mục như cô hướng dẫn và chữ tôi viết cũng khá đẹp. Chắc chắn cô sẽ khen ngợi. Đúng lúc ấy, bạn Thịnh lớp 6D gọi tôi. Tôi để bản tổng hợp trên bàn và chạy ra hành lang nói chuyện với bạn ấy. Lúc quay vào, tôi thấy một bạn cúi xuống bàn tôi rồi chạy biến ra phía cửa sau. Tôi chỉ kịp nhìn thoáng và đoán ngay đó là Duy. Tôi cầm bài viết lên thì thấy mấy nét nguệch ngoạc ngang dọc ngay trang đầu tiên. Tôi tức giận đến phát khóc, vừa sợ bị cô mắng vừa tiếc bao nhiêu công sức của mình.

Không kịp suy nghĩ, tôi sầm sập chạy ra sân thì thấy Duy đang cười nói với mấy bạn lớp bên. Tôi chộp lấy tay Duy, lôi thẳng vào lớp. Tôi giơ bài viết vào sát mặt Duy và hét lên: “Sao cậu làm thế này? Tớ sẽ mách cô ngay bây giờ!”. Duy ngơ ngác như không hiểu chuyện gì đang diễn ra. Tôi lại càng giận dữ: “Cậu đừng có giả vờ! Chính mắt tớ nhìn thấy cậu vẽ nguệch ngoạc vào đây!”. Mặt Duy đỏ lên: “Không phải tớ! Tớ có đi qua bàn cậu nhưng không làm gì cả!”.

Tập trung vào sự việc đã xảy ra.

Sắp xếp các chi tiết hợp lý theo trật tự thời gian, nguyên nhân – kết quả.

Khi cô chủ nhiệm vào lớp, tôi và Duy vẫn còn đang cãi nhau. Tôi một mực khẳng định với cô “thủ phạm” chính là Duy. Duy thì đỏ mặt tía tai nhắc đi nhắc lại: “Không phải em! Em không làm!”. Cô giáo hỏi kỹ lại mọi việc một lần nữa rồi bảo: “Việc này chỉ là một phút nghịch dại thôi, nên Duy làm thì hãy nhận lỗi, hay bạn nào lớp mình lỡ nghịch thì cũng nên dũng cảm nhận trách nhiệm, đừng để Duy bị oan”. Nghe cô nói thế, Duy oà lên khóc, còn cả lớp im phăng phắc. Tôi bỗng nhiên cũng thấy hoang mang. Rồi đột nhiên, Tuấn đứng phắt dậy: “Thưa cô, là em ạ. Em xin lỗi cô và các bạn!”. Tôi hết nhìn Tuấn lại nhìn Duy. Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ.

Cô giáo nhẹ nhàng nhắc nhở Tuấn không được nghịch dại như thế nữa. Cô nói Tuấn đã biết sửa lỗi bằng một việc làm rất đúng đắn và dũng cảm nên chỉ phạt bạn chép lại bản tổng hợp. Tôi lúng búng xin lỗi Duy, xin lỗi các bạn và cô giáo. Tôi cũng xin thôi không làm lớp trưởng nữa vì thấy mình không xứng đáng. Cô bảo đúng là tôi đã quá nóng nảy, cần phải rút kinh nghiệm nhưng ai cũng có thể mắc sai lầm nên cô và các bạn thông cảm cho tôi. Nhờ cô thuyết phục, Duy đã đến bắt tay tôi. Tôi nói cảm ơn mà không dám ngẩng lên nhìn bạn.

Về nhà, tôi càng nghĩ càng thấy xấu hổ và ân hận. Nghĩ đến ngày hôm sau phải tới lớp, tôi rất buồn và sợ hãi. Các bạn sẽ nhìn tôi như thế nào đây? Duy thì chắc sẽ không bao giờ thêm nói chuyện với tôi nữa!

Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

May mắn là các bạn đã bỏ qua lỗi lầm của tôi. Duy và tôi cũng đã nói chuyện với nhau bình thường, vui vẻ như trước. Nhưng tôi không quên câu chuyện này. Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân về hậu quả của sự nóng giận, về việc nhất định phải bình tĩnh khi nhận xét, đánh giá người khác.

Chỉ ra sự quan trọng của trải nghiệm với người viết.

Tôi kể lại trải nghiệm này cũng là để một lần nữa cảm ơn cô giáo và các bạn, nhất là bạn Duy. Duy ơi, cảm ơn vì đã tha lỗi cho tớ nhé!

(Bài làm của học sinh)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Tham khảo một vài ý tưởng được gợi ý ở bài *Tôi và các bạn*. Ngoài ra, để tìm được đề tài, em có thể liệt kê những sự việc quan trọng đã xảy ra với mình theo trình tự thời gian (bắt đầu vào Tiểu học, chia tay mái trường Tiểu học, gia đình chuyển nhà, khi mới vào trường Trung học cơ sở, làm quen với bạn mới,...).

b. Tìm ý

Có thể tìm ý bằng các cách sau:

- Tự đặt một số câu hỏi và trả lời (Chuyện gì? Khi nào? Ở đâu? Ai? Vì sao? Thế nào?).
- Hình dung, tưởng tượng: Nhắm mắt lại và hình dung về câu chuyện trong trí nhớ của em. Hãy viết nhanh những gì xuất hiện trong tâm trí em, dù thoáng qua, bằng một vài cụm từ hoặc câu ngắn.
- Sử dụng kỉ vật: Tìm lại những kỉ vật (nếu có) liên quan đến câu chuyện em định kể (một bức tranh, món quà, bài hát, dòng nhật kí,... có thể gợi lại cho em những điều đã xảy ra).
- Phỏng vấn: Nếu có thể, hãy tới gặp những người có liên quan đến câu chuyện của em, phỏng vấn họ và ghi chép lại.
- Kể trải nghiệm của em cho các bạn trong nhóm nghe. Các bạn sẽ hỏi em về những chi tiết quan trọng của câu chuyện. Hãy ghi lại để bổ sung cho câu chuyện của mình.

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý:

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
2. Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện.
 - Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan.
 - Kể lại các sự việc trong câu chuyện theo trình tự hợp lí (thời gian, không gian, nguyên nhân – kết quả, mức độ quan trọng của sự việc,...).
 - Sự việc 1
 - Sự việc 2
 - Sự việc 3
 - ...
3. Kết bài: Nêu cảm xúc của người viết và rút ra ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.

Mục đích viết

Kể lại một trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người đọc một kinh nghiệm trong cuộc sống và thể hiện bản thân.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm em chia sẻ.

2. VIẾT BÀI

Bám sát dàn ý khi viết bài. Xem lại những lưu ý khi viết bài ở bài *Tôi và các bạn*. Ngoài ra, em cần lưu ý thêm:

- Sử dụng các chi tiết miêu tả thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.
- Rút ra kết luận thuyết phục về ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

- Rà soát, tự chỉnh sửa bài viết của em theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được trải nghiệm.	Nếu chưa giới thiệu được trải nghiệm, hãy bổ sung.
Sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô.	Khoanh tròn những từ ngữ chỉ người kể chuyện trong bài viết. Nếu chưa nhất quán, cần sửa lại.
Tập trung vào sự việc đã xảy ra.	Bổ sung các thông tin cần thiết để người đọc hiểu về câu chuyện (nếu cần); lược bớt các chi tiết thừa, dài dòng, không tập trung vào câu chuyện.
Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí.	Đánh số vào các sự việc. Sắp xếp lại sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lí (nếu cần). Có thể bổ sung từ ngữ để liên kết các sự việc, chi tiết.
Có các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện.	Bổ sung các chi tiết về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện (nếu cần).
Thể hiện được cảm xúc trước sự việc được kể.	Gạch dưới những từ ngữ thể hiện cảm xúc trước sự việc. Hãy bổ sung (nếu cần).
Lí giải được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm.	Đánh dấu những câu văn lí giải ý nghĩa, tầm quan trọng của trải nghiệm. Nếu chưa thuyết phục, hãy điều chỉnh.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Sửa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... (nếu có).

- Em có thể chỉnh sửa bài viết bằng cách nhờ bạn đọc, góp ý cho bài viết của mình bằng một số câu hỏi, chẳng hạn:
- Bạn thích điều gì nhất trong bài viết này? Vì sao?
- Phần nào của bài viết bạn thấy còn chưa rõ?
- Cần bổ sung nội dung gì cho bài viết?
- Nên lược bỏ câu hay đoạn nào trong bài viết?
- Bài viết có mắc lỗi chính tả và diễn đạt không?

Nói và nghe

Kể về một trải nghiệm của em

Ở bài *Tôi và các bạn*, em đã được hướng dẫn nói và nghe về một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục có cơ hội chia sẻ những điều thú vị mà mình đã trải qua để phát triển kĩ năng nói và nghe của bản thân.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

Em hãy đọc lại nhiều lần bài viết của mình. Để không bỏ sót những nội dung quan trọng khi trình bày, em có thể lựa chọn một trong hai cách sau:

- Đánh dấu những từ ngữ, câu văn quan trọng mà khi trình bày không thể bỏ qua, như:
- Câu văn giới thiệu trải nghiệm em muốn kể.
- Những từ ngữ giới thiệu thời gian, không gian, nhân vật trong câu chuyện.
- Những câu văn trình bày diễn biến của câu chuyện.
- Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của em trước sự việc được kể.
- Ghi ngắn gọn ra giấy một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày bài nói như: thời gian, không gian, nhân vật, sự việc, cảm xúc của bản thân,...

b. Tập luyện

Xem lại cách thức tập luyện ở bài *Tôi và các bạn*. Hãy liệt kê những điểm mà em hài lòng và chưa hài lòng sau mỗi lần tập luyện để rút kinh nghiệm.

Mục đích nói

Nói về trải nghiệm cá nhân để chia sẻ với người nghe một kinh nghiệm trong cuộc sống và thể hiện bản thân.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trải nghiệm em chia sẻ.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Xem lại những lưu ý ở bài *Tôi và các bạn*. Trong bài này, em có thể:

- Sử dụng hiệu quả các ghi chú (viết trên một vài mảnh giấy nhỏ) để không bỏ sót những nội dung quan trọng.
- Sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, vi-di-ô cò-líp,...) để bài nói thú vị và hấp dẫn hơn.

3. SAU KHI NÓI

Xem lại cách thức trao đổi về bài nói ở bài *Tôi và các bạn*. Ngoài ra, em có thể trao đổi thêm các nội dung sau:

- Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt,...) với nội dung câu chuyện.
- Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, vi-di-ô cò-líp,...) trong khi trình bày.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin ngắn gọn về hai văn bản *Cô bé bán diêm* và *Gió lạnh đầu mùa*:

	Văn bản	<i>Cô bé bán diêm</i>	<i>Gió lạnh đầu mùa</i>
Đặc điểm			
Thể loại			
Nhân vật			
Người kể chuyện			

2. Chọn một truyện kể em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:
 - a. Xác định người kể chuyện.
 - b. Tóm tắt cốt truyện.
 - c. Phân tích đặc điểm nổi bật ở một nhân vật mà em yêu thích.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Tính chất gây tò mò của nhan đề *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*.
- Những sự kiện chính được kể lại trong chương VI. *Lắc-ki (Lucky) thực sự may mắn*.
- Đặc điểm của hai nhân vật Gioóc-ba (Zorba) và Lắc-ki.
- Ý nghĩa những lời giảng giải của Gioóc-ba với Lắc-ki ở đoạn kết.

Lắc-ki⁽¹⁾ thực sự may mắn

Trích **Chuyện con mèo dạy hải âu bay**,
LU-I XE-PUN-VE-DA⁽²⁾ (LUIS SEPÚLVEDA)

Chuyện con mèo dạy hải âu bay gồm 11 chương, kể về việc chú mèo mun Gioóc-ba nuôi dưỡng Lắc-ki, một con hải âu mồ côi. Mẹ Lắc-ki bị ngộ độc vàng dầu nên đã chết ngay sau khi đẻ trứng. Tình cờ chứng kiến cái chết của hải âu mẹ đáng thương, Gioóc-ba đã hứa ba điều: sẽ ấp quả trứng, sẽ bảo vệ, nuôi lớn hải âu con và dạy nó bay. Bằng tình yêu thương Lắc-ki và được sự trợ giúp của các bạn mèo, Gioóc-ba đã thực hiện được tất cả những lời hứa đó.

Chương VI: *Lắc-ki thực sự may mắn* bắt đầu kể về hành trình Gioóc-ba thực hiện lời hứa thứ ba: dạy Lắc-ki bay!

Lắc-ki lớn nhanh như thổi, được bao bọc trong sự yêu thương của bầy mèo. Sau một tháng sống trong tiệm tạp hoá của Ha-ri (Harry), nó đã ra dáng một con hải âu tuổi thiếu niên thon thả với lớp lông vũ mềm màu bạc.

Khi có khách tới tham quan tiệm tạp hoá, Lắc-ki theo hướng dẫn của Đại Tá⁽³⁾, co mình bất động giữa những con chim nhồi bông, giả vờ là một trong số chúng. Nhưng buổi chiều muộn, khi tiệm tạp hoá đóng cửa và lão thuỷ thủ già đã nghỉ ngơi, nó lại lạch bạch với dáng vẻ của một con chim biển đi xuyên qua các căn phòng, trầm trồ trước hàng nghìn loại vật thể chứa trong đó. Trong khi đó, Anh-xtanh⁽⁴⁾ (Einstein) điên cuồng giở hết cuốn sách này sang cuốn sách khác, tìm ra phương pháp giúp Gioóc-ba dạy con chim mới trở cánh tập bay.

“Việc bay bao gồm đẩy không khí ra phía trước và phía sau. À há! Giờ thì chúng ta đã tìm ra yếu tố quan trọng,” Anh-xtanh ngâm nga, vẫn chúi mũi vào một cuốn sách.

“Tại sao con lại phải bay?” Lắc-ki hỏi, hai cánh khép chặt vào thân.

(1) *Lắc-ki*: tên bầy mèo đặt cho hải âu con.

(2) *Lu-i Xe-pun-ve-da* (1949 – 2020) là nhà văn nổi tiếng của Chi-lê (Chile).

(3) *Đại Tá*: một trong những thủ lĩnh mèo “có uy tín nhất” ở bến cảng.

(4) *Anh-xtanh*: giáo sư mèo thông thái “biết hết tất cả những gì cần biết”.

“Bởi vì con là hải âu, mà hải âu thì phải bay”, Anh-xtanh đáp. “Với bác thì thật là khủng khiếp, thật là khủng khiếp nếu con không nhận ra điều đó.”

“Nhưng con không thích bay. Và con cũng không thích làm hải âu”, Lắc-ki cãi lại. “Con muốn làm mèo, mà mèo thì không bay.”

Một buổi chiều, nó lạch bạch đi tới cửa ra vào tiệm tạp hoá, ở đó có vụ đụng độ không mấy dễ chịu với con đười ươi.

“Tao không muốn phân chim quanh đây đâu, con nhỏ bẩn thỉu kia”, Mét-thiu⁽¹⁾ (Matthew) rít lên.

“Tại sao ngài lại gọi cháu thế, thưa ngài Khi?” Lắc-ki rụt rè hỏi.

“Chim chóc con nào chẳng làm thế. Ị bậy khắp mọi nơi. Mà mày thì đích thị là một con chim”, con đười ươi nhắc lại với vẻ hách dịch.

“Ngài nhầm rồi. Cháu là một con mèo và rất biết giữ vệ sinh”, Lắc-ki phản ứng, tìm kiếm sự đồng cảm của con khi không đuôi. “Cháu dùng chung cái thùng vệ sinh với bác Anh-xtanh.”



“Thật là nực cười! Bọn khố rách áo ôm làm cái trò gì mà thuyết phục được mày tin rằng mày là một trong số chúng thế? Mày ngó lại mày tí coi: mày có hai chân, và mèo thì có bốn chân. Mày có lông vũ, còn chúng nó có lông mao. Còn đuôi mày? Ở? Đuôi mày đâu ấy nhỉ? Mày cũng dở hơi

⁽¹⁾ Mét-thiu: con đười ươi được người chủ tiệm tạp hoá nuôi.

chả kém gì con mèo kia, bỏ cả đời cắm đầu vào mấy cuốn sách rồi rên lên, “Khủng khiếp! Khủng khiếp!”. Đồ chim đần độn. Và mày có biết tại sao lũ đó lại tỏ ra tử tế như thế với mày không? Chúng nó đang đợi mày béo nắn ra, rồi làm thịt mày thành bữa ăn ra trò. Chúng sẽ chén tuốt cả lông lẫn xương của mày!”, con đuôi ươi rít lên.

Chiều hôm đó, bọn mèo ngạc nhiên khi không thấy con hải âu xuất hiện để xơi món yêu thích – món mực ống mà Xe-crét-ta-ri-ô⁽¹⁾ (Secretario) chôm được từ bếp nhà hàng.

Cảm thấy lo lắng, bọn chúng chạy đi tìm con hải âu, Gioóc-ba tìm thấy nó buồn bã nằm rúc giữa đám thú nhồi bông. “Con có đói không, Lắc-ki? Chúng ta có món mực đấy”, Gioóc-ba bảo nó.

Con hải âu không buồn hé mỏ.

“Con thấy trong người khó chịu à?” Gioóc-ba lo lắng hỏi, “Con có bị ốm không?”

“Má⁽²⁾ muốn con ăn để con béo tròn, ngon lành phải không?”, nó hỏi mà không ngáng đầu lên.

“Không, để con lớn nhanh và mạnh khỏe.”

“Rồi khi con béo, má sẽ mời bọn chuột tới chén thịt con phải không?”, nó léc quéc, đôi mắt dầm nước.

“Con nghe ở đâu chuyện vợ vẫn như thế hả?”, Gioóc-ba ngoao lên giận dữ.

Nước mắt lưng tròng, Lắc-ki thuật lại tất cả mọi thứ mà Mét-thiu đã nói với nó. Gioóc-ba liếm khô nước mắt của Lắc-ki và bỗng nhiên nhận ra mình đang giảng giải cho con hải âu nhỏ, điều mà nó chưa từng làm trước đây:

“Con là một con hải âu. Gã đuôi ươi đứng ở điểm đó, nhưng chỉ điểm đó thôi. Tất cả chúng ta đều yêu con, Lắc-ki. Và chúng ta yêu con bởi vì con là một con hải âu. Một con hải âu xinh đẹp. Chúng ta chưa từng phủ nhận khi nghe con nói con là mèo, bởi điều đó an ủi chúng ta rằng con muốn giống chúng ta, nhưng con khác với chúng ta và chúng ta vui với sự khác biệt đó. Chúng ta đã không cứu được mẹ con, nhưng chúng ta có thể giúp con. Chúng ta đã bảo vệ con

(1) Xe-crét-ta-ri-ô: chú mèo “cận vệ” sống cùng mèo Đại Tá, thường kiểm thức ăn cho Lắc-ki và bày mèo.

(2) Gioóc-ba ấp trứng nên khi nở ra, hải âu con lập tức gọi chú là “má”.

từ khoảnh khắc con mổ vỡ lớp vỏ trứng ra đời. Chúng ta đã dành cho con sự chăm sóc mà không hề nghĩ tới việc biến con thành một con mèo. Chúng ta yêu con như yêu một con hải âu. Chúng ta cảm thấy con cũng yêu chúng ta như vậy, chúng ta là bạn con, là gia đình của con, và chúng ta muốn con biết rằng nhờ con, chúng ta đã học được một điều đáng để tự hào: Chúng ta học được cách trân trọng, quý mến và yêu thương một kẻ không giống chúng ta. Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương ai đó khác mình thực sự rất khó khăn, và con đã giúp chúng ta làm được điều đó. Con là chim hải âu, và con phải sống cuộc đời của một con hải âu. Con phải bay. Khi con đã học hành tử tế, Lắc-ki, ta hứa với con rằng con sẽ thấy hạnh phúc lắm, và sau đó tình cảm của chúng ta dành cho nhau thậm chí còn sâu sắc và đẹp đẽ hơn, bởi đó là tấm chân tình giữa hai loài vật hoàn toàn khác nhau.”

“Con sợ bay lắm”, Lắc-ki léc quéc, đứng dậy.

“Khi con tập bay, ta sẽ ở đó với con”, Gioóc-ba thầm thì, liếm đầu Lắc-ki. “Ta đã hứa với mẹ con rồi.”

Con hải âu nhỏ và con mèo mun to bụng, mập ú cùng bước đi – con mèo dịu dàng liếm đầu con hải âu và con chim đuổi một cánh vắt ngang lưng con mèo.

(Lu-i Xe-pun-ve-da, *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*, Phương Huyền dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017, tr. 99 – 104)

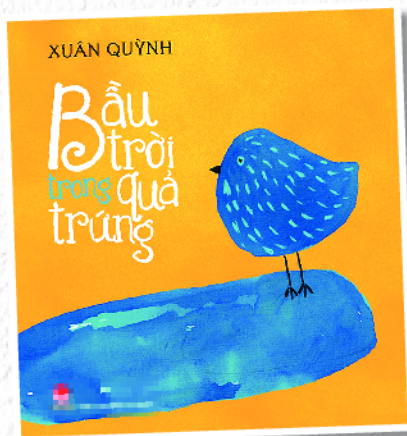
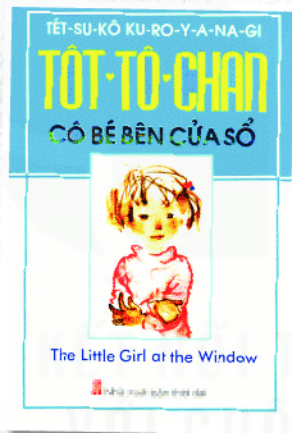


ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số truyện về đề tài tình bạn hay lòng nhân ái, khoan dung. Khi đọc, em cần chú ý chủ đề của truyện, người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

Tìm đọc một số bài thơ viết về tình cảm gia đình; chú ý tình cảm, cảm xúc của nhà thơ cũng như cách sử dụng thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Trao đổi về những điều em thấy thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã đọc.
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ em yêu thích.



QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.*

(Nguyễn Đình Thi)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Cây có cội, nước có nguồn, con người có quê hương. Quê hương là nơi tổ tiên, ông bà, cha mẹ ta đã sinh sống. Quê hương là đất đai xứ sở, truyền thống ông cha, là những điều giản dị và thân thuộc ta gắn bó hằng ngày. Tình yêu quê hương là tình cảm ấm áp, chân thành, bền lâu của con người.
- Tình yêu quê hương đất nước Việt Nam từ xưa đến nay đã đi vào văn học, âm nhạc, hội họa, điện ảnh,... Trong bài học này, em sẽ cảm nhận tình yêu quê hương trong những bài ca dao và thơ trữ tình hiện đại viết theo thể lục bát – một thể thơ mang đậm bản sắc Việt Nam.



MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát và viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ lục bát.
- Biết nói lên ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Thơ lục bát

- Thể thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng.
- Vần: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo.
- Thanh điệu: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại.
- Nhịp: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, ...).

Lục bát biến thể

- Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp, ...

Từ đồng âm và từ đa nghĩa

- Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.
- Từ đa nghĩa là từ có hai hoặc nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau.

Hoán dụ

- Hoán dụ là biện pháp tu từ dùng từ ngữ vốn chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác có mối quan hệ tương cận (gần nhau) nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VĂN BẢN ĐỌC

- Chùm ca dao về quê hương đất nước
- *Chuyện cổ nước mình*, Lâm Thị Mỹ Dạ
- *Cây tre Việt Nam*, Thép Mới

Chùm ca dao⁽¹⁾ về quê hương đất nước

Trước khi đọc

1. Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?
2. Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu trong bài thơ đó.

Độc văn bản

1. Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Võ⁽²⁾ canh gà⁽³⁾ Thọ Xương⁽⁴⁾.
Mịt mù khói toả ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái⁽⁵⁾, mặt gương Tây Hồ⁽⁶⁾.

(Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật – Phan Đăng Tài –
Nguyễn Thuý Loan – Đặng Diệu Trang, *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 1,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2001, tr. 1145)

(1) *Ca dao*: thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần gũi lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động.

(2) *Trần Võ*: một ngôi đền nằm bên cạnh Hồ Tây (còn có tên là đền Trần Vũ, đền Quán Thánh). Đền được xây dựng vào thời Lý, thờ Huyền Thiên Trấn Vũ, một vị thần trấn giữ hướng bắc của Thăng Long xưa.

(3) *Canh gà*: tiếng gà báo canh. Canh là đơn vị tính thời gian ban đêm ngày xưa. Người xưa chia một đêm ra thành năm canh, hai tiếng là một canh.

(4) *Thọ Xương*: tên một huyện của thành Thăng Long xưa, nay là các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng và một phần các quận Đống Đa, Ba Đình của Hà Nội.

(5) *Nhíp chày Yên Thái*: nhíp chày giã dó (vỏ cây dó) để làm giấy ở làng Yên Thái, thành Thăng Long xưa.

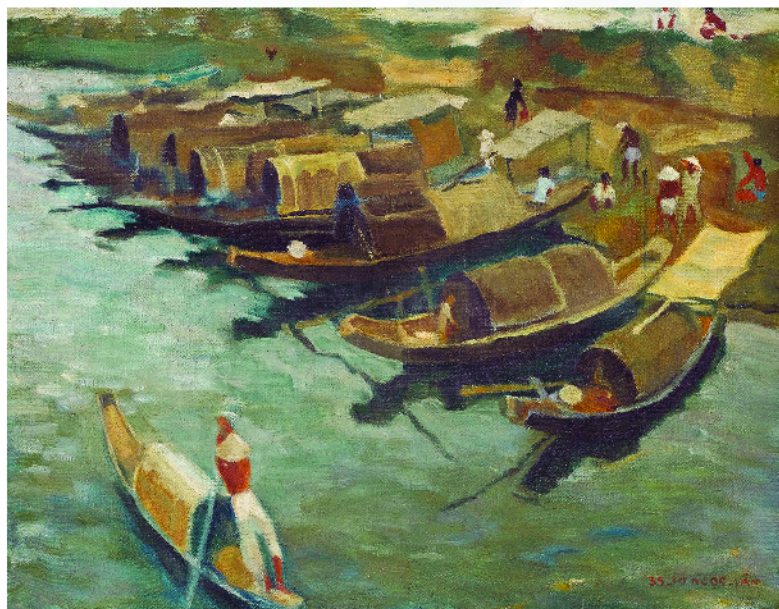
(6) *Tây Hồ*: tức Hồ Tây, một thắng cảnh nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội, còn được gọi là đầm Xác Cáo, hồ Kim Ngưu, hồ Lãng Bạc,...

2. Đường lên xứ Lạng⁽¹⁾ bao xa?
Cách một trái núi với ba quãng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông:
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ⁽²⁾.

(Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Thời đại, Hà Nội, 2010, tr. 118)

3. Đò từ Đông Ba⁽³⁾, đò qua Đập Đá⁽⁴⁾,
Đò về Vĩ Dạ⁽⁵⁾, thẳng ngã ba Sinh⁽⁶⁾.
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

(Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật – Phan Đăng Tài – Nguyễn Thuý Loan –
Đặng Diệu Trang, *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 1, Sdd, tr. 917)



Thuyền trên sông Hương, tranh sơn dầu của Tô Ngọc Vân

- (1) *Xứ Lạng*: tức Lạng Sơn, một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc nước ta. Lạng Sơn có nhiều thắng cảnh như động Nhị Thanh, chùa Tam Thanh,...
- (2) *Sông Tam Cờ*: (sông Tam Kỳ) một con sông của tỉnh Lạng Sơn.
- (3) *Đông Ba*: chợ nổi tiếng của Huế, nằm bên bờ bắc của sông Hương.
- (4) *Đập Đá*: một con đập của Huế, chạy ngang qua một nhánh sông Hương.
- (5) *Vĩ Dạ*: một ngôi làng nằm bên bờ sông Hương, phong cảnh thơ mộng, đã đi vào thơ ca nhạc họa.
- (6) *Ngã ba Sinh*: ngã ba sông nơi gặp nhau giữa sông Hương và sông Bồ.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đọc các bài ca dao 1, 2 và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?
2. Đối chiếu với những điều được nêu trong mục *Tri thức đọc hiểu* ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.
3. So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là bài lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu,...
4. Trong cụm từ *mặt gương Tây Hồ*, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.
5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy liệt kê một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi...* mà em biết.
6. Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?
7. Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của con người. Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

Đèo Phượng Hoàng, ảnh của Đặng Bá Tiến



Thực hành tiếng Việt

TỪ ĐỒNG ÂM

1. Từ nào trong ba trường hợp sau phản ánh hiện tượng đồng âm? Giải thích nghĩa của từ đó trong từng trường hợp.

- Lờ đờ bóng ngả trắng chênh
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.
- Bóng đã lặn ra khỏi đường biên dọc.
- Mặt bàn được đánh véc-ni thật bóng.

2. Phân biệt nghĩa của các từ in đậm trong những câu sau. Theo em, đó có phải là hiện tượng đồng âm hay không? Vì sao?

- **Đường** lên xứ **Lạng** bao xa?
– Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm **đường**.

- **Đứng** bên ni **đồng**, ngó bên tê **đồng**, mênh mông bát **ngát**.
Đứng bên tê **đồng**, ngó bên ni **đồng**, cũng bát **ngát** mênh mông.

(Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Sđd, tr.185)

- Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn **đồng**.

Nhận biết từ đồng âm

Đọc câu sau: Con ngựa **đá** con ngựa **đá**. Từ **đá** thứ nhất và từ **đá** thứ hai trong câu không có mối liên hệ nào với nhau. Đó là hai từ đồng âm.

Tuy hai từ **đá** này đồng âm với nhau, nhưng người đọc (người nghe) thường không hiểu sai nghĩa do hiện tượng đồng âm gây nên nhờ vào những từ kết hợp với mỗi từ **đá** trong câu. Việc sử dụng từ đồng âm làm cho câu trên trở nên thú vị. Đó là một trong những lí do chính của việc dùng từ đồng âm trong khi nói và viết.

TỪ ĐA NGHĨA

3. Nghĩa của từ **trái** trong những trường hợp dưới đây có liên quan với nhau không? Vì sao?

- Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều **trái**.
- Bố vừa mua cho em một **trái** bóng.
- Cách một **trái** núi với ba quãng **đồng**.

4. Xác định hiện tượng đồng âm và đa nghĩa trong các câu sau:

- Con cò có cái **cổ** cao.
- Cổ** tay em trắng như ngà
Con mắt em liếc như là dao cau.

(Vũ Ngọc Phan,

Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, Sđd, tr.176)

- Phố **cổ** tạo nên vẻ đẹp riêng của Hà Nội.

Nhận biết từ đa nghĩa

Đọc hai câu sau:

- Tôi **ăn** cơm.
- Xe này **ăn** xăng nhiều.

Từ **ăn** trong **ăn cơm** có nghĩa là “tự cho vào cơ thể thức nuôi sống”, còn trong **ăn xăng** có nghĩa là “tiếp nhận cái cần thiết cho sự hoạt động”. Có thể thấy rõ hai nghĩa này liên quan với nhau. Như vậy ở đây có một từ **ăn** được dùng với hai nghĩa khác nhau. Nhờ sự kết hợp giữa từ đa nghĩa với những từ khác ở trong câu, người đọc (người nghe) có thể nhận biết nghĩa nào của từ đa nghĩa được sử dụng.

5. Hãy giải thích nghĩa của từ *nặng* trong câu ca dao: *Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non*.
Tìm thêm một số ví dụ có từ *nặng* được dùng với nghĩa khác.

Chuyện cổ⁽¹⁾ nước mình

LÂM THỊ MỸ DẠ

Trước khi đọc

1. Em biết những câu chuyện cổ nào?
2. Em thích những nhân vật nào trong các câu chuyện đó? Vì sao?

Đọc văn bản

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
Ở hiền thì lại gặp hiền
Người ngay thì gặp người tiên độ trì⁽²⁾
Mang theo chuyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi
Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình

HÌNH DUNG Những màu sắc,
đường nét miêu tả quê hương.

⁽¹⁾ *Chuyện cổ*: câu chuyện được lưu truyền từ xa xưa.

⁽²⁾ *Độ trì*: cứu giúp.

Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng⁽¹⁾ lại đa tình⁽²⁾, đa mang⁽³⁾.

Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm của nhà
Đeo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì
Tôi nghe chuyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau
Đậm đà cái tích trâu cau
Miếng trâu đỏ thăm nặng sâu tình người
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi
Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.



(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Tuyển tập*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011, tr. 203)

Sau khi đọc

LÂM THỊ MỸ DẠ

- Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949, quê ở Quảng Bình. Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đầm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.
- *Chuyện cổ nước mình* sáng tác năm 1979. Bài thơ đậm chất truyền thống, khẳng định nét đẹp tâm hồn của con người Việt Nam.



(1) *Độ lượng*: đức tính của người có tấm lòng khoan dung, rộng lượng, dễ tha thứ.

(2) *Đa tình*: giàu tình cảm.

(3) *Đa mang*: ràng buộc vào mình nhiều điều để phải lo lắng, bận tâm.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Bài thơ được viết theo thể thơ gì? Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra thể thơ đó?
2. Qua lời thơ, em nhận thấy bóng dáng của những câu chuyện cổ nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh gợi ấn tượng rõ rệt về những câu chuyện đó.
3. Chuyện cổ “thăm thì” với nhà thơ những điều gì về vẻ đẹp tình người?
4. Tình cảm của nhà thơ với những câu chuyện cổ được thể hiện như thế nào qua hai dòng thơ:

*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

5. Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ:

*Tôi nghe chuyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau*

6. Vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ “Vẫn luôn mới mẻ rạo rạo lòng tâm”?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

Cây tre Việt Nam

THÉP MỚI

Đọc văn bản

[...] Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam.

Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, lũy tre thân mật làng tôi... đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.

Tre, nứa, trúc, mai, vầu⁽¹⁾ mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. Vào đâu, tre cũng sống. Ở đâu, tre cũng xanh tốt. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn⁽²⁾. Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.

Nhà thơ đã có lần ca ngợi:

Bóng tre trùm mát rượi.

Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gần gũi một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người hàng nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân.

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ

Tre với người vất vả quanh năm.

Tre với người như thế đã mấy nghìn năm [...]. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người.

Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

Trong mỗi gia đình nông dân Việt Nam, tre là người nhà, tre khăng khít với đời sống hằng ngày.

Giang⁽³⁾ chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt những mối tình quê. Cái thuở ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa.

Lạt này gói bánh chưng xanh

Cho mai lấy trúc⁽⁴⁾, cho anh lấy nàng...

Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chắt⁽⁵⁾ bằng tre.

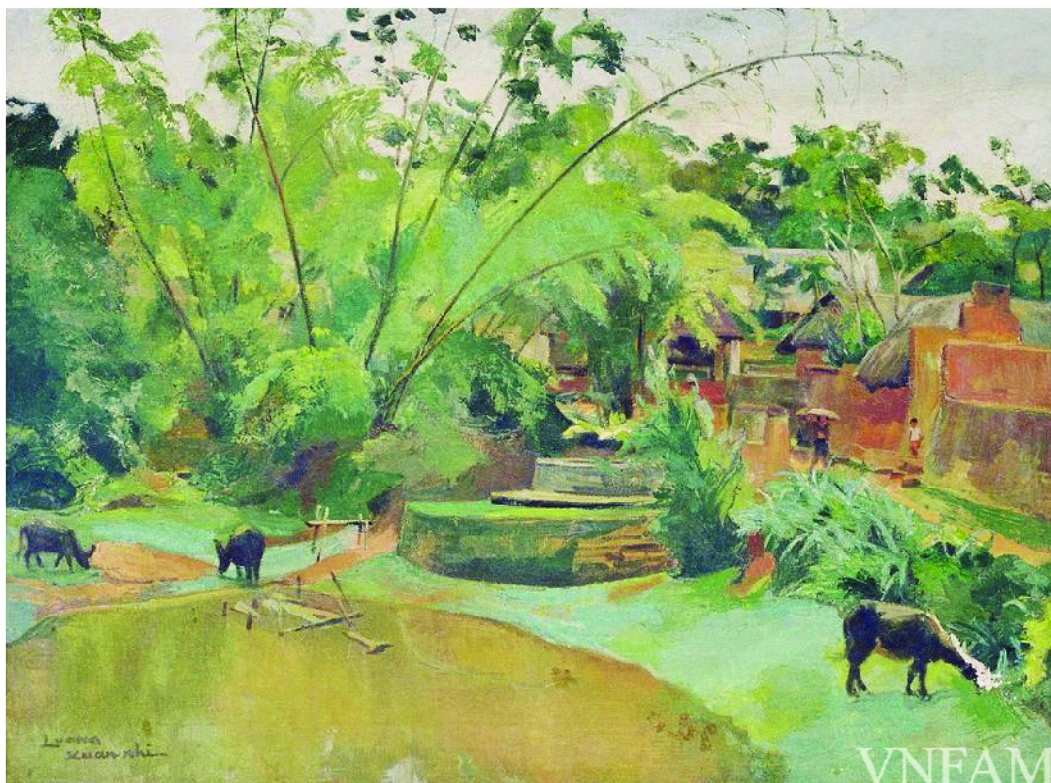
(1) *Nứa, trúc, mai, vầu*: các loài cây cùng họ với tre.

(2) *Nhũn nhặn*: khiêm tốn, nhún nhường; ở đây nói về màu xanh bình dị, tươi mà không rực rỡ của tre.

(3) *Giang*: cây thuộc họ tre, thân dẻo, giống dài, thường dùng chẻ lạt để đan lát, buộc,...

(4) *Cho mai lấy trúc*: mai là cây hoa mai (không phải cây mai cùng họ với tre, như ở chú thích (1)), mai và trúc là hai cây đẹp thường đi đôi với nhau trong văn chương, hội hoạ thời cổ để biểu thị sự hoà hợp, tương xứng; ở đây là cách ví von để nói về ước nguyện kết duyên đôi lứa.

(5) *Đánh chắt*: (còn gọi là chuyền thè) trò chơi dân gian của trẻ em, thường là của con gái, dùng một số que trải ra đất rồi tung một hòn sỏi hoặc một quả nhỏ lên lượm lấy que tre và hứng lấy vật vừa tung lên. Trò chơi này rèn luyện sự nhanh nhẹn và khéo léo.



Bên bờ giếng, tranh sơn dầu của Lương Xuân Nhị

[...] Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất phục. Người xưa có câu: “Trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”. Tre là thẳng thắn, bất khuất! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.

Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông⁽¹⁾ đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc⁽²⁾! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.

(1) *Tầm vông*: loại tre thân nhỏ, cứng, đặc, không có gai, thường dùng làm gậy. Buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, vì thiếu vũ khí, nhân dân ta đã dùng gậy tầm vông đánh giặc.

(2) *Thành đồng Tổ quốc*: danh hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho Nam Bộ trong cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

[...] Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê.

Điều bay, điều lá tre bay lưng trời...

Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời...

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều.

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, tre...

[...] Điệu múa sạp tre có từ ngày chiến thắng Điện Biên. Sạp là những thanh tre gõ vào nhau. Tre của những đòn tre đã từng đỡ gánh nặng cho bước chân đi, đến chợ xa hay ra tiền tuyến, hôm nay ca vang gõ nhịp những bước chân ta nhảy múa.

Tre già măng mọc. Măng mọc trên huy hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam, lúa măng non của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà⁽¹⁾.

Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt thép.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, còn mãi với chúng ta, với hạnh phúc, hoà bình.

[...] Ngày mai, trên đất nước này, sắt, thép có thể nhiều hơn tre, nứa. Nhưng, trên đường trường ta dần bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc hát tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi.

Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

1955

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 353 – 357)

⁽¹⁾ *Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*: quốc hiệu của nước ta ở thời điểm tác giả viết tác phẩm này.

Sau khi đọc

THÉP MỚI

- Thép Mới (1925 – 1991) là nhà văn, nhà báo nổi tiếng. Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là ca ngợi tinh thần yêu nước của nhân dân.
- Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà làm phim Ba Lan.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả như thế nào?
2. Khi nói về cây tre, tác giả đồng thời nói đến khung cảnh, cuộc sống, văn hoá của Việt Nam. Hãy chỉ ra những chi tiết đó trong bài.
3. Những từ ngữ nào trong văn bản biểu đạt rõ nhất đặc điểm của cây tre?
4. Vì sao tác giả có thể khẳng định: “Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam”?
5. Em hãy giải thích vì sao cây tre là “người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam”.
6. Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong văn bản, khi “sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam?

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1. Các từ ngữ in đậm trong những câu sau có nghĩa hoán dụ. Em hãy giải thích nghĩa của các từ ngữ đó.
 - a. Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi **nhắm mắt xuôi tay**, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

Nhận biết hoán dụ

Đọc câu thơ sau:

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

(Tố Hữu, *Việt Bắc*)

Ở đây *áo chàm* được dùng với nghĩa hoán dụ, chỉ những người dân Việt Bắc với trang phục đặc trưng là áo chàm.

b. *Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.*

c. *Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà.*

2. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu sau và nêu tác dụng của chúng:

a. *Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa*

b. *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.*

Quan hệ giữa trang phục với người mang trang phục đó được coi là quan hệ tương cận (gần nhau). Ngoài ra, quan hệ tương cận có thể là quan hệ toàn thể – bộ phận, vật chứa – vật được chứa, sự vật – chất liệu,...

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

3. Những dòng thơ: *Đến cây theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì* gọi cho em liên tưởng đến thành ngữ nào? Giải thích ngắn gọn ý nghĩa của thành ngữ đó.

4. “Tre già măng mọc” là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài *Cây tre Việt Nam*, hãy nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.

Viết

A. TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Qua những bài ca dao và thơ làm theo thể lục bát được học trong bài, em đã nắm được những đặc điểm cơ bản của thể thơ này. Dựa trên những hiểu biết đó, hãy thử làm một bài thơ lục bát về đề tài mà em yêu thích.

1. KHỞI ĐỘNG VIẾT

a. Tập gieo vần, tìm từ ngữ phù hợp

Hãy tập gieo vần bằng cách chọn những tiếng hoặc từ ngữ thích hợp để đặt vào chỗ trống trong các đoạn thơ dưới đây:

*Tiếng chim vách núi nhỏ dần
Rì rầm tiếng suối khi ... khi xa
Ngoài thềm rơi chiếc lá ...
Tiếng rơi rất mỏng như ... rơi nghiêng.*

(Theo Trần Đăng Khoa)

*Tre già yêu lấy măng ...
Chắt chiu như mẹ yêu ... tháng ngày
Mai sau con lớn hơn thầy
Các con ôm cả đất tròn.*

(Theo Tố Hữu)

b. Xác định đề tài

Có thể chọn bất kì đề tài nào gợi cho em nhiều cảm xúc, chẳng hạn: thiên nhiên, quê hương, gia đình, bạn bè, mái trường,...

2. THỰC HÀNH VIẾT

- Hình dung cụ thể về đề tài em định viết (Có hình ảnh gì nổi bật? Hình ảnh ấy gợi cho em liên tưởng tới điều gì?...). Thử tìm một nhan đề thích hợp cho bài thơ theo đề tài mà em định chọn (cũng có thể đặt tên bài thơ sau khi em đã hoàn thành).
- Bắt đầu bằng cách thử viết dòng lục hoặc cặp câu lục bát đầu tiên với những hình ảnh gợi ấn tượng rõ rệt nhất trong cảm xúc, suy nghĩ của em. Chú ý sử dụng số tiếng, lựa chọn vần, ngắt nhịp theo đúng quy định của thể thơ lục bát. Cũng có thể thử biến đổi một bài thơ 4 chữ, 5 chữ thành bài thơ lục bát.

Ví dụ, với ý tưởng gió đi tìm bạn, em có thể đặt nhan đề bài thơ là *Bạn của gió* và viết cặp câu lục bát đầu tiên như sau:

Ai là bạn gió, gió ơi

Gió đi tìm bạn, đất trời mênh mông.

- Viết những cặp câu lục bát tiếp theo. Đọc lên để cảm nhận rõ hơn về vần, nhịp và từ ngữ, hình ảnh trong các câu thơ. Điều này sẽ giúp em cảm thấy hứng thú và thể hiện được cảm xúc, ý tưởng một cách dễ dàng hơn.

Chẳng hạn, để tiếp nối hai câu thơ *Ai là bạn gió, gió ơi / Gió đi tìm bạn, đất trời mênh mông*, có thể viết:

Gió đưa con sáo sang sông

Gió lùa tóc mẹ bồng bồng như mây.

- Hãy thử phát triển ý tưởng, cảm xúc và hình ảnh thơ theo nhiều cách khác nhau. Tập sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ; dùng từ láy tả âm thanh, màu sắc,... Vừa viết vừa đọc, không ngại xoá đi viết lại cho đến khi em cảm nhận được âm thanh nhịp nhàng và vẻ đẹp cuốn hút của từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ. Có thể kết thúc bài thơ khi em đã bộc lộ được ý tưởng một cách tương đối trọn vẹn.

Sáng tác một bài thơ không phải là điều dễ dàng. Nhưng em có thể thử sức để hiểu rõ hơn cách mà một bài thơ xuất hiện ra sao. Đó quả thật là một điều kì diệu!

3. CHỈNH SỬA

- Sau khi bài thơ lục bát ra đời, em hãy đọc diễn cảm bài thơ của mình. Khi lời thơ vang lên, hãy chú ý xem bài thơ đã làm theo đúng thể thơ lục bát chưa (số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, phối hợp thanh điệu).
- Chỉnh sửa lỗi chính tả (nếu có) và xét xem có từ ngữ nào cần thay thế để bài thơ hay hơn.

B. VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Những bài thơ lục bát đã học, đã đọc gợi cho em những cảm xúc gì? Hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu của nó khiến em rung động như thế nào? Hãy ghi lại cảm nhận của em về một bài thơ lục bát yêu thích.

Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát:

- Giới thiệu được bài thơ, tác giả (nếu có).
- Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một khía cạnh nội dung của bài thơ.
- Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).

Phân tích bài viết tham khảo

Nét đẹp của bài ca dao *Anh đi anh nhớ quê nhà...*

*Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

Đây vốn là một bài thơ của Á Nam Trần Tuấn Khải, nhưng đã được lưu truyền trong dân gian như một bài ca dao. Lời thơ tràn đầy nỗi nhớ da diết của người con xa xứ hướng về quê nhà. Từ “nhớ” được lặp đi lặp lại trong cả bốn câu thơ bộc lộ nỗi niềm bồi hồi không dứt. Trở đi trở lại cùng nỗi nhớ là những kí ức sâu đậm về hương vị của quê hương trong

Giới thiệu tác giả.

những món ăn dân dã: “canh rau muống”, “cà dầm tương”. Hình ảnh con người nơi quê nhà cũng hiện lên vô cùng thân thiết trong những công việc lao động hằng ngày: “dãi nắng dầm sương”, “tát nước bên đường”,... Nhịp điệu nhẹ nhàng, êm đềm của thể thơ lục bát quen thuộc đã góp phần diễn tả niềm thương mến, nỗi nhớ da diết và tình cảm gắn bó sâu nặng của người ra đi. Bài ca dao khơi dậy trong ta tình yêu, sự gắn bó với những gì gần gũi, thân thuộc của quê hương.

(Nhóm biên soạn)

Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao.

Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn bài thơ

- Nhớ lại những bài thơ lục bát mà em đã học, đã đọc hoặc tìm đọc một bài thơ lục bát mới.
- Bài thơ được chọn có thể là một bài ca dao (khuyết danh) hoặc là sáng tác của một nhà thơ.

b. Tìm ý

- Đọc bài thơ nhiều lần. Khi lời thơ vang lên, hãy lắng nghe những cảm xúc, suy nghĩ của em và ghi lại điều đó. Nên viết nhanh ra giấy những ý tưởng nảy sinh bằng những cụm từ ngắn gọn.
- Có thể tìm ý bằng cách tự đặt ra và trả lời các câu hỏi: Cảm nhận chung khi đọc bài thơ là gì? Bài thơ biểu lộ những điều gì? Bài thơ có những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào nổi bật?

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các thông tin, ý tưởng tìm được cho bài viết thành một dàn ý như sau:

Mục đích viết

Bày tỏ cảm xúc của em về một bài thơ lục bát.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người yêu thích bài thơ em chọn.

Dàn ý

1. Mở đoạn: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả (nếu có).
2. Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về bài thơ.
 - Nêu ấn tượng chung về nội dung của bài thơ.
 - Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ.
 - Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
3. Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, cần lưu ý:

- Bám sát dàn ý, chú trọng những yếu tố đã khơi gợi cảm xúc của em như nhan đề bài thơ, thể thơ (lục bát), nhịp thơ, vần thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...
- Lựa chọn những từ ngữ để diễn tả cảm xúc của em về bài thơ. Kết nối các ý thành đoạn văn. Mỗi ý nên diễn đạt thành hai, ba câu.
- Bảo đảm cách trình bày của một đoạn văn: Lùi đầu dòng ở chỗ mở đầu đoạn, chữ đầu viết hoa và có dấu câu kết thúc đoạn. Bố cục đoạn văn bao gồm ba phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Nội dung các câu trong đoạn cần hướng về một chủ đề chung.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Sau khi hoàn thành, hãy rà soát đoạn văn theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhan đề và tác giả của bài thơ lục bát.	Nếu bài thơ có nhan đề và tên tác giả mà bài viết chưa nêu được thì cần bổ sung.
Nêu được cảm xúc về nội dung chính của bài thơ.	Nếu cần thì bổ sung các ý cụ thể để người đọc hiểu rõ nội dung bài thơ.
Nêu được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật.	Xem lại những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nổi bật của bài thơ. Hãy bổ sung vào đoạn văn nếu cần thiết.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa (nếu có).

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương

Trong phần Đọc, em đã được tiếp xúc với những tác phẩm thơ, văn thể hiện tình yêu, sự gắn bó với quê hương; lòng tự hào về cảnh sắc, truyền thống văn hoá,... của nơi chúng ta sinh ra và lớn lên. Chắc hẳn trong em đã nảy nở những suy nghĩ, cảm xúc mới mẻ về sự gắn kết của mỗi người với chính quê hương mình. Hãy trình bày những suy nghĩ ấy.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Viết ra giấy các ý chính của bài nói. Gợi ý: Tìm một câu thể hiện khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương, ví dụ: “Quê hương là nơi thân thuộc nhất với mỗi con người”. Mở rộng thêm ý này bằng cách nêu bằng chứng lấy từ các bài em đã học, những thông tin em biết hoặc những trải nghiệm của chính em. Chẳng hạn, những vật dụng gia đình, cảnh làng quê có lũy tre được gợi ra từ bài *Cây tre Việt Nam*; hình ảnh quả thị, cô Tấm,... được nhắc đến trong bài *Chuyện cổ nước mình*; những món ăn gần gũi, hình ảnh người lao động và tình cảm nhớ thương quê nhà của một người con xa quê trong bài viết tham khảo *Nét đẹp của bài ca dao “Anh đi anh nhớ quê nhà”*;... sẽ là những gợi ý cho em trong quá trình chuẩn bị nội dung bài nói.
- Chuẩn bị tranh ảnh, bài hát,... về quê hương để minh hoạ cho bài trình bày (nếu có).

Mục đích nói

Trình bày ý kiến về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những ai quan tâm đến vấn đề em nói.

b. Tập luyện

- Để trình bày tốt, em hãy tập luyện trước. Có thể tập luyện một mình hoặc trước bạn bè, người thân và tiếp thu những nhận xét, góp ý để phần trình bày của mình hay hơn, ấn tượng hơn.
- Tập nói rõ ràng, điều chỉnh ngữ điệu phù hợp và kiểm soát thời gian trình bày.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Khi trình bày bài nói, cần tập trung vào mục đích nói lên suy nghĩ của em về tình cảm

gắn bó của con người với quê hương nói chung, có thể liên hệ với tình cảm của em với quê hương mình.

- Để nội dung trình bày được tập trung, không bỏ sót những ý quan trọng, thỉnh thoảng em có thể nhìn lướt các ý đã được ghi ra giấy.
- Chú ý kết hợp trình bày ý kiến với việc sử dụng tranh ảnh, bài hát,... để tăng sức hấp dẫn cho bài nói. Có thể thu hút sự chú ý của người nghe bằng cách đặt câu hỏi gợi mở về tình cảm của mỗi người đối với quê hương. Trong khi nói có thể kết hợp ngâm thơ hoặc hát một hai đoạn về quê hương để bài nói thêm sinh động và ấn tượng.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Bày tỏ sự đồng cảm với suy nghĩ, cảm xúc, của người nói sau khi nghe bài trình bày.	Lắng nghe và phản hồi những chia sẻ của người nghe một cách tích cực.
Có thể nêu câu hỏi về những điểm còn chưa rõ hay có sự khác biệt trong suy nghĩ giữa người nói và người nghe về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.	Giải thích những điều người nghe cần làm rõ và trao đổi lại những ý kiến khác biệt.
Góp ý về cách trình bày (ngữ điệu, diễn đạt, sự tương tác với người nghe).	Cảm ơn và tiếp thu những góp ý xác đáng.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản đã học:

	Văn bản	Chùm ca dao về quê hương đất nước	Chuyện cổ nước mình	Cây tre Việt Nam
Đặc điểm				
Biện pháp tu từ nổi bật				
Tình cảm, cảm xúc của tác giả				

2. Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ.
- Vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
- Ý nghĩa được gọi lên từ “hành trình của bầy ong”.

Hành trình của bầy ong⁽¹⁾

NGUYỄN ĐỨC MẬU⁽²⁾

Với đôi cánh đăm nắng trời
Bầy ong bay đến trọn đời tìm hoa.

Không gian là nẻo đường xa
Thời gian vô tận mở ra sắc màu.

Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.

Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.

Tìm nơi quần đảo khơi xa
Có loài hoa nở như là không tên...

(1) Văn bản bài thơ do tác giả cung cấp.

(2) Nguyễn Đức Mậu sinh năm 1948 tại Nam Định, là nhà thơ, nhà văn quân đội.

Bầy ong rong ruổi trăm miền
Rù rì đôi cánh nối liền mùa hoa.
Nối rừng hoang với biển xa
Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào.
(Nếu hoa có ở trời cao
Thì bầy ong cũng mang vào mật thơm)

Chắt trong vị ngọt mùi hương
Lặng thầm thay những con đường ong bay.
Trải qua mưa nắng vơi đầy
Men trời đất đủ làm say đất trời.
Bầy ong giữ hộ cho người
Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày.

Văng trắng dăng đĩa mật đầy
Trời sao mở cánh ong bay ngang trời.
Đêm nay như thức cùng tôi
Bầy ong – con chữ nối lời bài ca.



NHỮNG NỎ ĐƯỜNG XỨ SỞ

*Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình.*

(Thanh Hải)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Bước chân con người thì nhỏ mà thế giới thì bao la. Mỗi lần đọc thêm một trang sách, ta như được đến với một vùng đất mới. Văn học mở ra trước mắt ta những chân trời mới.
- Trong bài học này, em sẽ làm quen với tác phẩm kí. Qua các bài kí, những nẻo đường của quê hương xứ sở, những miền đất xa xôi của Tổ quốc sẽ trở nên thân yêu và gần gũi hơn.

Ruộng bậc thang, ảnh của Bùi Trung Nguyên



MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.
- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.
- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Kí

- Kí là thể loại văn học chú trọng ghi chép sự thực.
- Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc.
- Với một số tiểu loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. Sự việc thường được kể theo trình tự thời gian. Tác giả có thể xưng “tôi”, có vai trò như người kể chuyện. Khi kể, tác giả kết hợp trình bày suy nghĩ, cảm xúc, sự quan sát, liên tưởng, tưởng tượng của mình về sự việc.

Du kí

- Du kí là một tiểu loại của kí, ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

Dấu ngoặc kép

- Dấu ngoặc kép có nhiều công dụng. Bên cạnh việc dùng để đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp, lời đối thoại hoặc đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn, dấu ngoặc kép còn được dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

VĂN BẢN ĐỌC

- *Cô Tô* (trích *Cô Tô*), Nguyễn Tuân
- *Hang Én*, Hà My
- *Cửu Long Giang ta ơi* (trích *Cửu Long Giang ta ơi*), Nguyễn Hồng

Cô Tô⁽¹⁾

Trích **Cô Tô**, NGUYỄN TUÂN

Trước khi đọc

1. Kể tên những nơi em đã từng được đến tham quan. Chia sẻ một số điều em quan sát được từ những chuyến đi đó.
2. Tìm quần đảo Cô Tô trên bản đồ Việt Nam và nói về vị trí của quần đảo này.

Đọc văn bản

Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa⁽²⁾ cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hoả lực⁽³⁾ của gió. Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim. Gió bắn rát từng chập⁽⁴⁾. Chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn⁽⁵⁾, thì đầu cổ lại bật lên khi gió giật. Gió liên thanh quạt lia lia vào gối vào ngang thắt lưng, đẩy cả người chạy theo luồng cát mà bạt ra phía sát bờ biển của một bãi dài ba ngàn thước⁽⁶⁾, rộng chừng trăm thước. Sóng cát đánh ra khơi, bể đánh bọt sóng vào, trời đất trắng mù mù toàn bãi như là

HÌNH DUNG Từ “trận địa” khiến em hình dung cơn bão biển như thế nào?

(1) *Cô Tô*: một quần đảo gồm hơn 50 đảo nhỏ, thuộc tỉnh Quảng Ninh, diện tích trên 47,3 km². Cô Tô nổi tiếng với cảnh biển đẹp và những đặc sản biển như ngọc trai, san hô, hải sâm,...

(2) *Trận địa*: khu vực địa hình dùng để bố trí lực lượng chiến đấu.

(3) *Hoả lực*: sức mạnh gây sát thương và phá hoại của bom đạn, chất nổ, chất cháy dùng trong chiến đấu; ở đây nói về sức mạnh của gió.

(4) *Chập*: khoảng thời gian tương đối ngắn, tương đương như *lúc*, *hồi*.

(5) *Băng đạn*: bộ phận dùng để kẹp đạn và tiếp đạn vào súng khi bắn.

(6) *Thước*: đơn vị đo độ dài cũ (một thước bằng khoảng 0,4 m).



kẻ thù đã bắt đầu thả hơi ngạt. [...] Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy⁽¹⁾ cho các loài thủy tộc⁽²⁾ rung thêm trống trận. [...]

Cuối canh một sang canh hai, bão thực sự bắt đầu. Gác đảo uy⁽³⁾ nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và dồn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11⁽⁴⁾ ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn mỗi khi nó thốc vào, vượt qua những gờ kính nhọn còn dắt ở ô cửa vỡ. Nó rít lên rú lên như cái kiếu người ta vẫn thường gọi là quỷ khóc⁽⁵⁾ thần linh. [...]

THEO DÕI Tác giả quan sát và cảm nhận trận bão bằng những giác quan nào?

Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi⁽⁶⁾. Chúng tôi leo dốc lên đồn Cô Tô hỏi thăm sức khỏe anh em bộ binh và hải quân cùng đóng sát nhau trong cái đồn khố xanh⁽⁷⁾ cũ ấy. Trèo lên nóc đồn, nhìn ra bao la Thái Bình Dương bốn phương tám hướng, quay gót 180 độ mà ngắm cả toàn cảnh đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng để ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.

THEO DÕI Chú ý những từ ngữ miêu tả cảnh biển Cô Tô sau bão.

(1) *Vua thủy*: vua dưới nước (còn gọi là *vua Thủy Tề*, theo tín ngưỡng dân gian).

(2) *Thủy tộc*: những loài sống dưới nước.

(3) *Đảo uy*: trụ sở cơ quan hành chính của đảo.

(4) *Gió cấp 11*: mức độ gió bão mạnh, vận tốc khoảng 103 – 117 km/h.

(5) *Khốc*: khóc.

(6) *Giã đôi*: lưới hình túi (*giã*) do hai tàu hoặc thuyền kéo để đánh bắt hải sản tầng đáy biển.

(7) *Đồn khố xanh*: vị trí đóng quân của quân đội thuộc địa dưới chế độ thực dân Pháp (lính khố xanh canh giữ các công sở, địa phương, chân quần xà cạp màu xanh).

[...] Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư⁽¹⁾, ra thầu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể⁽²⁾, sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ⁽³⁾ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm⁽⁴⁾ tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ⁽⁵⁾ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa Biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén⁽⁶⁾. Một con hải âu bay ngang, là nhịp cánh. [...]

HÌNH DUNG Cảnh bình minh trên biển.

Khi mặt trời đã lên một vài con sào, tức là lúc nó trở về sự bình dị hàng ngày, thì tôi đang múc gầu nước giếng dội lên đầu lên cổ lên vai lên lưng, nghĩa là tôi cũng đang đi tắm như mọi người lao động bình thường đang tắm quanh giếng. Cái giếng nước ngọt ở rìa⁽⁷⁾ một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.

Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong⁽⁸⁾ những ang⁽⁹⁾ gốm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rớt lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi quăng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm⁽¹⁰⁾ ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho 18 thuyền

THEO DÕI Chú ý nơi đông vui và gọi sức sống nhất trên đảo.

(1) *Đá đầu sư*: đá có đầu tròn, nhẵn như đầu ông sư, thường quần tụ thành bãi.

(2) *Ngấn bể*: đường tiếp giáp giữa mặt biển và chân trời theo tầm nhìn của mắt.

(3) *Đường bệ*: dáng vẻ to lớn, vững vàng, uy nghi.

(4) *Lễ phẩm*: lễ vật dâng biếu.

(5) *Trường thọ*: sống lâu.

(6) *Bạc nén*: bạc đúc thành từng thỏi; *nén*: đơn vị đo khối lượng, tương đương 375 g.

(7) *Rìa*: rìa, ven.

(8) *Cong*: đồ đựng làm bằng đất nung, hông phình, miệng rộng.

(9) *Ang*: đồ đựng làm bằng đất nung, thành hơi phình, miệng rộng.

(10) *Hải sâm*: một loài động vật biển, thân hình dài, da có lông, dùng làm thức ăn, rất quý.

lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng⁽¹⁾. Anh hùng Châu Hoà Mãn⁽²⁾ cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quấy nước bên bờ giếng, tôi né ra một bên. Anh quấy 15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp, chỉ để uống. Vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước biển thôi”.

Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trông chị Châu Hoà Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.

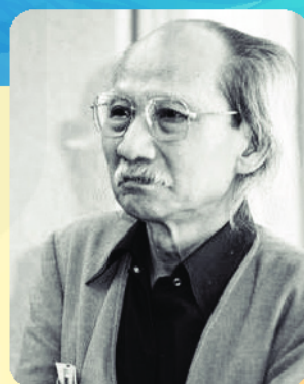
(Nguyễn Tuân, *Kí Nguyễn Tuân*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 116 – 122)

Sau khi đọc

NGUYỄN TUÂN

- Nguyễn Tuân (1910 – 1987) quê ở Hà Nội. Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tuỳ bút),...

- *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Qua bài kí *Cô Tô*, nhà văn đã đưa người đọc đến những nơi nào và gặp gỡ những ai?
2. Tìm những từ ngữ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả chủ tâm miêu tả trận bão giống như một trận chiến?
3. Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,...)?

(1) *Cá hồng*: một loài cá thân màu hồng, có sản lượng lớn và có giá trị kinh tế của vùng biển vịnh Bắc Bộ.

(2) *Châu Hoà Mãn*: Anh hùng Lao động ngành ngư nghiệp những năm 60 thế kỉ XX.

4. Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?
5. Chỉ ra một câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô... đến theo mùa sóng ở đây*.
6. Khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu không có chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng?
7. Kết thúc bài kí *Cô Tô* là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hoà Mãn: “Trông chị Châu Hoà Mãn dịu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành”. Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thế nào?

Viết kết nối với đọc

Trong *Cô Tô*, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cách miêu tả mặt trời lúc bình minh của các tác phẩm khác mà em biết).

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1. Đọc các câu sau và trả lời câu hỏi:
 - **Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ đặt lên một mâm bạc** đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng.
 - **Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bệ sáng dần lên cái chất bạc nén.**
 - a. Những từ ngữ in đậm trong các câu trên ngầm chỉ những sự vật nào?
 - b. Trong những câu trên, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.
2. Chỉ ra những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong các câu sau:
 - a. *Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.*
 - b. *Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hoả lực của gió.*
3. Trong *Cô Tô*, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động. Hãy tìm những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản này và chỉ ra tác dụng trong từng trường hợp.
4. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ.

Hang Ên⁽¹⁾

HÀ MY

Trước khi đọc

1. Nhan đề *Hang Ên* gợi cho em liên tưởng gì?
2. Tưởng tượng mình là nhà thám hiểm đi khám phá những khu bảo tồn thiên nhiên kì thú. Hãy chia sẻ cảm giác của em về điều đó.

Đọc văn bản

Đường tới hang Ên phải xuyên qua rừng nguyên sinh⁽²⁾, vượt nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông nên chỉ có một cách di chuyển: đi bộ. Tờ-réc-king⁽³⁾ hang Ên, đối với tôi là một hành trình khám phá thú vị.

THEO DÕI Chú ý cách thức di chuyển vào hang Ên.

Hành trình ấy khởi đầu từ con dốc Ba Giàn dài gần 2 km. Dốc cao và gập ghềnh. Đường mòn vừa một người đi, khá trơn, nhiều chặng có cây đổ chắn ngang hoặc những vòm dây leo giăng kín. Rất nhiều cây cổ thụ tán cao vút, thân đầy các loại tầm gửi, có cả phong lan đang nở hoa. Còn có sên, vắt, nhiều loài côn trùng và chim chóc tôi không biết tên... Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về với thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lõi qua cánh rừng nguyên sinh này.

THEO DÕI Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào?

Đi hết dốc Ba Giàn là tới thung lũng Rào Thương, được bao quanh bởi con suối cùng tên. Con đường qua thung lũng trải theo tiếng suối róc rách, thảm cỏ, rồi cây cối rậm rạp, lúp xúp, từ đó vẳng ra tiếng chim kêu đủ giọng. Thích nhất là khi lội qua suối. Nước trong vắt, mát lạnh, thấy cả làn đá cuội nơi đáy suối. Nhiều quãng suối còn nhìn rõ đàn cá bơi liêu xiêu giữa dòng nước

(1) *Hang Ên*: nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình, là hang động lớn thứ ba thế giới (sau hang Sơn Đoòng ở Việt Nam và hang Đỉ-ơ (Deer) ở Ma-lai-xi-a (Malaysia). Hang có chiều dài hơn 1,6 km, gồm ba cửa. Trần hang có nơi cao 100 m, nơi rộng nhất 170 m. Trong lòng hang có con suối trong xanh chảy quanh co, uốn lượn, làm nên vẻ kì thú của thiên nhiên nơi đây.

(2) *Rừng nguyên sinh*: rừng tự nhiên, chưa bị hay chưa được khai thác.

(3) *Tờ-réc-king* (tiếng Anh: *trekking*): leo núi, đi bộ thám hiểm.

chảy xiết như những chiếc lá trúc khô. Yêu vô cùng những đàn bướm đủ màu – vàng, trắng, xanh đen – gặp ven đường, ven suối. Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất. Thấy động, chúng bay lên, lượn vòng, quẩn quýt cả vào chân người. Bước đi cùng đàn bướm, ngắm những cánh hồ điệp⁽¹⁾ mong manh giữa không gian trong trẻo, im vắng, tôi ngỡ mình đang đi trong một giấc mộng đẹp.

Hang Ên giống như cái tổ khổng lồ và an toàn mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng cho con người, với không gian trú ẩn, nước, không khí, ánh sáng,... Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thất lũng. Muốn vào hang, phải lội qua sông; rồi trèo ngược vách đá hiểm trở, cao mấy chục mét. Đứng trên đỉnh dốc sẽ nhìn thấy lòng hang xa tít phía dưới, được bao bọc bằng một quãng sông rộng, nước sâu. Vịn đá lần xuống chân dốc, chúng tôi ngồi bè qua sông để đến lòng hang chính.

Lòng hang Ên phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110 m², có thể chứa được hàng trăm người. Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường, nơi cao nhất tương đương với toà nhà bốn mươi tầng (120 m). Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng. Quãng sông ngầm đổ lại êm đềm trước thềm hang chính, len lỏi quanh các hang phụ chừng 4 km, rồi đổ ra cửa hang sau. Ở hang chính, bờ sông cát mịn thoải dần, nước mát lạnh, trong veo,

THEO DÕI Chú ý các số liệu về diện tích, độ cao, chiều dài,... của hang Ên.



(1) Hồ điệp: con bướm.

đáy toàn sỏi, đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo. Nghe nói thời xa xưa, tộc người A-rem⁽¹⁾ đã sống trong hang Én. Trứng chim từng là một nguồn thực phẩm của họ. Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bản A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét.

Trong hang Én, hàng vạn con chim én vẫn hỗn nhiên cư ngụ và chưa phải biết sợ con người. Bốn vách hang, trần hang – nơi nào cũng dày đặc chim én. Cộng đồng én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không mấy may để ý đến sự hiện diện của nhóm du khách. Én bố mẹ tập nập đi, về, mái mốt mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng⁽²⁾ chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá... Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi. Nếu đặt lên vai, bạn sẽ rúc vào tóc hoặc đầu trên đầu mình để... ngủ tiếp! Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được. Khi mắt đã quen với ánh đèn, nó ung dung mổ cơm ăn trong lòng tay tôi. Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều với một bên cánh còn hơi sã xuống. Có lẽ chỉ ngày mai thôi, đôi cánh ấy sẽ lành hẳn.

Vòng ra sau hang Én là bạn có thể bước chậm chậm qua vài trăm triệu năm. Bạn sẽ thấy hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ, đọng đầy nước nguồn trong vắt tựa như những thửa ruộng bậc thang tuyệt đẹp vào mùa nước đổ. Bạn sẽ thấy những “thương hải tang điền”⁽³⁾ còn hiện hữu trên dải hoá thạch sò, ốc, san hô,... nơi vách đá. Rồi nhũ đá⁽⁴⁾, măng đá⁽⁵⁾, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang,... Hô-oát Lim-bơ⁽⁶⁾ (Howard Limbert), người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả măng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên. [...]

(1) *Người A-rem*: còn gọi là người Chút, một tộc người thiểu số. Năm 1959, tộc người này được phát hiện còn 34 người sống trong hang sâu tại khu Phong Nha – Kẻ Bàng.

(2) *Ra ràng*: (chim non) mọc đủ lông, đủ cánh, có thể tập bay.

(3) *Thương hải tang điền*: bãi bể (biển thành) nương dâu, chỉ những biến đổi lớn lao.

(4) *Nhũ đá*: thạch nhũ (vú đá), mọc từ trần hang xuống.

(5) *Măng đá*: chất đá vôi kết đọng hình măng, nón thấp nhỏ.

(6) *Hô-oát Lim-bơ*: chuyên gia Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh.

Khi bóng tối trùm kín lòng hang Én, thì khoảng trời phía trên cửa hang thứ hai vẫn sáng rất lâu nên có thể nhìn rõ từng đàn én chao liệng không dứt. Đàn én cuối cùng bay về hang khi nền trời đã sẫm hẳn. Tôi ngồi bệt trên cát, trước mặt là khoảng sông lấp lánh, trên cao là trần hang tối thẫm và một khoảng trời thăm thẳm đầy sao. Tứ bề tiếng chim líu ríu như ru nhau và ru người. Nửa đêm thức dậy, vẫn nghe tiếng chim chiu chít, tiếng nước chảy âm âm – và cả tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều.

Năm giờ, đã thấy sáng bừng cả lòng hang, tưởng người ta bật điện – hoá ra luồng nắng ban mai vàng rờ rọi chéo từ khoảng trời cao xuống. Trên mặt sông, nắng hoà với hơi nước mỏng, tan dần thành lãng đăng khói mơ. Ai nấy nhào ra khỏi lều, chân trần chạy quanh sông, rồi ngồi ngay bên bờ cát vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực thứ không khí mát lành, tinh khiết...

THEO DÕI Chú ý những từ ngữ diễn tả sự hoà mình của du khách với thiên nhiên.

(Theo Hà My, Trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, ngày 14/10/2020)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nhân vật “tôi” đã kể về hành trình khám phá hang Én theo trình tự nào?
2. Liệt kê những chi tiết về địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến hang Én. Những chi tiết này gợi cho em cảm nhận gì về rừng nguyên sinh?
3. Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá và cuộc sống của loài én chưa “biết sợ con người”?
4. Hình ảnh nào trong bài thể hiện sự trân trọng, lòng biết ơn và tình yêu của con người với tự nhiên?
5. Tâm trạng của du khách khi sống trong không gian hang Én, thiếu thốn các tiện nghi thông thường được miêu tả qua những chi tiết nào?
6. Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ tự nhiên không? Vì sao?
7. Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức những điều gì ở con người?

Viết kết nối với đọc

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.

Thực hành tiếng Việt

DẤU CÂU

1. Giải thích lí do dùng dấu ngoặc kép trong các câu sau:

- Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về với thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.*
- Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thất lung.*

Nhận biết công dụng của dấu ngoặc kép

Đọc câu sau: *Cộng đồng én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không mấy may để ý đến sự hiện diện của nhóm du khách.*

Trong câu trên, tác giả đã dùng từ “cuộc đời” vốn chỉ dùng cho con người để nói về loài én. Từ “cuộc đời” ở đây được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

2. Cho biết công dụng của các dấu câu được dùng trong các đoạn trích sau:

- Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bầy nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bầy A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trèo hang cao hàng trăm mét.*
- Hô-oát Lim-bơ, người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả mảng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.*

3. Tìm thêm những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các văn bản *Cô Tô*, *Hang Én* và giải thích công dụng của chúng.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong những câu sau:

- Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được.*
- Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều với một bên cánh còn hơi sã xuống.*

5. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu sau và phân tích tác dụng:

- Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi.*
- Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất.*
- Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng.*

Cửu Long Giang ta ơi

Trích *Cửu Long Giang ta ơi*, NGUYỄN HỒNG

Đọc văn bản

Ngày xưa ta đi học
Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu
Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ
Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.

Bản đồ mới tường vôi cũng mới
Thầy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao
Gậy thần tiên⁽¹⁾ và cánh tay đạo sĩ⁽²⁾
Đưa ta đi sông núi tuyết vời.

Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu
Mê Kông⁽³⁾ sông dài hơn hai ngàn cây số mộng mênh

[...]

Mê Kông chảy

Cây lao đá đỏ

Lan hoang dứa mật thông nhựa lên hương

(1) *Gậy thần tiên*: hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước (đồ dùng dạy học) của thầy giáo trong cái nhìn mơ mộng của học trò.

(2) *Đạo sĩ*: ở đây chỉ hình ảnh người thầy được ngưỡng mộ trong mắt học trò.

(3) *Mê Kông*: một trong những con sông lớn nhất thế giới, bắt nguồn từ cao nguyên Thanh Tạng, chảy qua địa phận Trung Quốc, Lào, Mi-an-ma (Myanmar), Thái Lan, Cam-pu-chia (Cambodia), Việt Nam và đổ ra Biển Đông. Đoạn sông Mê Kông chảy qua Việt Nam gọi là sông Cửu Long (Cửu Long Giang).



Sông nước Hậu Giang, ảnh của Nguyễn Tuấn Anh

Những trưa hè ngọn ngút⁽¹⁾ nắng Trường Sơn⁽²⁾

Ngắm nghĩ voi đi

Thác Khôn⁽³⁾ cười trắng xóa

[...]

Ta đi... bản đồ không nhìn nữa...

Sáng mùa thu lại còn bướm với trời xanh

Trúc đào tươi chim khuyên rìa cánh sương đọng long lanh

Ta cười áo lội dòng sông ta hát

Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát

Rừng núi lùi xa

Đất phẳng thở chan hoà.

Sóng toả chân trời buồm trắng.

Nam Bộ

Nam Bộ

(1) *Ngọn ngút*: hơi nóng bốc lên và toả ra không ngớt (nghĩa trong văn cảnh).

(2) *Trường Sơn*: dãy núi dài nhất Việt Nam, kéo dài từ thượng nguồn sông Cả trên đất Lào giáp Nghệ An tới cực nam Trung Bộ; Trường Sơn được chia thành Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, ngăn cách bởi dãy núi Bạch Mã.

(3) *Thác Khôn*: một thác nước trên sông Mê Kông, nằm ở phía tây nam Lào.

Chín nhánh Mê Kông phù sa⁽¹⁾ nổi váng
Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa
Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền
Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên⁽²⁾
Suối mát dội trong lòng dừa trầu quả.

Mê Kông quận đê
Chín nhánh sông vàng
Nông dân Nam Bộ gởi đất nằm sương
Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa
Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa
Những Hà Tiên⁽³⁾, Gia Định⁽⁴⁾, Long Châu⁽⁵⁾
Những Gò Công⁽⁶⁾, Gò Vấp⁽⁷⁾, Đồng Tháp⁽⁸⁾, Cà Mau⁽⁹⁾
Những mặt đất
Cha ông ta nhắm mắt
Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.

*
* *

Ta đã lớn
Thầy giáo già đã khuất
Thước kẻ to nay thành cán cờ sao
Những tên làm man mác tuổi thơ xưa
Đã thấm máu của bao hồn bất tử.

(Nguyễn Hồng, *Trời xanh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 5 – 9)

(1) *Phù sa*: đất cát nhỏ mịn cuốn trôi theo dòng sông hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi.

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9) *Thủ Biên*, *Hà Tiên*, *Gia Định*, *Long Châu*, *Gò Công*, *Gò Vấp*, *Đồng Tháp*, *Cà Mau*: các địa danh quen thuộc ở Nam Bộ xưa và nay.

Sau khi đọc

NGUYỄN HỒNG

- Nguyễn Hồng (1918 – 1982) sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. Nguyễn Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ,... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống. Các tác phẩm chính của ông gồm: *Những ngày thơ ấu* (hồi kí), *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết), *Trời xanh* (thơ), *Cửa biển* (tiểu thuyết), *Bước đường viết văn* (hồi kí),...
- Bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* trích trong tập thơ *Trời xanh*.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Theo em, nhan đề bài thơ có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng, cảm xúc gì?
2. Em hình dung thế nào về “tám bản đồ rực rỡ”? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tám bản đồ ấy?
3. Liệt kê những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông.
4. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc hoạ qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây?
5. Bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao?
6. Nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ.

Viết

Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt

Trong hai văn bản *Cô Tô* và *Hang Én*, các tác giả đã viết về những trải nghiệm của mình, miêu tả khung cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và những con người họ đã gặp gỡ. Cuộc sống thật là phong phú. Xung quanh ta, biết bao sự việc đang diễn ra trong những khung cảnh khác nhau. Em hãy quan sát và miêu tả những cảnh sinh hoạt mà mình đã chứng kiến hoặc tham gia và chia sẻ với người đọc.

Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.
- Tả bao quát quang cảnh chung (không gian, thời gian, hoạt động chính).
- Tả hoạt động cụ thể của con người.
- Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.
- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.

Phân tích bài viết tham khảo

Chợ phiên vùng cao

Bạn đã đi chợ phiên vùng cao bao giờ chưa? Cảnh chợ phiên rất thú vị nhé. Chợ được họp vào sáng thứ Bảy hằng tuần.

Giới thiệu cảnh sinh hoạt.

Ngay từ sáng sớm, từng tốp người đi bộ hoặc cưỡi ngựa từ các nẻo đường mòn xuống chợ. Bóng họ còn lẫn trong sương mù. Đó là những người dân tộc Mông, Dao, Giáy... sống trên những triền núi cao, đến chợ phiên để trao đổi nông sản và giao lưu, gặp gỡ nhau.

Chợ họp trên sườn núi, ven con đường liên huyện đã được trải nhựa. Từ trên cao nhìn xuống, cả khu chợ như miếng thổ cẩm⁽¹⁾ sắc sỡ khảm vào tấm áo của rừng núi và mây trời. Vào chợ, bạn sẽ vui như lạc vào một ngày hội. Ai xuống chợ cũng mặc những bộ trang phục riêng của dân tộc mình. Phụ nữ váy áo xúng xính đủ mọi hoa văn, màu sắc, đeo trên cổ, trên tay những chiếc vòng bạc lấp lánh, đội những chiếc khăn xanh đỏ tím vàng. Đàn ông cầm trên tay những chiếc khèn hoặc chiếc chạc⁽²⁾ trâu bò, túm tụm quanh những hũ rượu, bàn tán xôn xao. Những em bé được mẹ địu sau lưng mắt cứ tròn xoe, toét

Tả quang cảnh chung.

(1) *Thổ cẩm*: loại vải dệt thủ công của một số dân tộc thiểu số miền núi, có nhiều hoa văn sắc sỡ nổi lên bề mặt.

(2) *Chạc*: dây bện bằng lát tre, lát nứa, nhỏ và ngắn hơn dây thừng, dùng để buộc.

miệng cười, má căng mọng và hồng rực. Tiếng nói cười rộn rã, tiếng sáo, tiếng khèn diu dặt, tiếng còi xe thỉnh thoảng lại ré lên, tiếng trâu bò ậm ò,...

Chợ chia thành nhiều khu. Người ta mua bán đủ loại mặt hàng, phần nhiều là những sản vật núi rừng: những mớ rau tươi còn ướt sương, những giò phong lan rừng mộc mạc, khoẻ khoắn, những nhánh cây rừng khẳng khiu dùng làm thảo dược; những gùi mận, đào chín đỏ đầy ắp, ... Nếu đi qua dãy bán đồ ăn, bạn sẽ không cưỡng nổi ý muốn sà vào một hàng thắng cố⁽¹⁾. Chảo thắng cố to như cái thùng, luôn sôi sùng sục, nghi ngút khói, toả mùi thơm rất đặc biệt. Đây đó các cô các bà bán xôi ngũ sắc, mở chỗ xôi nóng hổi, lần lượt bóc xôi trắng, xôi tím, xôi vàng, ... vào những mảnh lá non rồi đưa cho khách với nụ cười tươi tắn. Đặc biệt, chợ dành hẳn một khu rất rộng để mua bán gia súc. Bầy trâu hung hăng như muốn giằng mình khỏi sợi dây thừng. Mấy chú bò thông thả, bình thản nằm nhai cỏ như chẳng quan tâm đến người mua kẻ bán. Lũ dê bị cột vào vách núi, thỉnh thoảng lại nhảy cẫng lên. Kẻ bán người mua, tiếng mặc cả, tiếng quát trâu bò ồn ã, vang động cả một góc chợ.

Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

Tả hoạt động cụ thể của con người.

Chợ tan vào tầm quá trưa. Người đi chợ lại tản về các bản làng xa xôi, lòng thầm hẹn tuần sau xuống chợ.

Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hoá trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam. Bạn hãy đến đó một lần để cảm nhận vẻ đẹp và sự sống động của nó.

Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết.

(Nhóm biên soạn)

⁽¹⁾ *Thắng cố*: món ăn của người Mông, thường nấu từ thịt và nội tạng ngựa, đựng trong một cái chảo lớn.

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Hãy nhớ lại những cảnh sinh hoạt để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc khiến em nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống. Có thể tham khảo một số đề tài sau:

- Cảnh chợ cá bên bờ biển
- Ngày tết Trung thu ở quê em
- Cảnh thu hoạch mùa màng
- Cảnh gói bánh chưng ngày Tết
- Cảnh một lễ hội của địa phương.

b. Tìm ý

Sau khi đã lựa chọn được đề tài, hãy tìm ý cho bài viết bằng các cách sau:

- Hình dung các chi tiết về cảnh sinh hoạt theo trí nhớ của em (viết ngắn gọn dưới hình thức cụm từ):
- Thời gian, địa điểm
- Quang cảnh chung và những hoạt động cụ thể
- Những người tham gia và hành động, lời nói của họ.
- Sưu tầm các tư liệu (vật dụng, tranh ảnh, vi-đi-ô cò-líp) liên quan đến cảnh sinh hoạt.

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được cho bài viết thành một dàn ý như sau:

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt.
2. Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt.
 - Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.
 - Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự thời gian; hoạt động cụ thể của những người tham gia.
 - Thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.
3. Kết bài: Nêu suy nghĩ, đánh giá của người viết.

Mục đích viết

Chia sẻ những quan sát và cảm nhận của em, giúp người đọc hình dung rõ về cảnh sinh hoạt.

Người đọc

Bạn bè, thầy cô và những người quan tâm, yêu thích cảnh sinh hoạt mà em miêu tả.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Tả những gì em đã quan sát.

- Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị,... Chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá để bài viết thêm sinh động.
- Sử dụng những từ ngữ thể hiện chân thực tình cảm, suy nghĩ của em.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu cảnh sinh hoạt và tả quang cảnh chung.	Chỉnh sửa, bổ sung nếu bài viết chưa giới thiệu được cảnh sinh hoạt cần miêu tả và quang cảnh chung.
Tả hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt. Cung cấp một số thông tin có liên quan đến cảnh sinh hoạt.	Bổ sung những chi tiết về các hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt (nếu cần). Có thể thêm các thông tin về lịch sử, địa lí, văn hoá,... có liên quan đến cảnh sinh hoạt.
Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.	Đánh dấu những từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung để cảnh sinh hoạt hiện ra một cách rõ nét, sinh động.
Thể hiện cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt.	Đánh dấu những từ ngữ thể hiện cảm nghĩ của bản thân đối với cảnh sinh hoạt. Nếu chưa có, hãy bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa (nếu có).

Nói và nghe

Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến

Hẳn là em có nhiều trải nghiệm thú vị về nơi mình sống hoặc từng đến thăm. Hãy chia sẻ những trải nghiệm ấy với mọi người để chúng ta có cơ hội làm giàu thêm đời sống tâm hồn của mình, mở mang hiểu biết và được truyền cảm hứng khám phá vẻ đẹp của cuộc sống xung quanh.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Hãy nhớ lại những trải nghiệm về nơi em sống hoặc về một vùng đất mà em từng đến thăm. Chọn nói về một trải nghiệm để lại cho em nhiều ấn tượng và cảm xúc nhất.

Gợi ý: Em có thể kể về những điều đã thấy trên con đường tới trường hay những lần theo cha mẹ, ông bà ra đồng ruộng, lên nương rẫy, đi chợ phiên, dạo phố phường,... Có thể chia sẻ cảm nhận về một khung cảnh thiên nhiên hay một cảnh sinh hoạt mà em trực tiếp quan sát hoặc tham gia nhân một lần về thăm quê hay một chuyến du lịch cùng với gia đình, một buổi tham quan cùng với lớp,... Có thể sử dụng một số chi tiết trong bài tả cảnh sinh hoạt đã thực hiện trong phần Viết để làm cho nội dung bài nói thêm phong phú.

- Viết ra giấy các ý chính của bài nói. Cần có nội dung giới thiệu hoàn cảnh dẫn đến trải nghiệm mà em muốn chia sẻ (đi tới trường, đi chợ hay dạo phố cùng người thân, về thăm quê hay đi du lịch cùng gia đình, đi tham quan cùng với lớp,...); tả khung cảnh mà em quan sát được (nhộn nhịp, rộn rã, náo nhiệt hay yên tĩnh, bình lặng, hoang sơ,...); nêu những trải nghiệm và ấn tượng nổi bật của em về khung cảnh nơi em nói đến.
- Chuẩn bị tranh ảnh, vi-đi-ô cò-líp,... liên quan đến trải nghiệm (nếu có).

b. Tập luyện

Tập trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân và nhờ họ nhận xét, góp ý. Tập luyện nhiều sẽ giúp em hoàn thiện bài nói và tự tin hơn khi trình bày trước lớp.

Mục đích nói

Chia sẻ trải nghiệm của bản thân về một vùng đất.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân hoặc những người đang muốn đến thăm vùng đất mà em nói tới.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Trình bày bài nói một cách rõ ràng, nhấn mạnh những điểm quan trọng.
- Nêu câu hỏi để lôi cuốn người nghe tham gia tương tác.
- Có thể bày tỏ sự hào hứng khi tái hiện, kể về những cảnh, những sự việc mà em đã chứng kiến hoặc trực tiếp tham gia. Khi nói, có thể kết hợp sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, biểu cảm của nét mặt) để thu hút sự chú ý của người nghe.
- Trong khi nói, có thể sử dụng những bức ảnh hay vi-đi-ô cò-líp minh họa vào thời điểm thích hợp.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Cùng hình dung đặc điểm của sự vật, sự việc được người nói kể, tả, từ đó nêu ý kiến nhận xét hoặc cảm xúc của mình về bài nói.	Lắng nghe và phản hồi những chia sẻ của người nghe một cách tích cực.
Nêu câu hỏi về những điều cần làm rõ thêm: thông tin về lịch sử, địa lí, văn hoá có liên quan đến không gian được nói tới.	Giải thích những điều người nghe cần làm rõ.
Góp ý về cách trình bày (ngữ điệu, cách diễn đạt, sự tương tác với người nghe).	Cảm ơn và tiếp thu những góp ý với tinh thần cầu thị.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin về hai văn bản *Cô Tô*, *Hang Én*.

	<i>Cô Tô</i>	<i>Hang Én</i>
Hành trình khám phá của người kể chuyện		
Những thông tin xác thực được ghi chép (địa danh, con người, số liệu,...)		
Những biện pháp nghệ thuật nổi bật		

2. Tìm đọc thêm các tác phẩm kí hoặc thơ viết về các vùng miền của đất nước. Chỉ ra một vài nét tương đồng và khác biệt của những tác phẩm đó với các tác phẩm đã học trong bài.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những dấu hiệu cho thấy văn bản này thuộc tiểu loại du kí.
- Vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ.
- Những thông tin hữu ích về lịch sử và văn hoá trong bài kí.

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

LAM LINH

Trong suốt cuộc hành trình dài hơn 20 tháp lớn nhỏ, xa gần suốt dọc chiều dài gần nghìn cây số, tôi đặc biệt thích nhóm tháp Khương Mỹ. Thích không phải vì nó có giá trị lịch sử đặc biệt, không phải vì nó nằm ở một vị trí đẹp mắt. Đơn giản thích chỉ bởi vì cụm tháp này vẫn còn giữ được khá nguyên vẹn “nhan sắc” thuở sơ khai của nó vào hơn một nghìn năm về trước, chưa bị bàn tay con người đục chạm hay sửa sang như hầu hết các cụm tháp khác, một vẻ đẹp thách thức với thời gian.

Trời lất phất mưa khi chúng tôi tìm đường vào cụm tháp Khương Mỹ.

Di tích tháp Chăm⁽¹⁾ Khương Mỹ thuộc thôn 4, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được xây dựng vào cuối thế kỉ IX đầu thế kỉ X, bao gồm ba tháp: tháp Bắc, tháp Giữa, tháp Nam. Cụm tháp Khương Mỹ được công nhận là di tích quốc gia năm 1989.

Mưa đã dứt. Bước qua những thân cỏ rậm rạp và ướt đẫm nước mưa, tôi ghé thăm những ngọn tháp đang lấp lánh dưới ánh mặt trời. Nếu như trong mưa, những tháp cổ toát lên một vẻ đẹp lộng lẫy, trầm mặc, suy tư, u buồn thì trong nắng, vẻ đẹp của tháp được phô diễn bởi màu gạch nung óng ả nổi bật giữa trời xanh. Hơn một ngàn năm, trải qua bao thăng trầm của lịch sử, những ngọn tháp trở nên trầm tư, lặng lẽ, uy nghiêm.

Ba tháp được xếp theo trục bắc – nam, kiến trúc theo lối tháp Chăm truyền thống với mặt bằng gần vuông, cửa ra vào hướng đông, mái ba tầng. Cửa giả của các tầng tháp trang trí hình lá đề. Một số tác phẩm điêu khắc gắn vào chân tháp có hình chim thần Ga-ru-đa⁽²⁾ (Garuda), rắn Na-ga⁽³⁾ (Naga), người cưỡi voi, người cưỡi ngựa⁽⁴⁾,... Bên trong tháp trống trơn, chỉ có rêu xanh phủ đầy ở những nơi mà ánh sáng có thể lọt vào.

(1) *Tháp Chăm*: một dạng đền tháp thuộc kiến trúc quen thuộc của dân tộc Chăm (còn gọi là dân tộc Chăm, sinh sống chủ yếu ở vùng Nam Trung Bộ ngày nay).

(2), (3) *Chim thần Ga-ru-đa, rắn Na-ga*: những con vật trong truyền thuyết Ấn Độ giáo.

(4) *Người cưỡi voi, người cưỡi ngựa*: các họa tiết trang trí liên quan đến Ấn Độ giáo từng ảnh hưởng đến văn hoá Chăm.

Bức tường của tháp thứ hai là cả một tác phẩm nghệ thuật đồ sộ vẫn còn được giữ khá nguyên vẹn. Từ dưới chân tháp đến đỉnh tháp là hoa văn điêu khắc trực tiếp trên gạch với những nét uyển chuyển khó tin. Trải qua cả nghìn năm, những nét hoa văn vẫn duyên dáng lạ thường. Màu sắc thắm sau mưa của gạch càng làm hoa văn thêm sắc nét. Mảng gạch lộ ra ngoài giúp ta có thể nhìn thấy được những viên gạch với mối nối đặc biệt. Cách xây dựng các tháp Chăm vẫn khiến các nhà khoa học đau đầu. Người Chăm cổ đã xây dựng nên những toà tháp bằng cách nào? Những viên gạch được mài phẳng rồi xếp lên nhau vừa khít, được gắn bởi một loại keo dán đặc biệt hay họ đã xếp gạch chưa nung thành toà tháp rồi nung lên cho chúng gắn kết tự nhiên trong quá trình nung? Chưa ai trả lời được câu hỏi đó.

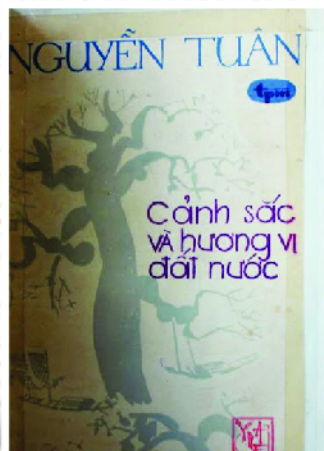
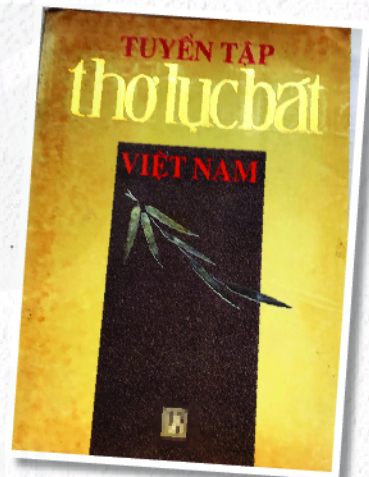
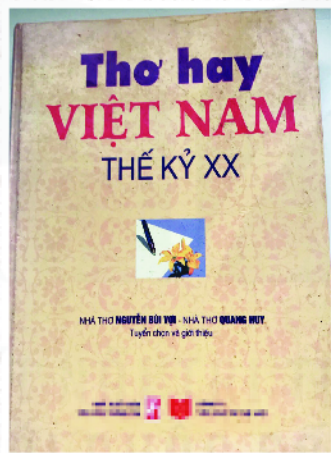
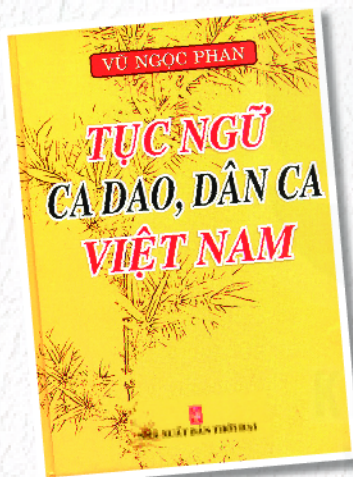
Xung quanh chân tháp, tôi vô cùng thích thú với những mảng điêu khắc có hình các chú khỉ đáng yêu đang bận rộn, mỗi chú một việc. Những tượng khỉ này có lẽ liên quan đến trường ca *Ra-mai-a-na (Ramayana)*, một pho sử thi nổi tiếng của Ấn Độ. Vài chú khỉ đội hành lí lên đầu, có lẽ chúng đang lội nước. Có cảnh khá tình nghịch diễn tả khỉ bị rùa cắn, có cảnh diễn tả sự mệt mỏi của các chú khỉ với cái lưng còng xuống, hai tay ôm bầu nước, có cảnh ba chú khỉ đang đánh trống, nhảy múa...

Tháp Chăm Khương Mỹ để lại cho tôi ấn tượng đặc biệt bởi những hoa văn điêu khắc tinh xảo. Tiếc là những tháp Chăm còn giữ lại những vẻ đẹp như thế này không nhiều, nếu không nói là đến hôm nay chỉ còn duy nhất tháp Khương Mỹ. Rời tháp Chăm Khương Mỹ khi trời đã về chiều, tôi và cô bạn không khỏi nuối tiếc vì vẫn muốn đắm mình lâu hơn nữa với những ngọn tháp cổ, để được cảm nhận sâu hơn nữa những giá trị văn hoá mà tháp Chăm đem lại cho con người hôm nay.

(Theo Lam Linh, *Yếm đào du kí, Phụ nữ và những chuyến đi*, NXB Phụ nữ & An-pha-bút (Alphabooks), Hà Nội, 2017, tr. 286 – 293)

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số bài thơ lục bát và bài du kí về quê hương đất nước.
- Trao đổi với các bạn về:
 - ✓ Chủ đề của các tác phẩm mà em đã đọc.
 - ✓ Số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ của các bài thơ lục bát.
 - ✓ Hình thức ghi chép, cách kể sự việc của các bài du kí.
- Đọc diễn cảm một bài thơ lục bát hoặc một đoạn văn trong một bài du kí.
- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ mà em yêu thích.



ÔN TẬP HỌC KÌ I

A. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

1. Trong học kì I, em đã học các bài: *Tôi và các bạn*, *Gõ cửa trái tim*, *Yêu thương và chia sẻ*, *Quê hương yêu dấu*, *Những nẻo đường xứ sở*. Hãy chọn mỗi bài một văn bản và lập bảng theo mẫu sau:

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

2. Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, tập làm thơ lục bát, tả cảnh sinh hoạt. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:
- Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.
 - Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài.
3. Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua. Những nội dung đó có liên quan như thế nào với những gì đã đọc hay đã viết?
4. Tóm tắt các kiến thức tiếng Việt đã học theo mẫu gợi ý sau:

Bài	Hiện tượng, đơn vị ngôn ngữ	Khái niệm	Ví dụ minh họa

B. LUYỆN TẬP

1. ĐỌC

a. Đọc đoạn trích

[...] Tôi là đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai trong rừng già, trên sườn núi cao cheo leo.

Mùa xuân đến, từ trên cánh tay và mái tóc của mẹ, từng nụ hoa dẻ nhú ra như quả cầu xanh có tua gai nhỏ. Rồi hoa lớn dần thành những trái dẻ xù xì gai góc. Anh chị em chúng tôi ra đời như thế đó.

Chúng tôi lớn lên trong mùa hè nắng lửa, mưa giông. Những cơn mưa ào đến gội ướt đầm tóc mẹ và tắm mát cho chúng tôi. Nắng làm bỏng rát cả làn da và mái tóc của mẹ.

Khi thu về, trái dẻ khô đi, lớp áo gai đã chuyển sang màu vàng cháy. Hạt dẻ căng tròn làm nứt bung cả tấm áo gai xù bông đã quá chật chội.

[...] Tôi vẫn nằm im trong lớp áo gai xù bông, nép vào một cánh tay của mẹ. Tôi chẳng muốn chui khỏi tấm áo ấm áp, an toàn đó chút nào.

Nhưng rồi những ngày thu mơ mộng cũng trôi qua.

Gió lạnh buốt bắt đầu thổi ù ù qua khu rừng. Gió vụn vụn những cánh tay dẻo dai của mẹ. Gió lay giật tấm thân vững chãi của mẹ. Nhưng mẹ vẫn bền gan đứng trên sườn núi cheo leo.

[...] Khi mùa đông đến, tôi cứ thu mình mãi trong tấm áo gai xù bông ấm áp của họ nhà dẻ gai và nép mãi vào tay mẹ, tóc mẹ. Tôi sợ phải xa mẹ, sợ phải tự sống một mình. Tôi sợ những gì lạ lẫm trong rừng già. Nhưng tôi nghe tiếng mẹ thì thầm:

– Bé Út của mẹ, con nhỏ nhất nhà so với các anh chị nhưng con cũng đã lớn rồi đấy. Con là một bé dẻ gai rất khỏe mạnh. Hãy dũng cảm lên nào, con sẽ bay theo gió và sẽ trở thành một cây dẻ cường tráng trong cánh rừng này nhé!

Tôi cố quấy mình... Tấm áo gai dày và ấm bắt chột bung ra. Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ. Hoá ra tôi là trái dẻ cuối cùng đang nép trên cánh tay vươn cao nhất của mẹ. Mẹ đưa tay theo chiều gió và thì thầm với riêng tôi: “Tạm biệt con yêu quý,

hạt dẻ bé bỏng nhất của mẹ. Dù thế nào con cũng sẽ lớn lên, hãy dũng cảm và đón nhận cuộc sống mới nhé!”.

Tôi bỗng thấy mình bay nhẹ theo làn gió, tung mình vào khoảng không bao la rồi rơi êm xuống thảm lá ẩm sục của rừng già... “Tạm biệt mẹ! Con yêu mẹ!” – tôi gọi với theo gió trước khi chìm vào giấc ngủ đông ấm áp. Và tôi mơ...

(Trích *Câu chuyện của hạt dẻ gai*, Phương Thanh Trang,
Văn học và tuổi trẻ, số 12 (465)/ 2020)

b. Chọn câu trả lời đúng

Câu 1. Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào?

- A. Mẹ Dẻ Gai
- B. Một cây dẻ trong rừng già
- C. Một nhân vật trong câu chuyện
- D. Nhân vật “tôi” – đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai

Câu 2. Từ “chúng tôi” trong câu chuyện được dùng để chỉ những nhân vật nào?

- A. Mẹ, hạt dẻ gai và các anh chị em
- B. Nhân vật “tôi” và các anh chị em
- C. Nhân vật “tôi” và các bạn trong rừng già
- D. Những hạt dẻ gai trong rừng già

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: “Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ”?

- A. Ẩn dụ
- B. Điệp ngữ
- C. Hoán dụ
- D. So sánh

Câu 4. Vì sao khi mùa đông đến, “tôi” cứ mãi thu mình trong tấm áo gai xù bông ấm áp?

- A. Vì “tôi” nhỏ nhất nhà và chưa đủ lớn.
- B. Vì “tôi” rất thích tấm áo gai xù bông ấm áp.

C. Vì “tôi” sợ gió lạnh, sợ mùa đông đến.

D. Vì “tôi” sợ xa mẹ, sợ tự lập và những gì lạ lẫm.

c. Thực hiện bài tập

Câu 5. Nhân vật “tôi” thể hiện được những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện đồng thoại?

Câu 6. Hãy tìm ba từ mà em cho là phù hợp để nêu bật đặc điểm của nhân vật “tôi”.

Câu 7. Nêu bài học cuộc sống mà em có thể rút ra từ câu chuyện của hạt dẻ gai trong đoạn trích.

2. VIẾT

Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1. Em hãy tưởng tượng những điều hạt dẻ gai gặp trong giấc mơ và sau giấc ngủ đông ấm áp. Hãy giúp bạn ấy kể tiếp câu chuyện của mình trong rừng già theo cách của em.

Đề 2. Những trải nghiệm của nhân vật “tôi” trong đoạn trích có thể gợi liên tưởng đến điều gì trong cuộc sống của em? Hãy chia sẻ điều đó với mọi người.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Bài
1	(biện pháp tu từ) ẩn dụ	2, 4, 5
2	biện pháp nghệ thuật	5
3	biện pháp tu từ	1, 2, 4, 5
4	ca dao	4
5	chủ đề	4, 5
6	cốt truyện	1
7	cụm danh từ	3
8	cụm động từ	3
9	cụm tính từ	3
10	cụm từ	3, 5
11	dấu câu	5
12	dấu ngoặc kép	5
13	dị bản	4
14	du kí	5
15	đặc điểm nhân vật	1, 3
16	đề tài	1, 2, 3, 4, 5
17	điệp ngữ	2
18	điệp từ	2
19	(lời) độc thoại	1, 3
20	(lời) đối thoại	1, 3
21	gieo vần	4
22	hành động (của nhân vật)	1, 2, 3
23	hình ảnh	1, 2, 3, 4, 5
24	(biện pháp tu từ) hoán dụ	4
25	kí	5
26	lời đối thoại	1, 3
27	lời người kể (chuyện)	1
28	lời nhân vật	1
29	lời nói	1, 2, 3, 5
30	lời nói trực tiếp	1, 2
31	lời thơ	4
32	lục bát biến thể	4
33	miêu tả	1, 2, 3, 4, 5
34	mục đích nói	1, 2, 3, 4, 5
35	mục đích viết	1, 2, 3, 4, 5
36	ngắt nhịp	4

37	ngoại hình nhân vật	1, 3
38	ngôn ngữ thơ	2
39	người kể chuyện	1, 2, 3, 5
40	người kể chuyện ngôi thứ ba	1, 3
41	người kể chuyện ngôi thứ nhất	1, 5
42	nhạc điệu	2, 4
43	(biện pháp tu từ) nhân hoá	1, 5
44	nhân vật	1, 2, 3
45	nhịp (điệu)	2, 4
46	nhịp thơ	2, 4
47	nội dung nói	1, 2, 3, 4, 5
48	(biện pháp tu từ) so sánh	2, 5
49	(chuỗi) sự kiện	1, 3
50	thanh điệu	4
51	thành ngữ	1, 4
52	thành phần chính của câu	3
53	thế giới nội tâm (của nhân vật)	3
54	thể loại	1, 3, 5
55	thể thơ	2, 4
56	thể thơ lục bát	4
57	thơ	1, 2, 3, 4, 5
58	thơ lục bát	4
59	truyện	1, 2
60	truyện đồng thoại	1
61	truyện kể	1, 2, 3
62	trữ tình	4
63	từ đa nghĩa	4
64	từ đồng âm	4
65	từ đơn	1
66	từ ghép	1
67	từ láy	1
68	từ phức	1
69	văn bản	1, 2, 3, 4, 5
70	vần (điệu)	2
71	vần thơ	2, 4

PHỤ LỤC 2

GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	ẩn dụ	biện pháp tu từ lấy tên gọi của sự vật, hiện tượng này để chỉ sự vật, hiện tượng khác dựa trên đặc điểm tương đồng để (giống nhau) giữa các sự vật, hiện tượng
2	ca dao	những bài thơ trữ tình dân gian, thường là phần lời của những bài dân ca
3	cốt truyện	câu chuyện được kể tóm lược dựa trên chuỗi sự kiện quan trọng, thường sắp xếp theo trình tự thời gian
4	cụm danh từ	cụm từ có danh từ làm trung tâm
5	cụm động từ	cụm từ có động từ làm trung tâm
6	cụm tính từ	cụm từ có tính từ làm trung tâm
7	du kí	thể loại kí ghi chép sự việc qua những chuyến đi
8	đặc điểm nhân vật	tổng hợp những nét chính của nhân vật trong tác phẩm, được biểu hiện thông qua hình dáng, hành động, ngôn ngữ,...
9	hoán dụ	biện pháp tu từ dùng từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác dựa trên quan hệ tương cận (gần nhau) của các sự vật, hiện tượng: bộ phận – toàn thể, vật chứa – vật được chứa, công cụ – nghề nghiệp,...
10	kí	thể loại văn học chú trọng ghi chép sự thực
11	lời độc thoại	lời của nhân vật hoặc một người tự nói với chính mình (nghĩ trong đầu hoặc nói thành tiếng)
12	lời nhân vật	lời nói của nhân vật trong tác phẩm, có thể là đối thoại hoặc độc thoại
13	lời người kể (chuyện)	lời của nhân vật được tác giả giao vai trò kể, dẫn dắt câu chuyện
14	(thơ) lục bát	thể thơ 6/8, được sắp xếp thành từng cặp: một dòng sáu tiếng (câu lục) và một dòng tám tiếng (câu bát)
15	lục bát biến thể	một dạng của thể thơ lục bát, có biến đổi ít nhiều về số tiếng, vị trí gieo vần và cách ngắt nhịp

16	người kể chuyện	nhân vật do tác giả sáng tạo ra để kể câu chuyện (có thể xuất hiện trực tiếp hoặc ẩn mình trong tác phẩm)
17	nhân vật	hình tượng được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm, có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,...
18	thơ	một thể loại văn học có cách tổ chức ngôn ngữ khác với ngôn ngữ giao tiếp thông thường, có quy định riêng về vần điệu, nhịp điệu, số tiếng trong câu, số câu trong bài,...
19	truyện đồng thoại	truyện sáng tác cho trẻ em, nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá
20	từ đồng âm	các từ có hình thức âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau
21	từ đơn	từ được cấu tạo bởi một tiếng
22	từ ghép	một loại từ phức, được cấu tạo bởi các tiếng có mối quan hệ về nghĩa
23	từ láy	một loại từ phức, được cấu tạo bởi các tiếng có mối quan hệ về âm thanh
24	từ phức	từ được cấu tạo bởi hai hoặc nhiều hơn hai tiếng

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: TRẦN MAI THANH HẰNG – THÂN THUỖ TRANG

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: PHAN THỊ THANH HOA

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa: BÙI VIỆT DUY

Sửa bản in: TRỊNH ĐÌNH DỰNG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2020) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 6 - TẬP MỘT

Mã số: ...

In ... bản, (QĐ 01) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Số ĐKXB: .../CXBIPH/.../GD.

Số QĐXB: .../QĐ-GD - HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: ...